

Islam

Và Tây-phương

Nguyên tác "Islam at the Crossroads"

Tác giả: Muhammad Asad

Chuyển ngữ: Habib - Từ công Nhượng

Nguyên tác “Islam at the Crossroads”
Tác giả: Muhammad Asad
Chuyển Ngữ: Habib - Từ công Nhượng

Xuất bản lần thứ nhất vào năm 1999

Tái bản lần thứ hai vào năm 2014

Bản quyền @ 2014 của **Tủ Sách Islam**

Mục Lục

Lời mở đầu	i
Chương Hai	
Con đường sáng lạng của Islam	1
Chương Hai	
Tinh thần Phương Tây.....	17
Chương Ba	
Tai ách của Thập-tự-quân	35
Chương Bốn	
Vấn đề giáo dục.....	49
Chương Năm	
Vấn đề bất chước.....	61
Chương Sáu	
Hadith và Sunnah	67
Chương Bảy	
kết luận.....	76
Phụ Lục	
Bối Cảnh thế giới và sự xuất hiện của Islam.....	73
Thánh chiến Thập-tự-quân	79
Thuật-ngữ.....	83

Giới Thiệu

Cuốn “Islam và Tây-phương” mà quý vị đang cầm trong tay được chuyển ngữ từ nguyên tác “Islam at the Crossroads” của ông Muhammad Asad. Bản tiếng Anh ra đời đầu tiên năm 1934 tại Delhi (Ấn-độ), từ đó được xuất bản, được dịch sang tiếng Ả-rập và nhiều thứ tiếng khác gây nhiều tiếng vang trong thế giới Islam. Dưới sự hâm mộ của giới thanh niên, ông Muhammad lại tái bản với những điểm bổ chính vào năm 1982 tại Tangier (Marocco), sau hơn nửa thế kỷ được xuất bản, chứng minh nội dung có tầm quan trọng khác thường của cuốn sách này.

*Tôi tình cờ phát giác cuốn **Islam at the Crossroads** vào năm 1996, sau khi ông Muhammad đã qua đời, và bắt đầu công trình chuyển sang tiếng Việt vào mùa Xuân năm 1997. Hy vọng công trình chuyển ngữ này có thể đáp ứng được một số thắc mắc trong cộng đồng người Muslim nhất là giới trí thức được đào tạo chuyên nghiệp, hấp thụ nền giáo dục của Tây-phương.*

Xin Thượng Đế ban An-bình cho Thiên sứ Muhammad (saw), Người đã đem Islam đến cho thế giới, và linh hồn của ông Muhammad Asad được an giấc nghìn thu.

Chân thành cảm tạ ban Tủ Sách Islam, Đohamid Abu Talib, Maryam Kiều thị Kim-Quy, Abdul Halim Ahmad, thân sinh tôi Hassan Karim Từ công Thu, Trần Thị Fatimah, Bích Thủy

Ayađ, đã hy sinh nhiều thì giờ quý báu, giúp đỡ nhiều ý kiến xây dựng cao đẹp trong công trình hoàn tất cuốn sách này.

Đặc biệt ghi ơn anh Hamzah Bùi Thiệu, người trí thức trẻ mới nhập đạo tại Austin, bang Texas, đã giúp đỡ tinh thần cũng như tài chánh trong việc ấn loát, và các bạn trẻ đang hoạt động gắn bó với các cộng đồng Muslim tại Hoa-kỳ: Basari Mohamath, Mohamađ Sales, Mouslim Ahmath; và các cô gái đầy nhiệt huyết: Jamalyah Sulayman, Sakilyne Kally, Khalifa Ghazali, Falahyah Jacques, Rohany Ya, Amina Sen và những bạn trẻ khác đã làm việc âm thầm vì cộng đồng Muslim và tương lai của Islam.

Nam California, Hoa Kỳ

Ngày 26, tháng 1 năm 2014 T.L.

Ngày 25, Rabi al-Awal 1435 H.L.

Habib - Từ công Nhượng

Lời mở đầu

Trong các trang sách lịch sử, chưa bao giờ nhân loại đang trải qua một giai đoạn sôi nổi như thời hôm nay. Chẳng những con người đang đối diện với hàng ngàn vấn đề của thời đại đòi hỏi những giải pháp mới mẻ chưa từng có trong lịch sử mà lảng kính nhìn các vấn đề này cũng khác hẳn với cách nhìn trong quá khứ. Hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải trải qua những đổi thay đến tận gốc rễ, tốc độ có thay đổi theo từng địa phận nhưng một động lực đã tác động ở mọi nơi khiến không ai có thể làm dừng bước hoặc ngưng ngừng.

Về phương diện này, Islam cũng không phải là một biệt lệ. Trong đó, chúng ta thấy các tập tục truyền thống và ý nghĩ cổ xưa từ từ bị biến mất nhường chỗ cho lý tưởng và những hình thức mới xuất hiện. Sự diễn biến này sẽ đưa chúng ta về đâu? Nó đã đi xâm nhập vào Islam trầm trọng tới mức nào? Và đã ảnh hưởng đến nền văn hóa của Islam ra sao?

Cuốn sách nhỏ bé này không có tham vọng sẽ giải đáp tất cả những thắc mắc nêu trên mà chỉ phân tích về một đề tài. Đó là thái độ của người Muslim và nền văn minh Tây-phương. Nhưng tính bao quát của đề tài này khiến chúng ta phải nói rộng tầm nhìn trên một số khái niệm căn bản của Islam: nhất là về khái niệm Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*). Dĩ nhiên, một vài khái niệm bao quát không thể nào tương đương với những bộ toàn thư đã chú giải về Islam. Tuy nhiên, tôi tin rằng một vài nét phác họa ngắn gọn trong cuốn sách này có thể sẽ khích lệ độc giả suy nghĩ thêm về vấn đề không bao giờ nói hết tầm quan trọng của nó.

Về tiểu sử của tôi, vì tôi nghĩ rằng độc giả cũng muốn biết về lý lịch của tác giả, đặc biệt đối với một người mới nhập đạo, tại sao tôi đã trở thành người Muslim (Hồi giáo).

Năm 1922, tôi rời nước Áo (Austria) nơi tôi sinh ra và lớn lên, du hành qua Phi-châu và Á-châu với tư cách là đặc phái viên cho các tòa báo lớn tại Âu-châu. Kể từ năm đó cho đến gần hết quãng đời còn lại tôi đã sống trong thế giới Islam (Hồi giáo).

Ban đầu sự chú tâm đối với các quốc gia mà tôi đã đi qua là trên cương vị của một người du lịch, chỉ đứng bên ngoài nhìn vào. Tôi thấy trước mắt tôi, một xã hội với nề nếp và lý tưởng sống hoàn toàn khác biệt đối với xã hội Âu-châu. Có thể nói, tôi đang chứng kiến một cuộc sống gần gũi với con người hơn so với lối sống chộp giựt và máy móc của Âu-châu. Tự nhiên trong người tôi nảy sinh một thiện cảm lạ lùng. Cảm tình đó đã đưa tôi đến tìm hiểu nguyên nhân nào dẫn đến sự khác biệt giữa hai xã hội, và từ từ tôi đã bị lôi cuốn vào những lời chỉ dạy của Islam. Lúc bấy giờ, ước vọng của tôi không đủ mạnh để trở thành người Muslim nhưng đã mở rộng tầm mắt trước xã hội với khả năng phát triển con người thật sự; một xã hội được xếp đặt dựa trên cấu trúc trong đó sự xung đột giữa các cá nhân được giảm thấp đến mức tối thiểu đồng thời khuyến khích tình huynh đệ đại đoàn kết đến mức tối đa. Nhưng hôm nay, người Muslim lại sống rất xa vời với các lý tưởng đã được ban cho trong các lời dạy của Islam; những gì trong Islam đã một thời làm cho con người trở nên rộng lượng và sẵn sàng hy sinh niềm ích kỷ cá nhân thì ngày nay người Muslim lại sống một cuộc sống hoàn toàn đối nghịch, thiên cận và thụ hưởng.

Sau khi khám phá ra điều này và ngẫm nghĩ giữa hai thái cực: Xưa và Nay, tôi tìm cách thử nghiệm vấn đề bằng cách hình dung tôi đang ở bên trong Islam. Chỉ trong một thời gian ngắn, giải pháp mà tôi đang tìm kiếm tự nhiên xuất hiện. Lúc bấy giờ tôi mới thấy, có và chỉ có một lý do đã làm cho xã hội và văn hóa Islam suy đồi là vì người Muslim đã bỏ rơi tinh thần của Islam. *Islam vẫn còn đó nhưng chỉ là một cái xác không hồn.* Yếu tố quan trọng nhất đã làm cho Islam hưng thịnh và vinh quang cũng chính là yếu tố đã làm cho nó trở nên suy vi và bế tắc. Ngay từ nguyên khởi, Islam đã được thiết kế trên nền tảng tôn giáo, khi nền tảng của nó bị suy yếu

thì cấu trúc văn hóa cũng bị lung lay nguy cơ sẽ bị sụp đổ hoàn toàn.

Khi bắt đầu thấu hiểu nền móng và tác dụng của Islam quá ư vững chắc và vĩ đại, tôi bắt đầu thắc mắc tại sao người Muslim lại từ bỏ toàn bộ các ứng dụng của Islam trong đời sống hằng ngày? Tôi thảo luận vấn đề này với nhiều nhà trí thức Muslim từ bãi sa mạc của Li-by cho đến vịnh Ả-rập. Lúc ấy, tất cả những ham thích ban đầu của tôi đã hoàn toàn biến mất ngoại trừ vấn đề người Muslim rời bỏ Islam. Nó lôi cuốn tôi đến mức một người ngoại đạo như tôi nói chuyện với người Muslim mà tôi nói như một người đang bảo vệ tín ngưỡng của chính mình. Một ngày kia, vào mùa thu năm 1925, trong vùng núi khô cằn tại A-phú-hãn, một vị tỉnh trưởng trẻ đã thốt lên: "Trời ơi, anh là người Muslim mà anh không biết đó thôi!" Tôi sửng sò và nín lặng. Khi trở lại Âu-châu vào năm 1926, tôi thấy chỉ có con đường lý tưởng nhất là đi theo Islam.

Từ đó đến nay, có người thường hỏi: "Tại sao anh trở thành Muslim? Islam có gì đặc biệt lôi cuốn anh dữ vậy?" Thú thật, tôi không có câu trả lời nào thỏa đáng nhưng phải nói đến cấu trúc tuyệt vời của Islam, từ nền luân lý cho đến các ứng dụng của nó trong thực tế. Đến nay, tôi vẫn không thể nào hình dung được mặt nào xuất sắc hơn mặt nào mà phải nói, Islam và toàn thể cấu trúc của nó hiện ra như một công trình cấu trúc toàn diện, các thành phần của nó liên kết một cách hài hòa, không có gì quá đáng và không có gì thiếu sót; tất cả đã tạo nên một tòa nhà kiên cố và cân bằng.

Có lẽ vì cảm giác Islam và những điều chỉ dạy của nó đã đặt "mọi vật và mọi việc vào đúng với vị trí của nó" đã lôi cuốn tôi nhiều nhất. Hẳn nhiên, có nhiều điều khác hấp dẫn hơn nhưng tôi không diễn tả được. Nhưng làm sao có thể diễn tả được khi nói đến tình yêu? Bởi vì tình yêu lúc nào cũng có nhiều cảm xúc êm đềm: lẻ loi và khao khát, ước mơ và rung động, cô đơn và khiêm khuyết... Đó là trường hợp của tôi. Islam đến với tôi như một tên trộm. Nhưng không giống như

tên trộm, nó vào nhà tôi nhưng thiện cảm đã làm nó lưu lại ở đó luôn.

Từ đó, tôi cố gắng học hỏi về Islam, về Thiên-kinh Qur'an và Sunnah, về ngôn ngữ của Islam và lịch sử của nó; đọc rất nhiều công trình nghiên cứu về Islam và những sách vở chống lại Islam. Tôi đã sống gần 6 năm tại vùng Hijaz và Najd, phần lớn tại Mecca và Mēđina hầu như nhận những cảm tình của Islam do vị Thiên sứ thân yêu đã lưu lại thời ban đầu. Vì Hijaz (địa phận bao gồm Mecca và Medina) là nơi gặp gỡ của người Muslim trên thế giới, tôi đã may mắn học hỏi và trao đổi các quan điểm tôn giáo và xã hội trong thế giới Islam với các nhà trí thức Muslim. Các quá trình nghiên cứu và so chiếu đã đưa tôi đến kết luận, mặc dầu cuộc sống của người Muslim ngày hôm nay đã lâm vào tình trạng suy đồi, Islam vẫn tồn tại là nguồn động lực vĩ đại nhất mà nhân loại đã từng chứng kiến trong lịch sử. Từ đó, tôi đã dồn nỗ lực vào công trình phục sinh Islam.

Cuốn sách nhỏ bé này là một đóng góp khiêm nhường cho mục đích vĩ đại trên. Đây không phải là một công trình nghiên cứu vô tư mà là tiếng nói về một trường hợp: Islam và nền văn minh Tây-phương. Nó không phải được viết cho những người nhìn Islam như những tôn giáo khác nhưng cho những người mà trái tim vẫn còn nóng bỏng với ánh sáng đã một thời bùng cháy trong lòng hàng ngàn Sahabah của Thiên sứ Muhammad (*saw*), ánh sáng đã làm cho Islam vĩ đại và một thành quả sáng ngời.

Muhammad Asad
Delhi, tháng ba 1934.

Chương một

Con đường sáng lạng của Islam

Một trong những khẩu hiệu của lịch sử hiện đại là “chinh phục không gian”. Ngày nay, phương tiện giao thông và truyền tin được phát minh vượt quá các giấc mơ của mọi người. Hàng hoá được di chuyển từ nơi này đến nơi khác với tốc độ chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại. Kết quả của sự phát triển về giao thông vận tải và kỹ thuật truyền tin đã tạo nên một nền kinh tế gắn liền với nhau trên thế giới. Nói chung, không có nước nào có thể phát triển kinh tế của mình một cách đơn lẻ bởi vì chủ nghĩa địa phương không còn hữu hiệu nữa khi chúng ta nhìn kinh tế trên bình diện quốc tế. Quả thật, nền kinh tế hôm nay mang nhiều nét liên đới hơn là cục bộ như xưa. Có thể nói, trong một khía cạnh nào đó, kinh tế đã vượt qua biên giới và chính trị giữa các nước trên thế giới. Nhưng, trong một khía cạnh sâu sắc hơn, ngoài việc vận chuyển hàng hóa giữa nước này đến nước nọ, kinh tế còn chuyên giao và trao đổi tư tưởng giữa các nền văn hóa với nhau. Mặc dù kinh tế và văn hóa đi đôi như hình với bóng, tuy nhiên, hai lãnh vực đó không nhất thiết san sẻ với nhau cùng một động lực. Luật của kinh tế học khẳng định, sự

trao đổi hàng hoá giữa các nước đều mang tính hỗ tương; nghĩa là không có nước nào lúc nào cũng hành sự như là người mua và nước kia lúc nào cũng là người bán cả. Trong thời gian dài, mỗi nước đều đóng vai trò mua lẫn bán, lấy và cho, trao đổi lẫn nhau trong thị trường kinh tế.

Tuy nhiên, trong lãnh vực văn hóa thì lại khác. Quy luật trao đổi hàng hoá và sự hỗ tương kinh tế không nhất thiết lúc nào cũng được áp dụng cho lãnh vực văn hóa cả. Bản chất của con người thường đi theo những nước có nền văn hóa và kinh tế lớn mạnh. Những nền văn hóa năng động hay tích cực đều áp đảo những nền văn hoá thụ động hay yếu kém hơn. Nó tác động trên các nước khác mà không bị nền văn hóa của nước đó ảnh hưởng đến. Đó chính là thảm trạng mà chúng ta đang chứng kiến giữa thế giới Hồi giáo (Islam) và Tây-phương ngày hôm nay.

Từ quan điểm của nhà quan sát lịch sử, sự tác động mạnh mẽ một chiều của nền văn hóa Tây-phương vào các nước Islam, dù cho người Muslim chấp nhận hay phủ nhận cũng không phải là một việc lạ. Bởi lẽ, ảnh hưởng của nền văn hóa Tây-phương trong thế giới người Muslim hiện nay là hậu quả của quá trình lịch sử lâu dài và nhiều yếu tố ngoại lai khác nhau. Đối với nhà sử học chuyên về khảo sát và nhận định thì ông ta có thể thỏa mãn với khám phá của ông, nhưng đối với chúng ta, những người Muslim chân chính thì cục diện vấn đề vẫn chưa kết thúc; đối với những người mang danh là tín đồ của Thiên sứ Muhammad (*saw*) thì chẳng những chúng ta là những người đang chứng kiến mà còn là những người đang sắm vai trong màn bi kịch này. Đây chính là khởi điểm của vấn đề.

Chúng ta tin, Islam là một tôn giáo đặc biệt; không những Islam có một vị trí, một thái độ đứng đắn trong tinh thần của con người, có khả năng hòa hợp với tất cả mọi nền văn hóa khác mà nó còn tự hữu với tính cách là một nền văn hóa và một hệ thống xã hội mang nhiều nét rất đặc thù. Khi đối diện với thảm trạng như ngày hôm nay, khi các ảnh hưởng bên ngoài bắt đầu tỏa nhiệt hướng vào nội tạng, gây ra những va chạm trong những lãnh vực văn hóa thì bắt buộc chúng ta phải dừng lại, nhận định tình hình để phân biệt xem nếu ảnh hưởng bên ngoài là lành mạnh hay tai hại; nó tác dụng như một nguồn sê-rum làm tăng thêm sức mạnh hay chỉ là một liều thuốc độc đang âm thầm hủy hoại Islam.

Về vấn đề này, chúng ta chỉ có thể tìm được câu trả lời từ sự mổ xẻ và phân tích mà thôi. Chúng ta phải tìm ra đâu là động lực đã thúc đẩy hai nền văn minh Islam và Tây-phương. Sau đó, chúng ta phải tìm hiểu về sự hợp tác hỗ tương của hai nền văn minh và đâu là mức giới hạn của hai bên. Vì văn minh Islam bắt nguồn từ nền tảng tôn giáo, cho nên trước tiên, chúng ta phải định nghĩa vai trò tổng thể của tôn giáo trong đời sống con người.

Đối với người Muslim, "thái độ tôn giáo" chính là đức kết tự nhiên từ cấu trúc sinh lý và trí thức của con người. Thật ra, con người không bao giờ có thể giải thích những bí ẩn của sự sống hay nỗi chết, của vô tận hay bất diệt. Sự suy luận của con người sẽ dừng lại trước bức tường kiên cố. Nếu suy luận tiếp, y chỉ có thể tiến tới từ hai khía cạnh: một là phải từ bỏ những nỗ lực hiểu biết, cuộc sống là một hiện tượng "tổng quan", nghĩa là cuộc sống là một hiện tượng toàn bộ và bao quát; và hai, chấp nhận cuộc sống là một hiện tượng tổng quan. Nếu phủ nhận cuộc sống là một sự kiện tổng quan thì con người chỉ có

thể dựa vào những kinh nghiệm bên ngoài để suy luận; tuy nhiên, phương thức này có nhiều khuyết điểm và giới hạn bởi lẽ nó chỉ cung ứng sự hiểu biết theo từng khía cạnh riêng biệt. Dù kiến thức càng ngày càng phát triển nhưng sự hiểu biết của con người vẫn tồn tại một cách rời rạc, bởi lẽ bao quát và toàn bộ là một khái niệm vượt quá giới hạn của con người. Tuy nhiên, đây chính là con đường mà các nhà khoa học đã đổ dồn năng lực để theo đuổi.

Song song với khoa học, một con đường khác để giải thích cuộc sống là tôn giáo. Tôn giáo diu dắt con người bằng phương tiện nội tâm và những kinh nghiệm trực giác để chấp nhận ý nghĩa của cuộc sống từ một phương thức đơn thuần rằng có một Quyền-lực Tối-cao hiện đang duy trì vũ trụ theo một sơ đồ đã được thiết kế vượt ngoài khả năng hiểu biết của con người. Quan niệm này không nhất thiết ngăn chặn con người tìm hiểu cuộc sống từ những dữ kiện khoa học và các kiến thức đúc kết từ sự khảo sát bên ngoài; cho nên, không có đối nghịch giữa nhận thức đối ngoại (khoa học) và nhận thức nội tâm (tôn giáo). Thật ra, chỉ có tôn giáo mới bao gồm những quan niệm cho rằng sự sống mang một mục đích và động lực. Nói tóm lại, một sự hòa hợp và quân bình toàn bộ. Mặc dù chữ “quân bình” được dùng ở đây mang ý nghĩa rất nông cạn để diễn tả, nhưng tối quan trọng, bởi lẽ nó nói lên thái độ thâm kín trong chính con người. Một con người ý thức về tôn giáo không bao giờ chấp nhận mọi việc xảy ra trong cuộc sống là kết quả từ sự ngẫu nhiên, vô tình hay không có mục đích. Y tin rằng đó chính là hành động xuất phát từ Quyền-lực Tối-cao, cho nên được phác họa cho một mục đích vĩ đại hơn trong vũ trụ. Lúc đó, y mới có thể giải thích được những mâu thuẫn giữa Bản-ngã (Self) và thế giới bên ngoài mà chúng ta gọi là Thiên-nhiên. Con người, với cơ chế phức tạp của linh hồn về nỗi khát khao và sợ hãi, các cảm nghĩ

yêu đương và sự bất ổn tương lai, những sự việc xảy ra trong Thiên-nhiên trong đó ân huệ và hình phạt, hiểm nguy và an bình quán quít lẫn lộn như hình với bóng, không thể nào giải thích bằng một câu nói. Tất cả những bí ẩn hay rõ rệt hiện diện trong cuộc sống tạo nên một bức hình hoàn toàn khác biệt với sự hiểu biết và nền duy lý của con người. Từ cổ chí kim, chưa bao giờ có những triết gia siêu quần hay những nhà khoa học đại tài nào có thể giải thích thỏa đáng những đối nghịch giữa Bản-ngã và Thiên-nhiên. Và đây chính là điểm mà tôn giáo bước vào thể hiện vai trò của nó.

Từ nhận thức và kinh nghiệm của tôn giáo, con người là một Bản-ngã (self) có ý thức sống trong Thiên-nhiên cảm lạng tạo nên một môi quan hệ hài hoà bởi lẽ cả hai khía cạnh, một bên là ý thức cá nhân của con người và một bên là Thiên-nhiên bao quanh và bên trong thân thể của chúng ta, không gì hơn là một bức hình tương quan hòa hợp; dù cho có khác nhau, tất cả đều thể hiện từ một và cùng một Ý-chí Tạo-hóa. Ân huệ lớn nhất mà tôn giáo đã mang đến cho con người là sự nhận thức mình là một đon vị được phác họa trong khối chuyển động vĩ đại của sự Tạo Hóa, một phân tử đặc biệt trong muôn ngàn thực thể trong vũ trụ. Sự nhận thức này cung ứng một cảm giác an bình và cân bằng giữa sự bất an và niềm hy vọng, một cảm giác phân chia giữa một người có tôn giáo và một người phủ nhận tôn giáo.

Vị thế sơ đẳng trong tất cả các tôn giáo lớn bất kể giáo điều như thế nào là tính chất đạo đức, đồng thời kêu gọi mỗi người nên dâng hiến tâm hồn của mình, tuân theo mệnh lệnh của Thượng Đế. Nhưng Islam và chỉ riêng Islam đã vượt qua cả triết lý và lời chỉ dạy.

Trong Islam, tất cả các khía cạnh trong cuộc sống là những sự kiện không thể tách rời ra thành từng phần bởi lẽ tất cả đều xuất phát từ một Đấng Thiêng-liêng Duy-nhất mà Islam còn đi sâu hơn đưa ra những giải pháp để đi đến mục tiêu tùy theo khả năng của mỗi người, một con đường để đúc kết ý nghĩ và hành động, tạo nên một sự quân bình giữa vật chất và tinh thần. Để hoàn tất mục đích cao cả này, mỗi người trong Islam không bắt buộc phải từ bỏ cuộc sống trần tục. Không ai bắt buộc phải tự ép thân khổ luyện để đạt đến sự thuần khiết về tinh thần, hay phải tin vào những giáo điều vượt ngoài sự suy luận của mình. Thật vậy, tất cả những đòi hỏi đó hoàn toàn xa lạ đối với Islam bởi lẽ Islam không chỉ dạy những giáo điều thần bí và cũng không phải là một học phái chuyên về triết lý. Nó đơn thuần là một chương trình của cuộc sống chiếu theo các “Quy-luật Thiên-nhiên” mà Thượng Đế đã đặt ra cho các tạo vật của Ngài. Sản phẩm tối cao của tôn giáo là sự phối hợp toàn bộ giữa các trạng thái tinh thần và vật chất của đời sống con người. Lời dạy của Islam trong cả hai khía cạnh không những “bổ túc” lẫn nhau mà còn bắt buộc không được tách biệt ra khỏi đời sống, không cho có sự đối nghịch giữa vật chất và đạo đức trong con người.

Sự kiện này có thể dùng để giải thích cho các dạng thức độc đáo trong việc hành lễ (Salat) của người Muslim, trong đó sự tập trung tinh thần và các tư thế đứng ngồi được phối hợp một cách chặt chẽ với nhau. Những kẻ nông cạn hay bôi nhọ Islam thường dựa vào điểm này để nói, Islam là một tôn giáo hướng ngoại chỉ thiên về các nghi thức bề ngoài. Cho nên, những người bên ngoài, lớn lên và trưởng thành trong môi trường nơi “Đời” và “Đạo” là hai dòng tư tưởng riêng biệt, không thể nào thấu hiểu Islam trong ý nghĩa cao đẹp của nó. Trong Islam, Đời và Đạo không thể nào tách rời từng phần như gạn nước kem ra khỏi nước sữa bởi lẽ tất cả mọi gia vị

trong sữa đều hỗ tương lẫn nhau tạo nên một nêm vị đặc biệt gọi là “sữa” để chúng ta thưởng thức. Nếu gạn lấy kem ở trong sữa ra thì sữa chỉ còn là một thứ nước trắng đục không có mùi vị gì cả. Bởi vậy không thể nào tách rời “tâm linh” ra khỏi “thể xác” được. Nói cách khác, các động tác hành lễ trong Islam gồm có sự tập trung tinh thần phối hợp với các tư thế khác nhau bởi lẽ trong chính sự sống cũng đã bao gồm cả hai. Cho nên, khi đến với Thượng Đế trong Lễ-nguyện (*Salat*) chúng ta phải đến với tất cả mọi cơ năng mà Thượng Đế đã ban cho chúng ta.

Một minh họa thứ hai có thể tìm thấy trong *Tawaf*, một nghi thức đi vòng quanh đền Ka'bah tại thánh địa Mecca. Bất cứ một người Muslim nào khi bước vào thành phố thiêng liêng này đều phải đi vòng quanh đền Ka'bah bảy (7) lần. Đây là một trong ba (3) nghi thức chính phải được thực hiện thì mới hoàn tất cuộc Hành-hương Hajj, cho nên rất là quan trọng. Chúng ta tự hỏi, nghi lễ này có mục đích gì? Tại sao chúng ta bắt buộc phải hoàn thành sự tôn thờ một cách hình thức như vậy?

Câu trả lời rất là hiển nhiên. Nếu chúng ta đi vòng quanh bất cứ một vật gì thì vật đó sẽ trở thành tâm điểm của vòng tròn. Đền Ka'bah, nơi mà mọi người Muslim trên thế giới đều phải quay mặt dâng lễ một ngày năm (5) lần, tượng trưng cho tính Duy-nhất của Thượng Đế. Sự chuyển động vòng quanh Ka'bah khi Hành-hương tượng trưng cho hành động của con người trong cuộc sống. Bởi vậy, nghi lễ *Tawaf* không những nói lên một sự tôn thờ trong ý nghĩ mà mỗi người phải diễn đạt ý nghĩ đó thành hành động. Tất cả mọi hành động và nỗ lực của chúng ta phải lấy Thượng Đế và tính Duy-nhất của Ngài làm tâm điểm như những lời mà Thượng Đế đã phán trong Thiên-kinh Qur'an:

“Ta tạo loài Jinn và loài người là để tôn thờ Ta”
(Q 51:56)

Bởi vậy, khái niệm tôn thờ trong Islam rất khác biệt so với các tôn giáo khác. Ở đây, tôn thờ không những bao gồm về mặt tâm linh, chẳng hạn như Lễ-nguyện hay Nhịn-chay mà còn phải bao gồm tất cả các khía cạnh khác trong cuộc sống thực tế. Nếu mục đích sự sống của con người là tôn thờ Thượng Đế thì chúng ta phải hiểu rằng tất cả mọi hành vi trong cuộc sống đều phải lấy đạo đức làm căn bản. Cho nên, tất cả mọi hành động của chúng ta phải được thực hiện dưới hình thức tôn thờ dù chỉ là hành động tầm thường không đáng chú tâm. Chúng ta phải thực hiện với ý thức, con người là một phân tử được phác họa có mục đích trong vũ trụ. Quả nhiên, đây là một khái niệm xa vời đối với một người trung bình nhưng không phải mục đích của tôn giáo là biến lý tưởng thành hành động hay sao?

Lập trường của Islam về mặt này rất rõ ràng. Thứ nhất Islam dạy chúng ta rằng ý nghĩa của sự tôn thờ Thượng Đế nằm trong ý nghĩa của sự sống. Thứ hai, chúng ta không thể nào hoàn thành mục đích cao cả đó nếu tâm linh và vật chất bị chia thành hai phần cách biệt. Trong Islam, cả hai phải tồn tại là một đơn vị không thể tách rời trong ý thức cũng như hành động. Cho nên, khái niệm về tính Duy-nhất của Thượng Đế phải phản ánh trong nỗ lực duy trì và phối hợp các khía cạnh khác nhau trong đời sống.

Điều này đưa Islam lên tầm cao khác hẳn so với các hệ thống của tôn giáo khác. Chẳng những lời dạy của Islam nhấn mạnh mối quan hệ siêu hình giữa con người và Đấng-tạo-hóa mà còn nói về mối tương quan giữa cá

nhân và xã hội chung quanh. Cuộc sống trần tục không phải là một cái vỏ trống rỗng hay bóng hình vô ý nghĩa chờ đợi Cuộc-sống ở ngày sau mà cuộc sống hiện tại là một thực thể hiện hữu có giá trị thiêng liêng. Thượng Đế không chỉ Duy-nhất trong bản thể mà còn Duy-nhất trong mục đích. Cho nên sự Tạo-hóa phải tương đồng hợp nhất và chắc chắn có mục đích.

Trong Islam, ý thức về Thượng Đế cũng như vừa mới thảo luận là ý nghĩa của cuộc sống. Chỉ một khía cạnh của quan điểm này cũng đủ chứng minh cho chúng ta thấy cánh cửa để con người có thể đạt đến sự toàn mỹ trên thế gian này. Islam công bố rằng sự toàn mỹ của con người có thể đạt được trong cuộc sống hiện tại. Nó không hứa hẹn tính hướng thượng của con người bằng những đè nén dục vọng như lời dạy của Bà-la-môn, hay sự thanh khiết của linh hồn chỉ có thể đạt được bằng cách tu thân, ép xác khổ hạnh hay từ bỏ mọi liên hệ với thế giới bên ngoài. Không - tín điều của Islam nhấn mạnh, con người có thể đạt đến toàn mỹ trong cuộc sống hiện tại bằng cách tận dụng các khả năng trong mỗi cá nhân và những điều kiện sẵn có trong xã hội.

Để tránh sự hiểu lầm, chữ "toàn mỹ" cần phải được làm rõ hơn trong bối cảnh này. Con người, một sanh linh hữu hạn, không bao giờ nghĩ đến sự toàn mỹ trong ý nghĩa "tuyệt đối", bởi lẽ Tuyệt-đối chỉ thuộc về thế giới Thiêng-liêng mà thôi. Sự toàn mỹ của con người, hiểu theo luân lý và thực tiễn chỉ có ý nghĩa tương đối và giới hạn. Nó không có nghĩa là sản phẩm của tất cả các phẩm chất tốt đẹp hay toàn mỹ là có thể tiến hóa mãi mãi nhưng là phát triển hết những phẩm chất hiện có trong mỗi cá nhân nếu không thì sẽ nằm tiềm tàng thụ động mãi mãi. Bởi lẽ Thiên-nhiên mang đủ màu sắc cho nên mỗi cá nhân khi sinh ra vốn có những phẩm chất khác

nhau. Không có gì vô lý hơn nếu nói, mỗi người cần phải khai thác khả năng của mình để cùng đạt đến một phẩm chất như nhau. Làm sao có thể nói rằng một con ngựa chạy đua với bắp thịt cuộn cuộn và một con ngựa chuyên chở với xương to, bụng lớn lại có cùng một phẩm chất như nhau được? Có thể nói, cả hai đều có phẩm chất đặc biệt nhưng chắc chắn phải khác nhau bởi lẽ bản chất của hai con khi mới sanh ra vốn đã khác nhau rồi.

Ngoài ra, nếu nói rằng tính toàn mỹ có thể xếp thành “loại” tiêu chuẩn giống nhau thì mỗi người đều phải thay đổi tánh tình của mình hay phải đè nén sự khác biệt của mỗi cá nhân mới có thể tiến tới cùng một phẩm chất như nhau được. Nhưng rõ ràng, điều này sẽ đối nghịch với Thiên-nhiên vốn phát triển với tính đa màu đa dạng. Bởi vậy, Islam, không dạy phương pháp chế phục nhưng cho phép con người một khoảng trống lớn để tự do tác động với nhau trong xã hội. Lúc bấy giờ, mỗi người mới tìm thấy những phẩm chất, những tánh khí hay tâm lý riêng đã được ban cho. Lúc đó, y mới có thể phát huy đúng với khả năng của mình. Cho nên, có người thích tu hành hay thích thưởng thức những cảnh đẹp vui tươi. Y có thể là người du mục nay đây mai đó với một mớ lương khô, hay một thương gia lúc nào cũng bận rộn với hàng hóa miễn là tất cả đều tôn trọng thì hành đúng với Luật-lệ mà Thượng Đế đã đặt ra. Mỗi người đều có tự do riêng tư đi theo bất cứ con đường nào y thấy thích hợp nhưng có bốn phạm phải khai triển hết khả năng của mình. Có như thế, chúng ta mới vinh danh Thượng Đế đã ban những tài năng quý báu và để giúp đỡ người khác bằng phương tiện cá nhân của mình hoặc về tinh thần, xã hội hay vật chất. Cho nên, tánh khí của mỗi người không thể nào dùng một tiêu chuẩn để đánh giá được. Bất cứ người nào cũng có ý chí tự do để lựa chọn những con đường mà Thiên-nhiên đã cung cấp.

Nguyên lý của “sự tự do” này được tìm thấy trong quan điểm của Islam là con người lúc sanh ra hoàn toàn thanh khiết và vô tội. Thiên-kinh Qur'an phán:

“Quả nhiên, Ta đã tạo con người trong dạng thức đẹp đẽ nhất”, cùng một thước đo, Thượng Đế tiếp tục phán: “...sau đó Ta sẽ hạ y xuống thấp, thấp hơn tất cả; ngoại trừ những người có Đức Tin và làm điều thiện” (Q 95:4-6).

Cho nên, giáo điều Islam dạy rằng con người sanh ra vốn thanh khiết và tốt đẹp nhưng phủ nhận Thượng Đế và hành động vô trách nhiệm đã làm ô uế sự tinh khiết và tốt đẹp của mình, ngược lại, có thể phục hồi sự thanh khiết ban đầu bằng cách ý thức về Thượng Đế và chấp nhận tuân theo Luật-lệ của Ngài. Cho nên trong Islam, tội lỗi không hiện có trong bản chất mà chỉ xuất hiện khi con người lạm dụng bản chất tốt đẹp mà Thượng Đế đã ban cho mà thôi. Những phẩm chất đó như đã đưa ra, khác biệt trong mỗi cá nhân nhưng lúc nào cũng tiềm tàng chờ đợi cơ hội để phát huy đến mức toàn mỹ. Đời sống sau khi chết với môi trường và điều kiện mới sẽ tạo nên cơ hội khác để linh hồn có thể phát triển nhanh chóng hơn nhưng lãnh vực này chỉ thuộc về đời sống ở ngày sau mà thôi.

Islam tạo đủ điều kiện cho con người thường thức đời sống vật chất mà không đánh mất đời sống tâm linh. Đây là quan điểm hoàn toàn khác biệt với Thiên-chúa giáo. Theo tín điều của Thiên-chúa giáo, mỗi người khi sanh ra đều bị rơi vào tội tổ tông do ông A-đam và bà Ha-wa đã phạm phải khi xưa. Cho nên cuộc đời là chiến trường đấu tranh giữa hai nguồn đại lực: Tội-lỗi đại diện với Sa-

tan và Tốt-lành đại diện với Đức Giê-su. Vì sự cám dỗ của thể xác, Sa-tan lúc nào cũng ngấm ngấm muốn ngăn chặn linh hồn của con người đạt đến nguồn ánh sáng bất diệt; trong đó linh hồn thuộc về Đức Giê-su, thể xác thuộc về Sa-tan. Nói cách khác, cuộc sống vật chất là tội lỗi và tâm linh là thiêng liêng và tốt lành. Tất cả những gì thuộc về bản chất của con người, vật chất hay “nhục thể” (carnal), như nhiều nhà thần học Thiên-chúa đã nói, trực tiếp thuộc về phần của ông A-đam bị rơi vào sự cám dỗ và vật chất. Bởi vậy muốn được cứu rỗi, con người phải quay mặt rời bỏ thế giới vật chất thì mới hy vọng trở về cội nguồn, thế giới của tâm linh, nơi đó “tội tổ tông” được gội sạch bởi sự hy sinh của Đức Giê-su trên cây thánh giá!

Mặc dù tín điều này được dạy trong nhà thờ nhưng khó có thể nói đã được quần chúng tin theo và thực hành. Tuy nhiên, sau nhiều thế kỷ nó đã tạo thành một cảm nghĩ đối nghịch trong tâm hồn của những người có thiện cảm đối với tôn giáo. Họ phân vân giữa giáo điều đòi hỏi phải rời bỏ cuộc sống hiện tại còn bản chất thì muốn sống và thưởng thức cái đẹp của thiên nhiên. Nhưng khái niệm về tội tổ tông và sự hy sinh của Đức Giê-su trên cây thánh giá quá thần bí làm cho một người với kiến thức phổ thông không thể nào hiểu được. Rốt cuộc, nó đã tạo nên một bức tường phân chia cuộc sống thành thế giới tâm linh và thế giới vật chất.

Ngược lại, tín điều của Islam hoàn toàn không liên hệ đến “tội tổ tông” cả. Đối với người Muslim, tín điều này hoàn toàn trái ngược với sự công bình của Thượng Đế. Thượng Đế không bắt con trả nợ cho cha thì tại sao lại có thể bắt con người từ thế hệ này sang thế hệ khác chịu trách nhiệm về tội của một người đã vấp phải trong quá khứ? Dù thông minh đến mức nào đi chăng nữa không ai có thể giải thích tín điều lạ lùng này. Tuy nhiên, đối với

một người bình dân tội tổ tông lúc nào cũng là giáo điều khó hiểu và bí ẩn cũng như khái niệm về Chúa-ba-ngôi (Trinity) vậy. Do bởi không có tội tổ tông trong Islam, cho nên không có gì gọi là cái chết của một người lại có thể cứu rỗi toàn thể nhân loại được. Được cứu chuộc hay bị nguyền rủa hoàn toàn thuộc về cá nhân. Mỗi người Muslim chính là người sẽ tự cứu lấy thân phận của mình. Y sẽ thưởng thức sự thành công hay gánh vác mọi thất bại trong cuộc đời của y chiếu theo Thiên-kinh Qur'an:

“Ân phước của y là những việc tốt mà y đã làm, và đốì nghịch với y là tội lỗi mà y đã phạm.” (Q2:286)

“Không có phần thưởng nào cho con người ngoại trừ nỗ lực của chính y.” (Q53:39)

Islam không san xẻ sự buồn thảm của cuộc sống như tín điều của thánh Phao-lô và cũng không dạy chúng ta những giá trị giả tạo của nền văn minh Tây Phương. Trong lúc Thiên-chúa giáo cho rằng cuộc sống là một sự kiện bi thảm thì Tây-phương hiện đại lại có lối nhìn hoàn toàn đối nghịch. Họ yêu thích cuộc sống như một kẻ háu ăn, thèm thường com ngon của lạ, cầu xé, chụp giết bằng mọi cách, nhưng không bao giờ có sự tôn trọng đối với thể giới vật chất. Ngược lại, Islam nhìn cuộc sống một cách bình thản và ca ngợi, không suy tôn nhưng xem nó là bàn đạp để tiến tới tương lai cao siêu hơn. Chính vì cuộc sống là gạch nối cần thiết để bước đến tương lai, con người không có quyền rời bỏ hay coi rẻ nó. Cuộc hành trình của chúng ta qua hành tinh này là cần thiết hoàn toàn nằm trong bản đồ thiết kế của Thượng Đế, cho nên cuộc sống trên thế gian mang một giá trị chuyên tiếp vô cùng quan trọng. Islam không chấp

nhận chủ nghĩa vật chất của Tây-phương hiện đại: “*Vương quốc của ta chỉ thuộc về thế giới hôm nay*” và cũng không giống như lời dạy của Thiên-chúa-giáo, “*Vương quốc của ta chỉ thuộc về thế giới bên kia*”, mà Islam dạy tín đồ phối hợp giữa hai khuynh hướng cực đoan đó. Bởi thế, Thiên-kinh Qur'an dạy người Muslim cầu nguyện:

“Thượng Đế ơi! xin hãy ban cho chúng con những điều tốt lành trong thế giới hôm nay và tốt lành trong thế giới mai sau!” (Q 2:201)

Cho nên sống với nhiều cảm thú không hẳn là tội lỗi trong lãnh vực tâm linh. Hẳn nhiên, giàu có là điều ai cũng mong muốn nhưng đó không phải là mục đích tối hậu của chúng ta. Mục đích của mỗi người Muslim là phát huy và duy trì phẩm chất của cá nhân và xã hội, tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát triển đạo đức trong con người.

Chiếu theo nguyên lý này, Islam nhấn mạnh ý thức về đạo đức trong tất cả mọi việc làm bất kể lớn hay nhỏ. Câu nổi tiếng trong Kinh Tân-ước, “*Hãy dâng cho Sê-zar (Cesar) những gì thuộc về Sê-zar, và hãy dâng cho Thượng Đế những gì thuộc về Thượng Đế*” hoàn toàn không có chỗ đứng trong nền thần học của Islam. Thứ nhất, vì Islam nhìn nhận tất cả mọi vật trong bầu trời và trái đất đều thuộc về Thượng Đế. Thứ hai, Islam không cho phép có sự đối nghịch giữa tâm linh và vật chất, hay đối nghịch giữa đời sống tinh thần hay kinh tế. Trong cuộc sống, con người chỉ có một sự lựa chọn, đó là sự chọn lựa giữa cái Đúng và cái Sai, không có gì gọi là nửa đúng hay nửa sai cả. Cho nên, mọi hành vi của con người đều được định giá từ quan điểm của luân lý và đạo đức mà thôi.

Mỗi cá nhân Muslim đều có trách nhiệm trong một khuôn khổ giới hạn về tất cả những việc xảy ra chung quanh đồng thời có trách nhiệm truyền bá điều Đúng và chặn đứng cái Sai trong cuộc sống. Thiên-kinh Qur'an phán:

“Quả thật, các người (Muslim) là cộng đồng cao đẹp nhất đã được dựng lên để làm tiêu chuẩn cho con người: các người (có bổn phận) nâng cao điều lành và cấm đoán điều sai.” (Q 3:110)

Đây chính là lý do biện luận cho sự bành trướng và các cuộc chiến tranh của Islam khi xưa. Quả thật, thế giới của Islam bành trướng bằng đao kiếm nếu có cá nhân muốn hiểu theo lối nói này. Tuy nhiên, sự bành trướng của Islam không phải vì yêu thích vị trí bá chủ hoàn cầu, mở rộng thị trường kinh tế, tăng thêm lãnh thổ, hay để nâng cao nếp sống của người Muslim bằng cách bóc lột kẻ khác, hay để ép buộc người khác đi theo Islam. Nhưng sự bành trướng của Islam chính là nỗ lực thiết kế một cơ cấu, tạo điều kiện phát triển đạo đức. Bởi lẽ Islam nói, ý thức thúc đẩy trách nhiệm và ý thức đạo đức thúc đẩy trách nhiệm đạo đức. Đây chỉ là nhận thức Platon-nic (*Platonic*) giữa điều Đúng và điều Sai. Nếu không có động lực để phát triển Điều Lành và chặn đứng Điều Sai thì luân lý và đạo đức mang một thiếu sót rất lớn bởi lẽ hệ thống luân lý còn tồn tại hay bị tiêu hủy tùy theo nỗ lực của mỗi cá nhân để thiết kế vị trí ưu thế của nó trong cuộc sống mà thôi.

Chương hai

Tinh thần Phương Tây

Trong chương trước, chúng ta thảo luận những điểm chủ yếu về nền tảng luân lý và đạo đức trong Islam. Quả thật, nền văn minh của Islam thể hiện một dạng thức thần quyền toàn mỹ mà lịch sử nhân loại đã biết đến. Trong Islam, nền tảng của tinh thần lúc nào cũng được nhấn mạnh và đứng đầu trên mọi sự việc. Nếu so sánh về khía cạnh này với nền văn minh Tây-phương, chúng ta sẽ không khỏi ngạc nhiên về những điểm khác biệt quá rõ rệt.

Động lực đã thúc đẩy nền văn minh Tây-phương phát triển là những sự việc hữu dụng trong thực tế tác động lẫn nhau tạo ra những phát minh và những tiến hóa mới trong xã hội. Mục đích hiển nhiên của nó là liên tục thí nghiệm khả năng phát triển của cuộc sống mà không cần phải định nghĩa một nền luân lý nào cả. Đối với người Mỹ và Âu-châu hiện đại, câu hỏi về ý nghĩa và mục đích của cuộc sống không mang một giá trị thực tế gì cả, nhưng vấn đề tối quan trọng là cuộc sống có thể phát triển dưới hình thức nào, và trong môi trường đó nhân

loại có thể khắc phục Thiên-nhiên được hay không? Họ tự tin trả lời rằng sẽ có một ngày nào đó con người sẽ đạt đến giai đoạn này. Nhưng đối với người Muslim chính thống thì không mang tư tưởng tự kiêu này. Trong Thiên-kinh Qur'an, Thượng Đế phán về A-đam và dòng giống của ông như sau:

“Này, Ta sẽ phái một nhân vật để đại diện cho Ta trên trái đất.” (Q 2:30)

Điều này rõ ràng, con người được phác họa để cai quản và phát triển trên trái đất. Nhưng chiều hướng phát triển của con người theo quan điểm của Islam hoàn toàn khác với Tây-phương. Tây-phương hiện đại thì nghĩ rằng con người sẽ không ngừng phát triển về luân lý và xã hội, thu thập những phẩm chất mới lạ bằng những phát minh hữu dụng trong đời sống và những phát triển về khoa học kỹ thuật. Ngược lại, quan điểm của Islam hoàn toàn đối lập với cơ sở dựa trên động lực vật chất, bởi lẽ Islam khẳng định, khả năng tinh thần của “con người” là một định lượng không thể thay đổi, là những gì đã được khắc ghi trong bản chất con người. Không như Tây-phương cho rằng con người có năng lực tiềm tàng, một ngày nào đó sẽ có thể phát triển thành siêu nhân, giống như một cây cỏ thụ sẽ mãi mãi phát triển, mà Islam lập luận dựa trên tiền đề căn bản bắt đầu với linh hồn của con người là một thực thể vô hình không lệ thuộc vào định lượng sinh lý. Lầm lẫn sơ đẳng của Tây-phương là ý niệm về sự phát triển của vật chất và tiện nghi đồng nghĩa với sự phát triển về luân lý, như họ đã áp dụng định luật của vật chất cho một thực thể không phải là vật chất.

Nguyên nhân chính là vì Tây-phương phủ nhận một đại lý mà chúng ta gọi là “linh hồn”. Ngược lại, Islam phát triển dựa trên khái niệm thiêng liêng, chấp nhận linh hồn là một thực thể hiện có, không cần phải chứng minh

hoặc nghi ngờ gì cả. Sự phát triển vật chất và tinh thần trong Islam không đối chọi với nhau, nhưng hỗ trợ cùng khắp đời sống của con người.

Về khía cạnh vật chất, Islam đồng ý phát triển xã hội bằng nỗ lực tập thể, nhưng khía cạnh tâm linh chỉ thuộc về lãnh vực cá nhân mà thôi. Giữa tâm linh và vật chất chỉ hội nhập hay tách rời, bắt đầu vào lúc đứa bé chào đời và vào giây phút cá nhân đó trút đi hơi thở cuối cùng. Cho nên, chúng ta không thể nào đạt đến phẩm chất toàn mỹ bằng nỗ lực tập thể mà mỗi người phải đi đến mục đích cuối cùng trong đời sống tâm linh với nỗ lực của cá nhân mà thôi. Mỗi người đều phải bắt đầu và kết thúc với nỗ lực của chính bản thân mình.

Về phương diện cá nhân, con đường phát triển tâm linh trong mỗi cá nhân sẽ được cân bằng và được gián tiếp yểm trợ bởi ảnh hưởng của xã hội và môi trường. Cho nên, xã hội có nhiệm vụ thu xếp guồng máy của nó để đời sống hướng ngoại của con người được phát huy dễ dàng hơn, càng ít trở ngại trong sự phát triển tâm linh càng tốt. Đó là lý do tại sao Shari'ah, Giáo-luật của Islam, được đưa ra để giải quyết hai khía cạnh cùng một lúc, vừa là tâm linh và vừa là vật chất; vừa cá nhân và vừa xã hội.

Lý tưởng này, như tôi vừa mới trình bày, chỉ có thể đạt được với niềm tin về sự hiện có của linh hồn, cho nên trong Islam, ý nghĩa của cuộc sống rất là thiêng liêng. Nhưng Tây-phương hiện đại bắt đầu từ sự phủ nhận của linh hồn, làm cho câu hỏi về mục đích của cuộc sống mất đi hết ý nghĩa của nó. Họ đã gạt bỏ tất cả các ý niệm và yếu tố thiêng liêng sang một bên, nhìn con người từ quan điểm thấp hèn như loài thú vật.

Đối với người Muslim, những gì mà chúng ta gọi là “thái độ về tôn giáo”, là nếp sống lúc nào cũng dựa trên niềm tin và nền luân lý thiêng liêng bao quát tất cả mọi việc trong cuộc sống, và là con người, chúng ta cần phải nếp mình tuân phục mệnh lệnh của nó. Ngược lại, đối với nền văn hóa Tây-phương thì con người không cần phải tuân hành theo luật lệ thiêng liêng nào cả. Họ chỉ nếp mình tuân theo luật lệ về kinh tế, xã hội, hay đi theo nếp sống dựa trên tiêu chuẩn của quốc gia thì mới đáng được tôn trọng. Điều mà Tây-phương tôn thờ không thuộc về tâm linh mà là vật chất, là Tiện Nghi. Triết lý về cuộc sống của họ chỉ nói lên ý-chí và quyền-hành chứ không có gì cao quý hơn. Đây chính là triết lý tàn dư của nền văn minh La-mã đã ảnh hưởng đến Tây-phương cho đến ngày hôm nay.

Nếu nói, nền văn minh La-mã là nguồn gốc đã ảnh hưởng đến Tây-phương hiện đại thì có vẻ hơi lạ đối với những người thường so sánh Đế-quốc La-mã và Đế-quốc Islam ngày xưa. Nếu cả hai Đế-quốc trong quá khứ đều có một hệ thống chính trị giống như nhau thì tại sao lại có sự khác biệt giữa hai bên?

Thật ra, hai Đế-quốc và hai hệ thống hoàn toàn khác nhau. Sự hiểu lầm này xuất phát từ các nhà sử học Tây-phương với tầm hiểu biết nông cạn, xuyên tạc trong đầu óc của giới trí thức nhiều thập niên trong qua đến mức không ai biết hư thực ra sao. Quả thật, không có gì giống nhau giữa hai Đế-quốc Islam và La-mã, ngoại trừ cả hai đều có lãnh thổ trải dài bằng nửa địa cầu, trong đó có nhiều dân tộc khác nhau; nhưng cả hai Đế-quốc có hai động lực và hai mục đích rất khác nhau. Ngay cả về mặt hình thành, chúng ta cũng đã thấy sự khác biệt giữa hai bên.

Từ ngày Đế-quốc La-mã bắt đầu bành trướng lãnh thổ và xây dựng hệ thống chính trị cho đến ngày cực thịnh, La-mã phải mất hết gần 1000 năm mới hoàn thành. Ngược lại, lãnh thổ của Đế-quốc Islam bắt đầu bành trướng cho đến thời cực thịnh thì chỉ mất trong vòng 80 năm! Còn về sự suy đồi giữa hai triều đại lại càng có nhiều điểm đáng nghiên cứu hơn nữa. Sự sụp đổ của Đế-quốc La-mã bắt đầu và chấm dứt với các luồng di dân của người Hun (Huns) và người Gô (Goths). Tất cả đều xảy ra trong vòng 100 năm. Sự kiện đó xảy ra quá nhanh chóng đến mức sau khi sụp đổ thì không còn có gì tồn tại ngoại trừ nền văn chương và kiến trúc của thời La-mã. Sau đó Đế-quốc By-zan-tin (Byzantine) nổi lên thống trị lãnh thổ tàn dư của La-mã nhưng By-zan-tin không có hệ thống xã hội và chính trị giống như La-mã cho nên đã bị kết liễu khi By-zan-tin bắt đầu đứng lên cai trị. Ngược lại, Đế-quốc Islam, với hệ thống xã hội và chính trị đại diện với hệ thống Khalifah đã cai trị từ ngày đầu tiên cho đến kết thúc. Mặc dù có nhiều sự đổi thay trong guồng máy chính quyền cho phù hợp với thời gian và môi trường nhưng cấu trúc xã hội và chính trị trong nền Khalifah không hề đổi thay. Về yếu tố ngoại xâm, ngay cả sự đánh chiếm của bạo quân Mông-cổ tấp nập tấn công thành trì của Islam cũng không ảnh hưởng gì đến hệ thống chính trị của Islam mặc dù quân Mông-cổ còn tàn bạo và ác độc hơn lính dân Hun và dân Gô gấp ngàn lần. Tuy nhiên, cuộc tấn công của quân Mông Cổ vào thủ đô của Islam tại nước I-rắc (Iraq) vào năm 1258 như một cú đâm nội thương, mặc dầu không ảnh hưởng Islam ngay lúc đó nhưng dần dần đã ảnh hưởng đến kinh tế và văn hoá sau này.

Ngược lại, sự suy đồi và sụp đổ của Đế-quốc La-mã xảy ra chỉ trong vòng 100 năm; còn sự suy đồi của Đế-quốc Islam xảy ra từng chặng đường trong lịch sử, tất cả phải

kéo dài hơn 1000 năm, cho đến khi hoàn toàn sụp đổ đánh dấu bằng sự kết liễu của Đế-quốc Ot-tô-man tại Thổ-Nhĩ-Kỳ (Turkey) vào năm 1924. Sau đó, không còn gì tồn tại của Islam ngoại trừ những bé tắt của xã hội trong các nước Muslim mà chúng ta đang chứng kiến ngày hôm nay.

Những điểm nêu trên cho chúng ta thấy sức mạnh tinh thần và nền móng vững chắc của xã hội Islam hoàn toàn vượt trên tất cả các dạng thức xã hội khác mà con người có thể xây dựng từ thời Thượng-cổ cho đến ngày nay. Ngay cả nền văn minh của nước Trung Hoa, mặc dù mang nhiều nét sinh tồn tương tự, nhưng vẫn không thể so sánh với nền văn minh của Islam. Thứ nhất, Trung Hoa, nằm tận mé rìa của Á Châu, nên ít nước khác dòm ngó. Thứ hai, nước Trung Hoa có ít sắc dân hơn cho nên ít bị áp lực bên trong cấu xé. Ngược lại, Đế-quốc Islam trải dài tới 3 lục địa, đủ loại sắc dân và lúc nào cũng đương đầu với các Đế-quốc lân cận có cùng sức mạnh và dẻo dai. Cho nên văn minh của Trung Hoa tuy lâu đời nhưng không thể nào đem ra so sánh với sự linh động của Đế-quốc Islam được.

Từ thời bình minh lịch sử con người, vùng mà các nhà sử học gọi là Cận Đông và Trung Đông là nơi đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu nhất giữa các dân tộc và các nền văn hóa khác nhau. Đến khi Islam xuất hiện, cấu trúc xã hội vững chắc của Islam đã hàn gắn các sắc dân này với nhau làm cho các nhà sử học không ngừng thán phục. Chúng ta không cần nhìn đâu xa để tìm câu trả lời cho sức mạnh tiềm tàng của xã hội Islam. Đó chính là những điều chỉ dạy trong Thiên-kinh Qur'an và tấm gương sáng về cuộc đời và sự nghiệp của Thiên sứ Muhammad (*saw*). Sự kết hợp giữa hai nguồn kiến thức trong Thiên-kinh Qur'an và Sunnah, từ lý thuyết và thực hành đã làm thành niềng thép vĩ đại hàn gắn xã hội đại

đồng của Islam một cách vững chắc. Chính vì Đế-quốc La-mã không có yếu tố tâm linh để níu kéo cấu trúc xã hội của họ cho nên mới bị sụp đổ quá nhanh chóng và dễ dàng như vậy.

Đi sâu thêm chúng ta còn thấy nhiều điểm khác biệt giữa hai Đế-quốc. Chẳng hạn như trong hệ thống Khalifah, không có quyền hành hay quyền lợi đặc biệt dành cho nhóm người hay cho một quốc gia mà chỉ được ủy nhiệm cho những người lãnh đạo có khả năng để truyền bá Chân Lý. Ngược lại, lý tưởng đã thúc đẩy Đế-quốc La-mã là sự bành trướng về quyền lực và bóc lột các nước khác vì quyền lợi của nước mẹ mà thôi. Nhằm nâng cao nếp sống của nhóm người có đặc quyền, La-mã quan niệm rằng không có hình phạt nào quá gắt gao và không có bất công nào quá tệ hại. Câu châm ngôn nổi tiếng “*Công bình theo kiểu La-mã*” thật ra chỉ dành cho người La-mã mà thôi. Rõ ràng, thái độ bất công này chỉ có thể nảy mầm từ quan niệm cho rằng cuộc sống không có gì cao quý hơn ngoại trừ vật chất, một chủ nghĩa được khai triển và chọn lọc qua giới trí thức với tính ham chuộng mỹ thuật, bởi vậy rất xa lạ đối với giá trị tâm linh. Người La-mã, thật ra, không bao giờ biết tôn giáo là gì cả. Những vị thần của họ mang những nét thần bí từ các truyền thuyết của các vị thần Hy-lạp. Những vị thần đó phản ánh một bóng ma vô hình được chấp nhận trong giới quần chúng. Khi được mời, họ sẽ đến bằng tiếng nói trung gian của các vị giáo sĩ, nhưng không bao giờ đã động đến giá trị đạo đức và luân lý nhằm dìu dắt con người trong xã hội.

Từ trong môi trường này, nền văn minh Tây-phương hiện đại bắt đầu nảy mầm. Cũng có nhiều ảnh hưởng khác tác động lẫn nhau trong quá trình tiến hoá từ nền văn minh tàn dư của La-mã cho đến khi một nền văn hóa

mới hoàn toàn khác biệt trường thành. Nhưng lịch sử cho thấy tất cả những gì tồn tại trong nền luân lý Tây-phương và cái nhìn chủ quan của họ đối với thế giới bên ngoài đều có thể tìm thấy từ nền văn minh La-mã. Cho nên, triết lý phản tôn giáo và thiên về chủ nghĩa vật chất đã ngấm ngấm di truyền từ thời La-mã cho đến ngày hôm nay. Bởi lẽ giới trí thức Tây-phương không có đủ kiện để chứng minh phản lại tôn giáo cho nên đôi lúc họ nhường cho tôn giáo một vị trí trong xã hội, cho rằng nó là một tập tục đã quen trong quá khứ. Họ không hoàn toàn phủ nhận, nhưng chẳng qua Thượng Đế không có chỗ đứng trong hệ thống duy lý của họ, cuối cùng đã tự thiết kế nền luân lý và đạo đức mặc dù cơ quan duy lý của con người không thể nào thấu hiểu sự bao quát và toàn bộ của cuộc sống. Bởi vậy, Tây-phương không thể tận dụng giá trị tâm linh trong khoa học thực nghiệm hay sử dụng tâm linh để áp dụng trong mối quan hệ giữa con người với nhau trong xã hội. Còn việc Thượng Đế có hiện hữu hay không thì đầu óc Tây-phương hiện đại lúc nào cũng có xu hướng loại Thượng Đế ra khỏi thực tế.

Chúng ta tự hỏi: Nếu vậy, thì thái độ đó làm sao đi đôi với quan điểm của Thiên-chúa giáo? Không phải Thiên-chúa giáo là nền tảng tinh thần của nền văn minh Tây-phương hay sao? Đúng vậy! Nhưng ngược lại, không có lỗi lầm nào tai hại hơn khi kết luận nền văn minh Tây-phương là sản phẩm của Thiên-chúa giáo. Nền tảng văn minh Tây-phương như đã thảo luận thành hình từ quan niệm về cuộc sống của giới trí thức La-mã, trong đó họ phủ nhận tất cả những giá trị thiêng liêng của tôn giáo và chỉ chấp nhận những giá trị có tính chất thực tiễn. Chúng ta có thể tóm lược một cách ngắn gọn, như sau: *“Bởi lẽ, chúng ta không biết chắc chắn về nguồn gốc của sự sống hay việc gì sẽ xảy sau khi chết; chúng ta không chứng minh thế giới tâm linh bằng khoa học hay tính toán thì tốt hơn nên đổ dồn năng lực của chúng ta vào những*

việc hữu ích hơn chẳng hạn như phát triển vật chất để nâng cao nếp sống hiện tại, hay đổ dồn vào lãnh vực triết lý mà không đụng chạm đến tôn giáo, đạo đức, hay bất cứ giá trị nào phản lại với khoa học.” Rõ ràng, thái độ vô trách nhiệm này không bao giờ được chấp nhận trong Thiên-chúa giáo bởi lẽ nó hoàn toàn phản lại với tôn giáo. Cho nên, nếu nói rằng nền văn minh của Tây-phương hiện đại là sản phẩm của Thiên-chúa giáo thì thật đáng nực cười. Tuy nhiên, nếu nói thời trước thế kỷ thứ 17 thì Thiên-chúa giáo có đóng một vai trò rất quan trọng trong lãnh vực nghệ thuật, điêu khắc và âm nhạc. Nhưng nó không cống hiến gì cho sự tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã nâng Tây-phương lên hàng đầu trên thế giới ngày nay mà phải nói rằng, Tây-phương có được ngày hôm nay chính là nhờ quá trình đấu tranh chống lại thể chế độc đoán của Nhà-thờ.

Giai đoạn đó trải qua nhiều thế kỷ. Lúc ấy, tinh thần của Âu-châu hoàn toàn bị kiệt quệ. Nhà-thờ đã đưa ra hàng loạt các tín điều ủy mị để ru ngủ quần chúng: mệnh lệnh phải “đưa má bên phải” cho người ta đánh tiếp, “tội tổ-tông” và lối sống khổ hạnh - làm cho con người mất hết hy vọng trong cuộc sống. Dù cho nhựa sống có tràn đầy bao nhiêu đi chăng nữa những người Thiên-chúa mộ đạo đều nhìn cuộc sống với nét nhìn bi quan. Nó dạy con người rằng cuộc đời là chướng vật đối với sự phát triển tâm linh. Rõ ràng, thái độ bi quan này không thể nào cổ vũ con người đổ dồn năng lực vào sự phát triển kiến thức hay nâng cao cuộc sống ở đời này. Thật vậy, Âu-châu sống trong cảnh tiêu điều trong nhiều thế kỷ dưới sự không che của Nhà-thờ và bị nhồi sọ dưới quan niệm bi quan về cuộc sống. Vào thời Trung-cổ, khi Nhà-thờ đang nắm quyền tuyệt đối, Âu-châu mất hết nhựa sống, không cống hiến một thành tựu nào cho khoa học. Không còn gì tồn tại ở Âu-châu ngay cả nền triết lý của La-mã và

Hy-lạp đã một thời vang bóng trong quá khứ. Giới trí thức đã nổi lên nhiều lần nhưng lúc nào cũng bị Nhà-thờ dẹp tan không chống cự nổi. Đó là những chuỗi đấu tranh cay đắng giữa thiên tài của Âu-châu và tinh thần của Nhà-thờ.

Mãi đến thời Phục-sinh, Âu-châu mới thoát ra khỏi gông cùm của Nhà-thờ. Việc đó không phải tự Âu-châu vùng dậy mà do nhiều luồng sinh khí du nhập vào Âu-châu từ phía Á-rập trong nhiều thế kỷ.

Trước đó, tất cả những tài liệu quý giá của nền văn minh của Hy-lạp thời Hê-len được người Á-rập thu nhập và nói rộng trong những năm đầu của nền văn minh Islam, sau này lan tràn qua kích thích Âu-châu một cách mãnh liệt. Trong lúc nền văn minh Islam cường thịnh, Âu-châu đang nằm trong cảnh tiêu điều. Khoa học bị bế tắt, mê tín dị đoan lan tràn đầy rẫy trong xã hội, cấu trúc xã hội hủ lậu đến mức không ai có thể tưởng tượng Âu-châu có thể có được như ngày hôm nay. Lúc đó, văn hóa của Islam bắt đầu xâm nhập vào Âu-châu. Ban đầu từ các dân tộc ở vùng Đông Âu tham chiến trong các cuộc thánh chiến Thập-tự-quân và đặc biệt từ các trường Đại Học Islam tại Tây-Ban-Nha và Si-ci-ly. Sau đó, du nhập trực tiếp vào Âu-châu bằng con đường thương mại qua nước Gê-noa và Vê-nis với vùng Cận Đông. Nền văn hóa Islam như những làn sóng cuộn cuộn, đập vào bức tường kiên cố của Âu-châu. Giới trí thức Âu-châu ngỡ ngàng trước làn sóng văn hóa Islam vươn mình khoe tài trên thế giới, Âu-châu chợt nhớ đến nền văn minh huy hoàng của Hy-lạp và La-mã ngày xưa nay đã bị chôn vùi trong quá khứ. Không những người Á-rập đã thổi sức sống làm cho nền khoa học của cổ Hy-lạp bừng dậy mà còn tạo ra một nền khoa học với nhiều nét đặc thù, mở muôn vàn con đường để nghiên cứu khoa học, văn chương và triết lý cho mãi đến ngày hôm nay. Họ đã

chuyển tất cả kho tàng ấy cho Âu-châu, cho nên không phải khoe khoang mà nói, nền khoa học hiện đại mà chúng ta đang chứng kiến ngày hôm nay không phải đã được phát minh tại các thành phố Thiên-chúa ở Âu-châu mà ở tại các trung tâm Đại-học Islam tại thành phố Damas-cus nước Sy-ria, ở Bag-đad nước I-rắc, ở Cai-rô nước Ai-cập, ở Cor-đô-ba nước Tây-ban-nha, và ở thành phố Ni-sha-pur và Sa-mar-qan tại vùng Trung Á.

Ảnh hưởng của nền văn minh Islam ở Âu-châu quả nhiên độc đáo. Những ý thức mới dần dần bắt đầu trỗi dậy với kỳ vọng về cuộc đổi mới. Ý nghĩa của giai đoạn này sâu đậm đến mức các nhà sử học Tây-phương đã gọi nó là “*Renaissance*” – có nghĩa là “*Phục-hưng*”. Quả thật, đó chính là giai đoạn hồi sinh ở tại Âu-châu.

Nền văn hóa Islam phát ra những nguồn sinh khí tạo điều kiện cho giới trí thức Âu-châu đứng lên chống lại chính quyền độc đoán của Nhà-thờ. Ban đầu, những cuộc đấu tranh này mang tính chất hướng ngoại dưới dạng cải tổ xã hội nổi lên khắp Âu-châu. Mục đích của họ là chỉ muốn sửa đổi lối suy nghĩ cổ điển của Thiên-chúa giáo cho hòa hợp với cuộc sống mới. Cuộc vận động cải tổ xã hội của giới trí thức lúc bấy giờ có đường hướng riêng biệt của họ, nếu như được sự ủng hộ của Nhà-thờ thì có lẽ Âu-châu đã thành công trong việc đưa tôn giáo lên hòa hợp với khoa học. Nhưng thật là đáng buồn. Cũng như lịch sử đã ghi nhận sự thiệt hại do khối Nhà-thờ tạo ra quá sâu đậm cho nên cuộc cải tổ về xã hội đã biến thành một cuộc cẩu xé chính trị giữa các đảng phái khác nhau. Thay vì cải tổ từ hạ tầng trở lên, Thiên-chúa đã bị dồn ép vào ngõ hẹp của cuộc sống, dần dần bị buộc vào con đường biện hộ. Bởi vậy, vị trí tôn giáo ở Âu-châu càng ngày càng suy đồi cho đến thế kỷ thứ 18. Lúc bấy giờ, Nhà-thờ mới bị cuộc cách mạng ở

Pháp lật đổ hoàn toàn, chấm dứt ảnh hưởng của họ ở mọi nơi khác.

Sau đó, nền văn minh ở Âu-châu mới dành lại được tự do, thoát khỏi bàn tay của những nhà thần học và bắt đầu chớm nở. Vào cuối thế kỷ thứ 18 và đầu thế kỷ thứ 19, chúng ta thấy Âu-châu bắt đầu sản xuất ra những nhà khoa học, triết học, văn hóa và nghệ thuật lừng danh trên thế giới. Tuy nhiên về lãnh vực tôn giáo, nó vẫn bị giới hạn trong vòng nhỏ hẹp của một nhóm người. Còn đa số quần chúng thì sau khi thoát ra khỏi nền đô hộ của Nhà-thờ, họ không muốn nhìn lại tôn giáo và những thâm cảnh mà Nhà-thờ đã gây ra trong quá khứ.

Một trong những nét đặc thù về tôn giáo ở Âu-châu trong cuộc Phục-hưng là khái niệm về Đức Giê-su biến thành Con của Thượng Đế. Dĩ nhiên, một người thiên chúa với nền triết lý sâu xa không bao giờ nghĩ đến chữ “Con” như được mô tả trong ý nghĩa văn chương tầm thường. Họ hiểu một cách sâu sắc về đức Độ-lượng Vô-biên của Thượng Đế thể hiện trong hình dáng con người. Nhưng hỡi ơi, không phải ai cũng có trình độ triết lý cao siêu như vậy. Cho nên đối với đa số con chiên ngoan đạo, chữ “Con” có một ý nghĩa rất là trực tiếp mặc dù lúc nào nó cũng mang một sự thần bí bên trong. Đối với họ, “*Con của Thượng Đế*” liên quan mật thiết đến tính nhân cách hóa. Khi nghĩ đến Thượng Đế, lúc nào họ cũng liên tưởng đến hình ảnh một ông già dung hậu với bộ râu phơ. Hình ảnh này, được minh họa qua các tranh vẽ vô giá của thời Trung-cổ dần dần ăn sâu vào tiềm thức quần chúng Âu-châu. Khi Nhà-thờ đang nắm quyền tuyệt đối trong tay, không ai dám thách thức khái niệm lạ lùng đó. Nhưng sau khi tách ra khỏi gông cùm của Nhà-thờ, giới trí thức Âu-châu không muốn chấp nhận khái niệm của Thượng Đế trong hình ảnh của Đức Chúa-cha. Tuy nhiên, trong lòng của quần chúng, Thượng Đế

trong hình dáng con người đã quá phổ biến cho nên trở thành tiêu chuẩn khi nói về Thượng Đế. Sau thời Phục-hung, giới học giả Âu-châu không chấp nhận khái niệm lạ lùng do Nhà-thờ giảng dạy để khai triển về mặt tinh thần. Cho nên, khi bắt đầu phản kháng khái niệm Thượng Đế trong hình ảnh con người, họ đã vơ đũa cả nắm, phản kháng luôn cả tôn giáo.

Dần dần công nghiệp bắt đầu phát triển hứa hẹn một tương lai mới, nhiều tham vọng mới đưa đẩy con người vào sự hưởng thụ vật chất, còn tâm linh thì ngày càng rơi rụng. Trong sự thiếu thốn về mặt tâm linh, Tây-phương lại đi đến một ngõ hẹp khác - quả là sự đáng tiếc đối với những người hiểu thấu tầm quan trọng của tôn giáo trong cuộc sống con người. Sau khi giải phóng tách rời mọi ảnh hưởng của Thiên-chúa giáo ra khỏi cuộc sống, đầu óc của Tây-phương tẩu chay hết tất cả những hình thức tôn giáo hay triết lý dựa trên tâm linh. Niềm sợ hãi trong tiềm thức lúc nào cũng đeo đuổi, ám ảnh một ngày nào đó, lại bị đô hộ bởi nền thần quyền mới làm cho Tây-phương trở nên nghi kỵ lúc nào cũng ngấm ngầm chống tôn giáo trong ý thức biểu hiện qua hành động. Cuối cùng, Tây-phương đã làm sống lại cuộc sống phản tôn giáo như thời La-mã khi xưa.

Bởi vậy, chúng ta không thể nói, vì tính “siêu phàm” của Thiên-chúa giáo nên Tây-phương mới đạt được những thành quả như ngày hôm nay bởi lẽ sự thành công của Tây-phương chính là đúc kết của những chuỗi ngày đấu tranh cay đắng giữa giới trí thức chống lại sự khống chế của Nhà-thờ. Nó nói lên một khát khao về cuộc sống vật chất chống lại nền tâm linh khô cứng đã tước mất đi bản chất thiên-nhiên của con người.

Ở đây, chúng ta không đi sâu hơn mổ xẻ mối quan hệ giữa Thiên-chúa giáo và nền văn minh Tây-phương hiện đại mà chỉ muốn đưa ra 3 yếu tố, có thể nói là 3 yếu tố chính, tại sao nền văn minh Tây-phương lại mang tính phân tôn giáo thể hiện trong khái niệm và nguồn gốc của nó. Thứ nhất là ảnh hưởng của văn minh La-mã để lại cho Âu-châu. Nền văn minh đó chỉ chú trọng đến giá trị vật chất và mọi vấn đề chung quanh chỉ có thể đánh giá từ quan điểm vật chất mà thôi. Thứ hai, tinh thần của Âu-châu nổi lên chống lại tín điều bi quan của Nhà-thờ nhằm khôi phục bản chất tự nhiên và nỗ lực phát triển của con người. Và cuối cùng, vấn đề nhân cách hóa Thượng Đế của Nhà thờ dẫn đến sự tách rời và chống tôn giáo của giới trí thức. Phong trào này thành công đến nỗi Nhà-thờ phải cải tiến tín điều của họ để áp dụng với môi trường và điều kiện mới trong xã hội Âu-châu. Thay vì mục đích của tôn giáo là tạo môi trường để con người có thể phát triển một cách lành mạnh thì nó lại thôi lui chỉ duy trì những nghi lễ mang tính chất truyền thống nhưng không giải quyết được những tranh chấp với nhau trong xã hội. Đối với đa số quần chúng, tôn giáo chỉ là những cuộc gặp gỡ giao tế trong xã hội giống như thời La-mã ngày xưa chứ không mang giá trị luân lý đặc biệt nào cả. Tuy nhiên, cũng có những cá nhân muốn nỗ lực hàn gắn vết rạn nứt giữa tôn giáo và cuộc sống vật chất nhưng đây chỉ là trường hợp ngoại lệ. Tây-phương, cho là Dân-chủ hay Phát-xít, Tư-bản hay Cộng-sản, công nhân hay trí thức, tất cả chỉ biết có một tôn giáo đó là chủ nghĩa vật chất. Trong đó không tín điều gì cao quý hơn ngoại trừ nâng cao tiêu chuẩn cho đời sống được tiện nghi hơn, con người phải ra tay “khắc phục Thiên Nhiên”. Nhà thờ của “tôn giáo” này là những cơ xưởng khổng lồ, những hệ thống làm phim ảnh, những nhà máy hóa học đồ sộ, những hộp đêm ăn chơi phù phiếm, những nhà máy kỹ nghệ... Giáo sĩ của họ là những nhân viên trong nhà băng, những kỹ sư, những minh tinh tài

tử, những người chạy việc cho hệ thống của nó... Sản phẩm sanh ra từ chiều hướng hưởng thụ và cấu xé quyền lực đưa đến việc phân chia giai cấp và các đảng phái khác nhau. Về mặt văn hóa, nền luân lý của con người hoàn toàn bị lệ thuộc vào những tiện nghi hằng ngày, trong đó tiêu chuẩn để đánh giá luân lý chỉ dựa trên bề ngoài: là thành công về vật chất mà thôi.

Trong khi xã hội Tây-phương đang trải qua một cuộc thay đổi tận gốc rễ thì một nền luân lý mới thiên về thực tiễn hiện lên ngày càng rõ rệt. Tất cả những giá trị có thể đóng góp trong việc phát triển về vật chất, chẳng hạn như khoa học kỹ thuật, lòng yêu nước, chủ nghĩa dân tộc lại được thần thánh hóa và ca ngợi đến mức vô lý. Còn những giá trị về luân lý như lễ nghĩa hay trung thành trong tình nghĩa vợ chồng càng ngày càng mất đi giá trị bởi lẽ nó không đóng góp được ích lợi hiển nhiên nào cho xã hội. Thời mà mối quan hệ máu mủ được xem rất là quan trọng trong cấu trúc xã hội nay không còn ý nghĩa nữa. Một xã hội, trong đó lúc nào khoa học kỹ thuật cũng được đề cao, xã hội dựa trên sản phẩm dây chuyền thì thái độ của người con đối với người cha như thế nào đi chăng nữa cũng không mang một giá trị nào đáng kể miễn là những cá nhân đó không vượt ngoài giới hạn do xã hội đã đặt ra. Rốt cuộc, vị trí của người cha trong xã hội Tây-phương càng ngày càng mất ý nghĩa và ngược lại, người con cũng không có sự tôn trọng nào đối với bậc cha mẹ. Mối quan hệ tình cảm từ từ bị thoái hóa, và thực tế, mối quan hệ đó bị xem như lỗi thời trong xã hội mà máy móc được đề cao. Nó làm cho con người có khuynh hướng xem thường lễ nghi, điển hình là mối quan hệ giữa cha con trong gia đình.

Song song với sự thoái hóa về mối quan hệ tình cảm trong gia đình và cá nhân trong xã hội là sự suy đồi về

nền luân lý tình dục. Sự trung thành giữa đôi vợ chồng ngày càng trở nên lỗi thời trong xã hội Tây-phương bởi lẽ đây là giá trị dựa trên nền luân lý và đạo đức mà luân lý và đạo đức không công hiến lợi lộc hiển nhiên nào cho xã hội. Cho nên, trung thành trong mối quan hệ vợ chồng cũng suy đồi theo nếp sống “mới”. Thay thế vào đó, tình dục được tự do cởi mở. Có lẽ một ngày nào đó, sự cấm đoán về tình dục sẽ dựa trên dân số hay nhân chủng mà thôi.

Còn về xã hội Liên-xô, chúng ta cũng nên nhìn vào, xem tinh thần chống tôn giáo mà chúng ta đã trình bày, thể hiện ở nước Liên-xô như thế nào. Thật ra, tinh thần chống tôn giáo ở Liên-xô không khác gì đối với Tây-phương mà còn hơn thế nữa. Chế độ Cộng-sản ở Liên-xô thể hiện đỉnh cao của tinh thần chống tôn giáo và tất cả những gì thuộc về tâm linh. Nhưng nghĩ cho cùng, có thể nguồn gốc đối nghịch giữa hai chế độ Tư-bản và Cộng-sản là chế độ nào sẽ đạt đến mục đích vật chất mau hơn mà thôi? Hiện nay, cả hai đều thể hiện một phương hướng chung là đều bãi bỏ nỗ lực phát triển luân lý và tâm linh mà chỉ đổ dồn năng lực để phát triển và nâng cao đời sống vật chất và tiện nghi trong guồng máy phức tạp gọi là “xã hội” trong đó mỗi cá nhân là một khứa răng trên bánh xe động cơ vĩ đại, không hơn không kém.

Cho nên, chúng ta có thể kết luận rằng nền văn minh thuộc loại này là một liều thuốc độc sẽ đầu độc mọi nền văn hóa dựa trên giá trị tôn giáo. Thành ra câu hỏi “liệu cộng đồng Islam có thể thâm nhập, mở rộng và phát triển dựa trên giá trị bên Tây-phương hay không” thì câu trả lời đơn giản là “không”! Trong Islam, vấn đề đầu tiên và quan trọng nhất đối với người Muslim là phát triển đạo đức và tâm linh trong mỗi con người vì vậy tinh thần lúc nào cũng mang giá trị vượt trên vật chất. Ngược lại, giá trị của nền văn minh Tây-phương lại hoàn toàn đối

ngịch. Những yếu tố vật chất và tiện nghi lúc nào cũng đứng đầu trong mọi hoạt động trong xã hội, còn luân lý thì bị xem là lỗi thời hay làm chậm bước sự phát triển khoa học và kỹ thuật. Cuối cùng tất cả những giá trị về luân lý chỉ được học hỏi và nghiên cứu chứ không còn mang một giá trị thực tiễn nào trong đời sống nữa. Bởi vậy, khi Tây-phương nói về luân lý và đạo đức, họ nói như một tên đạo đức giả bởi lẽ nó sẽ được giới trí thức thuộc thành phần bảo thủ mổ xẻ để chứng minh xem nền luân lý đó có làm cản trở sự phát triển vật chất hay không chứ không bao giờ chấp nhận luân lý với giá trị tuyệt đối của nó. Còn đối với giới trí thức thuộc thành phần tự do thì cho rằng luân lý và đạo đức tồn tại trong xã hội như một yếu tố phức tạp cũng như số ảo của các phương trình vô nghiệm, chỉ chấp nhận chứ không thể nào chứng minh được.

Thái độ thoái thác này, rõ ràng, không phù hợp với tôn giáo. Bởi vậy, nền tảng của văn hóa Tây-phương không thể nào đưa vào cấu trúc của Islam được. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là người Muslim không thể nào học hỏi từ người Tây-phương những tiến bộ về khoa học và kỹ thuật. Nhưng nếu muốn đi sâu thêm, bắt chước Tây-phương về tinh thần, giá trị và cấu trúc xã hội thì có nghĩa là chúng ta sẽ rời bỏ lý tưởng cao đẹp của Islam.

Chương 3

Tai ách của Thập-tự-quân

Bên cạnh những đối nghịch về tâm linh, còn có nhiều lý do khác tại sao người Muslim không nên học theo những phong tục tập quán của nền văn minh Tây phương. Một trong những lý do đó là Tây phương mang một mối thù kỳ lạ đối với Islam. Sự kiện này, một phần, cũng là do di sản của những nền văn minh cổ xưa tại Âu châu.

Người Hy-lạp và La-mã lúc nào cũng tự cho mình là giống người “văn minh” còn tất cả những người bên ngoài, đặc biệt là những giống người thuộc về phía đông Địa Trung Hải thì đều bị gán cho là “mọi rợ”. Từ đó, Âu châu một mực tin rằng tính ưu việt của họ đối với tất cả các giống người khác trên trái đất là một sự kiện không thể thay đổi. Cho nên, thái độ khinh miệt của họ đối với những giống dân khác, hoặc âm thầm hoặc lộ liễu là một trong những cá tính rõ ràng nhất của nền văn minh Tây phương.

Về mặt này vẫn chưa đủ để giải thích mối oán thù của họ đối với Islam mà còn một khía cạnh đặc biệt khác nữa.

Chính khía cạnh này, không những đã tạo nên một ấn tượng lạnh lùng khi đối diện với nền văn hoá “bên ngoài” mà còn tạo một thành kiến đến mức cuồng tín, chẳng những về mặt trí thức mà còn ảnh hưởng sâu đậm đến tận xúc cảm của họ. Tây phương có thể sẽ không chấp nhận triết lý của Phật giáo hay Ấn giáo nhưng lúc nào họ cũng dành cho một khoảng cách và thái độ thiện cảm đối với các tín điều của hai tôn giáo đó. Tuy nhiên, khi đối diện với Islam tự nhiên tư thế của họ bị mất thăng bằng và thành kiến bắt đầu dấy lên tự đáy lòng. Đa số những nhà học giả uyên bác của Tây phương, ngoại trừ một số rất ít, đều có tội vì đã viết sách báo phỉ báng Islam một cách vô chứng cứ. Trong lối nghiên cứu của họ, các học giả chuyên về Đông phương học làm như Islam không thể nào được nghiên cứu một cách khách quan, mà phải đối xử như một người bị cáo, phải bị hỏi cung trước quan tòa. Trong đó, có kẻ đứng lên dưới danh nghĩa của pháp luật muốn kết án tội nhân, kẻ khác đóng vai trò của luật sư để giúp thân chủ, nhưng trong thâm tâm y nhủ thầm, thân chủ của mình đã bị mang tội nhưng làm sao cho được “nhẹ án” mà thôi. Từ điểm này cho đến điểm khác, phương pháp suy diễn và kết luận được các nhà Đông phương học sử dụng, gọi lại những cuộc xử án dã man của Tôn giáo Pháp đình (Spanish Inquisition) do Nhà thờ tại Âu châu dựng lên trong thời Trung cổ để kết án những kẻ đã theo “dị giáo”. Trong những cuộc xử án đó, không có vị giáo sĩ nào bận tâm điều tra những sự kiện lịch sử với đầu óc cởi mở cả. Bất cứ vụ án nào cũng vậy, vì thành kiến mà họ đã kết án tội nhân ngay từ lúc ban đầu. Họ đã mưu tính, lựa chọn những lời lẽ để đạt đến kết luận giấu nhẹm phần nhân chứng từ nội dung hoặc các lối “diễn dịch” bằng những câu nói phản khoa học nhằm gạt bỏ lời biện hộ của bị can. Cho mãi đến ngày hôm nay, vẫn cùng một luận điệu đó, họ đã trắng trợn gạt bỏ tiếng nói của phía người Muslim.

Cuối cùng, Âu châu đã tạo ra một bức hình nhơ nhuốc về Islam bằng ngòi bút của họ, và đặc biệt hơn nữa, sự xuyên tạc này không chỉ giới hạn trong một quốc gia mà khắp cả Tây phương, từ nước Anh cho đến nước Đức, Pháp, Ý, Hà Lan, từ nước Mỹ cho đến Liên-xô. Tóm lại, mỗi khi nói đến Islam, dường như tâm trạng của họ mang một ác cảm lạ lùng không thể nào diễn tả được. Vì những nhà Đông phương học không phải xuất thân từ một sắc dân nhất định, nhưng đã bị ảnh hưởng từ một văn hóa và môi trường chung quanh, cho nên chúng ta không có lời lẽ nào để giải thích ngoại trừ kết luận là đầu óc của họ, vì lý do này hay lý do khác vốn đã có thành kiến với Islam. Trong đó, có một lý do phát sinh từ khái niệm cổ điển chia thế giới ra thành hai hạng: một là hạng người da trắng thuộc về "Âu châu" và hạng thứ hai là dân "mọi rợ", tức là những dân tộc khác ngoài Âu châu. Lý do thứ hai mang nhiều nét tiếp cận với lịch sử của Islam, đặc biệt nhất là trong thời Trung cổ.

Kể từ ngày La-mã sụp đổ, Âu châu hầu như mất hết nhựa sống. Một thời gian sau, Âu châu tựa mình thức giấc nhưng lại va chạm với Islam. Trận đụng độ kinh khiếp nhất giữa Islam và khối Âu châu, đại diện với các lực lượng của Thập tự quân, xảy ra trong giai đoạn nhằm vào lúc nền văn minh của Âu châu bắt đầu chớm nở. Trong giai đoạn phát triển mới này, Âu châu phối hợp với Nhà thờ bắt đầu phát triển theo chiều hướng mới. Nền văn học của họ bắt đầu trỗi dậy như những đóa hoa tựa mình đua nở vào đầu xuân. Còn nghệ thuật, sau bao nhiêu năm im lìm trong trạng thái hôn mê cũng đua nhau xuất hiện dưới ảnh hưởng của cuộc di dân ồ ạt của người Hun (Huns), người Gô (Goths), và người A-va (Avars). Trong những năm đầu của thời Trung cổ, Âu châu chỉ mới tựa mình thức giấc từ từ bắt đầu hấp thụ những ý

thức mới mỗi ngày một tăng thêm. Chính trong giây phút mong manh tột đỉnh đó, Thập tự quân xuất hiện đưa cả ý thức mới và Âu châu đối chọi với Islam. Mặc dù Islam và Âu châu đã có những cuộc chiến tranh trước đây, chẳng hạn như nước Si-ci-ly và Tây Ban Nha đã bị rơi vào tay của người Ả-rập, nhưng những cuộc chiến ấy đã xảy ra trước đó rất lâu cho nên nó không mang một ý nghĩa nào đặc biệt đối với Âu châu ngoại trừ những cuộc cải tiến nhỏ tại địa phương. Nhưng, chính Thập tự quân đã làm cho Âu châu mang nhiều thành kiến sâu đậm đối với Islam trong những thế kỷ về sau. Thập tự quân là yếu tố chính bởi lẽ nó rơi vào giai đoạn khi nền văn minh của Âu châu hiện đại vẫn còn đang là một đứa bé thơ dại. Đó là giai đoạn rất đặc biệt bởi lẽ những nét đặc thù về nền văn hóa mới đang trỗi dậy lần đầu tiên trong đời. Nó đang trở mình, phát triển và tiến hóa. Nền văn hóa của quốc gia mang đặc tính cũng giống như một cá nhân vậy. Những dao động nào mãnh liệt xảy ra trong thời thơ ấu sẽ mãi mãi in vào tiềm thức khắp cả đời người. Nó ăn sâu vào cội rễ đến nỗi không ai có thể gọi rửa nó được. Nếu có đi chăng nữa thì cũng rất khó khăn. Chỉ có thời gian và sự suy luận chín chắn mới hy vọng có thể thay đổi thành kiến đó được. Đó chính là trường hợp của Thập tự quân. Thập tự quân đã đem Islam, tạo nên một thành kiến sâu đậm nhất và lâu bền nhất trong tâm lý quần chúng tại Âu châu. Sự hồ hởi được đẩy lên trong thời của Thập tự quân không thể nào so sánh với bất cứ lý tưởng nào mà Âu châu đã va chạm trong quá khứ và cũng không bao giờ có thể so sánh với lý tưởng mới nào Âu châu đã gặp từ đó đến nay. Như một luồng khí độc, nó thổi khắp Âu châu tạo nên một sự phản khởi vượt qua mọi giai cấp, mọi tầng lớp và mọi quốc gia. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Âu châu đã mang lại đoàn kết, một sự đoàn kết để chống Islam. Bởi thế chúng ta có thể nói, Tây phương hiện đại sinh ra từ tinh thần của Thập tự quân. Trước đó, đã có những cuộc chiến tranh giữa

giống Ăng-lô Săc-xon và người Đứć, người Pháp, người Nor-măng, người Ý, và người Đan; nhưng trong thời của Thập tự quân, một khái niệm chính trị mới bắt đầu xuất hiện, đó là khái niệm về tinh thần "Cơ Đốc Giáo" (Christendom), một lý tưởng chung cho tất cả các dân tộc tại Âu châu. Cho nên, Thập tự quân và sự oán hận Islam chính là động lực đã thúc đẩy tất cả các đà phát triển mới.

Cũng đáng buồn cho lịch sử, bởi lẽ đây là sự kiện đầu tiên về ý thức tập thể, hay chúng ta có thể gọi là khí chất trí thức (intellectual constitution) của thế giới Âu châu được sinh ra và yểm trợ bởi khối Thiên chúa, tuy nhiên, tất cả những thành tựu của Âu châu hiện đại lại bắt nguồn từ sự đấu tranh của giới trí thức chống lại tất cả những gì mà Nhà thờ đã hô hào và xây dựng.

Quả nhiên, đây là sự phát triển đáng buồn từ quan điểm của Thiên chúa giáo và của Islam. Buồn cho Nhà thờ bởi lẽ Nhà thờ đã đánh mất giá trị tôn giáo trong thời kỳ ban đầu của nền văn minh mới. Buồn cho Islam bởi lẽ Islam đã phải đối chọi triền miên với Thập tự quân và dĩ vãng của nó, đội lốt dưới tôn giáo và văn hóa, trá hình dưới những dạng thức khác nhau trong nhiều thế kỷ về sau.

Những tội ác tày trời, những cảnh phá hủy và phỉ báng gây ra bởi những đội kỵ sĩ trung thành với cây Thánh-giá giống như những giọt thuốc độc gieo xuống, đầu độc quần chúng tại Âu châu từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nó làm cho mối quan hệ giữa Tây phương và Đông phương lúc nào cũng vẫn vương với nghi kỵ và thù hận. Ngoài ra, không có lý do chính đáng nào có thể tạo nên những tâm trạng đáng buồn đó. Mặc dù văn minh của Islam và Âu châu được thiết kế trên hai nền móng tinh thần và cứu cánh khác nhau, nhưng trong đó không có sự

khác biệt nào đối nghịch đến nỗi cả hai không thể cùng sống và tương hỗ lẫn nhau. Điều này không những có trong lý thuyết mà thực tế cũng đã chứng minh qua rồi. Người Muslim lúc nào cũng có tinh thần hòa giải và tôn trọng đối với Âu châu. Khi ông Khalifa Harun ar-Rashid phái đại sứ của ông đến gặp Hoàng Đế Săc-lơ-măng (Charlemagne), không phải vì nhìn thấy tài nguyên giàu có của Âu châu mà vì tinh thần hòa bình giữa người Frank và người Muslim. Thời đó, Âu châu còn quá hủ lậu, không đủ trình độ thấu hiểu tầm quan trọng tình hữu nghị giữa hai bên, dù vậy, Âu châu cũng không bác bỏ cơ hội để bang giao. Nhưng, Thập tự quân từ đâu xuất hiện bất thành linh đánh tan mối quan hệ giữa Tây phương và Đông phương. Thập tự quân không phải chỉ muốn gây chiến; bởi lẽ đã có nhiều cuộc chiến tranh xảy ra giữa các giống dân khác nhau trong lịch sử, sau đó bị lãng chìm trong quên lãng. Cũng đã có nhiều sự hận thù giữa các quốc gia, sau đó trở nên bạn hữu nhưng sự ác độc gây ra bởi Thập tự quân quá sâu đậm không chỉ giới hạn đơn thuần về mặt vũ khí mà còn tác động như một liều thuốc độc gieo trong tư tưởng quần chúng đầu độc Âu châu chống lại Islam. Một guồng máy tuyên truyền được Nhà thờ yểm trợ, cố ý xuyên tạc, bóp méo lời dạy và lý tưởng của Islam để lôi cuốn quần chúng đi theo Thập tự quân.

Hạt giống oán hận được gieo xuống. Giờ đây, chỉ chờ nó nảy mầm lan tràn khắp Âu châu. Nó cổ động người Thiên chúa tại Tây Ban Nha đứng lên để giải phóng đất nước ra khỏi “ngục tù của dị giáo”. Họ đứng lên phá hủy những công trình xây cất, đền đài, và văn hóa của người Muslim tại Tây Ban Nha, chém giết và hủy diệt trong suốt mấy thế kỷ. Cũng chính vì thời gian dài như vậy cho nên mối oán hận của Thập tự quân đối với Islam càng sâu đậm thêm. Thập tự quân đã tàn bạo thiết kế hệ thống giết chết hàng triệu người Muslim một cách vô cơ.

Cuộc chiến thắng của Thập tự quân tại Tây Ban Nha được Âu châu hoan hô rầm rộ - mặc dầu hậu quả nó đã phá hủy nền văn minh sán lạn nhất trong lịch sử hiện đại, để rồi sau đó, Âu châu lại chìm vào u tối, hủ lậu của thời Trung cổ.

Tuy vậy, khí thế của người Muslim dững mãi đến nỗi trước khi vương quốc Gra-na-đa, lãnh thổ cuối cùng của người Muslim tại Tây Ban Nha, rơi vào tay của Thập tự quân vào năm 1492, một biến cố thứ ba trong lịch sử Islam đã đem mối quan hệ giữa khối Âu châu và Islam càng chìm vào trong ngõ hẹp; đó là thành trì của Đế Quốc By-zan-tin tại Con-stan-ti-nôp (Constantinople) bị rơi vào tay của người Muslim Thổ Nhĩ Kỳ năm 1453. Đối với Âu châu, Con-stan-ti-nôp là địa danh cuối cùng mang sắc thái của nền văn minh Hy-lạp và La-mã. Đây chính là nơi mà Âu châu đã dồn hết sức lực và cơ hội, tạo nên thành trì kiên cố để đương đầu với tụi "man rợ" Á châu. Nhưng sau khi Con-stan-ti-nôp bị sụp đổ, ngưỡng cửa của Âu châu mở tung ra cho người Muslim tiến tới. Trong những năm đầy máu lửa về sau, những nghi kỵ và oán hận đối với người Muslim không những đã ăn sâu vào nền văn hóa của Âu châu mà còn cả về mặt chính trị nữa. Tất cả đều đóng góp cho mối oán thù ngày càng tăng thêm.

Trong bối cảnh lớn, tất cả những động lực va chạm lẫn nhau trong lịch sử phú nhiều mối lợi cho Âu châu. Điển hình nhất là thời Phục hưng, với nghệ thuật và khoa học hấp thụ từ văn hóa phía người Á-rập. Trong lĩnh vực văn hóa, Âu châu hưởng thụ và phát triển nhiều hơn cả thể giới của Islam hợp lại, tuy nhiên, họ đã không tỏ ra biết ơn cao cả đến người Muslim mà ngược lại, mối oán thù đối với Islam càng tăng thêm theo thời gian, ăn sâu vào tâm can của Âu châu đến nỗi trở thành thói quen. Nó đẩy

lên mỗi khi chữ “Muslim” được nhắc đến, nó đi sâu vào lĩnh vực văn thơ và ngụ ngôn, khắc vào trái tim của quần chúng Âu châu, đàn ông cũng như đàn bà. Mỗi oán hận của Âu châu đối với Islam dai dẳng đến mức nó lướt qua tất cả những sự thay đổi tại Âu châu. Vào thời Cải-tiến (Reformation), khi các đảng phái tôn giáo ào ạt xâu xé Âu châu thành ba bè bảy phái, phái này chực chờ thanh toán phái kia, nhưng mỗi thù đối với Islam là mẫu số chung của tất cả. Đến khi ý thức về tôn giáo đã phai dần theo thời gian, nhưng mỗi thù đối với Islam vẫn còn nóng bỏng như ngày hôm qua. Nó sâu sắc đến mức nhà triết lý của Pháp, ông Voltaire thề không đội trời chung với Nhà thờ và cũng là người ghét Islam đến mức điên cuồng. Vài thập niên sau, khi các học giả tại Tây phương bắt đầu nghiên cứu văn hóa của các nước khác, họ không bao giờ có thiện cảm và cởi mở đối với Islam như họ đã dành thiện cảm và cởi mở đối với các nền văn hóa khác. Cho nên Tây phương đã có thành kiến tiềm tàng, ngăn cách, không cho phép họ nghiên cứu Islam với tinh thần trung lập của một nhà khoa học. Làm như, oán hận Islam là một phần trong tâm trạng mà họ không thể nào gột rửa được. Công bình mà nói, các nhà Đông phương học ban đầu là những nhà tu sĩ Thiên chúa hoạt động tại các quốc gia Islam. Họ nghiên cứu, tính toán để bóp méo và xuyên tạc Islam nhằm lôi cuốn quần chúng Tây phương chống lại những tên “dị giáo”, nhưng tâm trạng đầu độc trong đầu óc của những nhà Đông phương học vẫn còn tồn tại ngay cả trong ngày hôm nay, mặc dù họ đã thoát ra khỏi vòng ảnh hưởng của giới tu sĩ. Bởi lẽ thành kiến của Tây phương đối với Islam đã trở thành di truyền, một sự nhối sợ bị Thập tự quân khắc sâu vào trong tâm can tự thừa nào.

Có người hỏi, làm thế nào một thành kiến phát sinh từ tôn giáo trong thời Trung cổ lại tồn tại đến ngày hôm

nay khi tinh thần tôn giáo ở Tây phương nay không còn đáng kể nữa?

Đối với một nhà tâm lý học, vấn đề này không có gì lạ lùng cả. Chúng ta biết, nếu một cá nhân sinh ra trong gia đình nền nếp tôn giáo, thì sau khi lớn lên dù không còn hứng thú trong tôn giáo nữa nhưng y vẫn còn mang trong người những niềm tin trong quá khứ. Niềm tin đó có thể mơ hồ có thể hoàn toàn đối nghịch với lý luận nhưng nó đã in vào trong tiềm thức của thời thơ ấu rồi.

Đó là thái độ của Tây phương đối với Islam. Mặc dù tinh thần chống Islam đã một phần thể hiện qua đời sống vật chất nhưng sự oán hận vẫn còn tồn tại trong tiềm thức. Cường độ của nó thay đổi tùy theo mỗi cá nhân nhưng không ai phủ nhận rằng nó không có. Cho nên, tinh thần của Thập tự quân ngày hôm nay đã trở nên phai nhòa nhưng nó vẫn còn ám ảnh Tây phương, âm thầm tác động trên tinh thần của họ chống với Islam và tất cả những gì mang tính chất Islam.

Trong nội bộ người Muslim, chúng ta thường nghe bàn đến mối oán thù của người Tây phương đối với Islam vì những xung đột đẫm máu đã xảy ra trong quá khứ và nhiều người nghĩ, sự oán thù đó nay đã nguôi dần. Chúng ta còn nghe nói Tây phương có thái độ nghiêng về Islam, tôn trọng Islam là một tôn giáo và một hệ thống điều hành xã hội. Nhiều người Muslim còn tin, Âu châu sẽ đem Islam đàm thoại với Hoa Kỳ một ngày gần đây. Niềm tin này, trong chính nó, không hoàn toàn vô lý khi chúng ta tin rằng chỉ có Islam và những điều chỉ dạy của Islam mới hội đủ điều kiện để thỏa mãn nhu cầu và khả năng phát triển của con người và tất cả các nhu cầu khác trong xã hội. Và lại, chúng ta được Thiên sứ cho biết, một ngày nào đó, tất cả mọi người trên trái đất

sẽ đi theo Islam. Nhưng hiện nay, không một dấu hiệu nào cho thấy điều này sẽ xảy ra trong tương lai gần đây. Đối với Tây phương, vấn đề chấp nhận Islam chỉ có thể xảy ra sau khi xã hội của họ đã bị đảo lộn tận gốc rễ. Có thể là một cuộc cách mạng mới để rửa sạch niềm kiêu hãnh của Tây phương đập tan nền văn hóa xây dựng trên chủ nghĩa vật chất. Ngày hôm nay, thế giới Tây phương vẫn còn đang lạc loài trong sự phồn vinh vật chất và vẫn còn nghĩ rằng Tiện nghi và chỉ có Tiện nghi mới là mục đích xứng đáng để đấu tranh trong cuộc sống. Cho nên, lý tưởng thiên về vật chất và chống tôn giáo đang phát triển ngày càng lớn mạnh chứ không phải đang trên đường suy đồi như nhiều người Muslim đang biện luận.

Chúng ta còn nghe, khoa học hiện đại đang bắt đầu chấp nhận sự hiện hữu một động lực tạo hóa đã tạo nên những cơ cấu vĩ đại trong thiên nhiên. Đối với kẻ lạc quan, đây là dấu hiệu về ý thức mới của tôn giáo ở Tây phương. Nhưng giả thuyết này chỉ đánh lạc hướng nền tảng khoa học hiện đại. Bởi lẽ không có nhà khoa học chân chính nào lại không nghĩ đến vũ trụ thành hình từ một động lực và một nguồn gốc. Nhưng, câu hỏi đã vương vấn từ mấy ngàn năm qua là các phẩm chất và thuộc tính mà con người có thể gán cho “động lực” ấy. Tất cả mọi tôn giáo đều cho rằng đó là Quyền-uy hội tụ tất cả các phẩm chất tuyệt đối trong ý thức và trong bản chất, một Quyền-lực Tối-cao đã cấu tạo và cai quản vũ trụ theo kế hoạch và một mục đích nhưng không bao giờ bị khống chế bởi một luật lệ nào cả; nói tóm lại là Thượng Đế. Tuy nhiên, khoa học chưa bao giờ nghĩ rằng họ sẽ chuẩn bị chấp nhận điều này và tách rời câu hỏi về ý thức và sự độc lập, nói cách khác là tách rời tính thiêng liêng của sự tạo hóa ra một bên mà thái độ của khoa học là: “*Có thể có, nhưng chúng tôi không biết động lực thiêng liêng đó và cũng không có phương tiện khoa học nào để nghiên cứu cả*”. Trong tương lai, có thể triết lý này sẽ phát triển

thành một trong những loại tà giáo cho rằng linh hồn và vật chất, mục đích và hiện có, đấng tạo hóa và vật tạo thành, tất cả là một và giống nhau (thuyết cho rằng Trời tức là vũ trụ, vạn vật và tất cả vũ trụ tức là Trời). Quả nhiên, đối với niềm tin này chúng ta không thể nào nói, đây là bước tiến lạc quan đối với Islam, bởi lẽ ý thức về Islam không phải là lời chào vĩnh biệt đối với vật chất mà là một sự thăng tiến, một trình độ siêu đẳng hơn về tinh thần. Cả hai cùng quần quện liên đới với nhau để thăng tiến trong cuộc sống.

Thật ra, ngày hôm nay, Tây phương đã tách rời ra khỏi Islam hơn bao giờ hết. Sự nghi kỵ của họ đối với Islam có thể phai đi rất nhiều nhưng điều đó không phải vì Tây phương tôn sùng lời chỉ dạy của Islam mà chính là sự suy đồi về văn hóa và sự phân rã của thế giới Muslim. Ngày xưa, Âu châu khiếp sợ Islam. Chính sự khiếp hãi đó đã làm cho Âu châu có thái độ đối nghịch với tất cả những gì mang tính chất Islam cho là tâm linh hay xã hội. Nhưng sau khi Islam mất đi các sinh khí phát triển thì Âu châu cũng không còn gì để dè dặt nữa. Vì vậy, vấn đề nghi kỵ đối với Islam cũng từ từ biến mất. Nếu tinh thần chống Islam không còn mạnh mẽ như khi xưa nữa thì điều đó không có nghĩa là Tây phương đang "tiến đến gần hơn" với Islam mà nó chỉ biểu lộ một sự lạnh lùng đối với Islam mà thôi.

Chắc chắn, nền văn minh Tây phương sẽ không bao giờ thay đổi thái độ của họ. Ngày hôm nay, nó vẫn mang đầy tinh thần chống tôn giáo như hôm qua và cũng như tôi đã trình bày, không có một dấu hiệu khả quan nào chứng tỏ một thay đổi mới sẽ xảy ra trong tương lai gần đây. Mặc dù có những phái đoàn truyền giáo của người Muslim đã nỗ lực hoạt động và cũng đã có nhiều người Tây phương và Hoa-kỳ đã đi theo Islam nhưng vấn đề này không có

điều gì đặc biệt. Sống trong thời đại mà vật chất lúc nào cũng chiếm ưu thế trong cuộc sống thì tự nhiên sẽ có người tìm kiếm sự giải thoát về tâm linh, họ sẽ tìm kiếm những tín ngưỡng mới bất kể là tôn giáo nào. Về phương diện này, phái đoàn truyền giáo Muslim cũng không ngoại lệ đối với những phái đoàn truyền giáo khác, bởi lẽ có vô số những chi phái thần bí của Thiên chúa giáo cũng đang cự mình “hồi sinh”, có những nhà Thông thần học (Theosophic), những ngôi đền Phật giáo và nhiều Phật tử xuất hiện trong các thành phố Âu châu và Mỹ châu, tất cả đều sử dụng cùng một lập luận như những người truyền giáo Muslim. Bên Phật giáo thì nói, Tây phương đang “tiến đến gần hơn” với Phật giáo. Nếu Islam và Phật giáo, đều lý luận rằng Âu châu và Mỹ châu đều “tiến gần” với tôn giáo của mình thì quả là điều đáng nực cười. Một vài cá nhân Tây phương gia nhập Phật giáo hay gia nhập Islam đều không chứng minh được tín điều của hai bên đã thật sự thay đổi nếp sống trong quần chúng Tây phương. Cũng có thể nói, không có nhóm nào trong các hội đoàn truyền giáo đã thật sự xâm nhập vào quần chúng Tây phương ngoại trừ một số người vốn có tính hiếu kỳ muốn đi theo những tín điều mang tính chất “hoa thơm cỏ lạ”. Dĩ nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ - họ là những người muốn tìm hiểu sự thật tự đáy lòng - nhưng ngoại lệ vẫn chưa đủ để thay đổi chiều hướng của một nền văn hóa. Và lại, nếu chúng ta so sánh những người đi theo Islam thuộc trường hợp ngoại lệ và những người Tây phương đã ồ ạt chạy theo chủ nghĩa vật chất, chẳng hạn như chủ nghĩa Mác-xít thì chúng ta mới có thể thấy được chiều hướng của nền văn minh Tây phương với tầm nhìn bao quát hơn.

Cũng có thể một sự đảo lộn về kinh tế và xã hội, những cuộc thế chiến kéo dài vô hạn định, hay những cuộc thiên tai long trời lở đất thì họa may Tây phương sẽ trở

nên khiêm tốn hơn, thay đổi tính tự kiêu tự đại, quay về tìm kiếm giá trị tâm linh vĩnh cửu hơn. Trong bối cảnh đó, Islam mới có hy vọng đem ánh sáng chân lý chiếu trên chân trời Tây phương được. Tuy nhiên, tương lai vẫn còn đang mịt mờ. Bởi vậy, không có lý luận nào ngu muội và nguy hiểm hơn khi nghe người Muslim nói đến ảnh hưởng của Islam đang chiếm ngự tinh thần của Tây phương. Đây là những câu nói vô giá trị của niềm tin Mah-đi trá dạng trong lý luận, một niềm tin nói đến thần lực bỗng nhiên xuất hiện trong tương lai mang chiến thắng cho phía Muslim yếu đuối. Niềm tin như thế thật là nguy hiểm bởi lẽ nó mang đầy lạc quan, vô lo và có xu hướng ru ngủ quần chúng. Nó không làm cho người Muslim nhận thấy sự tiêu điều của mình trong lúc nền văn hóa Tây phương đang vươn lên tàn phá thế giới Islam một cách khốc liệt. Chúng ta thì đang mê man trong lúc thế lực bên ngoài đang âm thầm hủy hoại cấu trúc của Islam khắp mọi nơi. Bởi thế, ước mơ về sự ưu thế của Islam là một lẽ, còn xây dựng giấc mơ trên mỗi tin tưởng hão huyền là một lẽ khác.

chương bốn

Vấn đề giáo dục

Ngày nào người Muslim vẫn còn đoái nhìn đến văn hóa của Tây phương và nghĩ rằng chỉ có nền văn hóa đó mới có thể đem lại luồng sinh khí mới cho xã hội bế tắc của mình thì ngày đó họ càng bán rẻ niềm tin và gián tiếp yểm trợ giả thiết của Tây phương cho rằng, Islam chỉ là một trong các loại “động lực chuyển tiếp” trong các dòng thác lịch sử.

Trong các trang trước, tôi đã đưa ra các lý do về Islam và văn minh Tây phương, cả hai được thiết lập trên hai nền tảng hoàn toàn đối lập, nhất là trong lĩnh vực tâm linh. Vậy thì làm sao chúng ta có thể đòi hỏi con em của mình thoát ra khỏi vòng ảnh hưởng của văn hóa lúc nào cũng đối chọi với Islam trong lúc chúng ta lại gửi chúng nó vào các học viện của Tây phương?

Ở đây, chúng ta không tranh luận về việc này ngoại trừ một số trường hợp rất hiếm đối với những cá nhân có thể sử dụng lý trí mà không bị ảnh hưởng bởi chương trình giáo dục. Đa số thanh niên và thiếu nữ Muslim được đào

tao từ các học viện bên Tây phương hầu như lúc nào cũng đều coi rẻ lý tưởng của Thiên sứ Muhammad (*saw*) và phủ nhận họ là những người đại diện cho nền văn minh sáng lạn, được xây dựng trên nền tảng đạo đức của Islam. Bởi vậy, khi được đào tạo trong môi trường đó một tên “trí thức hiện đại” thường mang trong người một thành kiến kỳ lạ, lúc nào cũng muốn tẩy tôn giáo ra khỏi đầu óc của y. Dĩ nhiên, đây không phải là lý do để nói Islam là tôn giáo chỉ dành riêng cho hạng người thất học, mà nó được mọi tầng lớp ca ngợi.

Xác nhận hay phủ nhận niềm tin trong tôn giáo, thật ra, không phải chỉ đơn thuần về mặt biện luận. Trong vài trường hợp, tin hay không tin là từ trực giác hay có thể nói là từ nội tâm nhưng thông thường được truyền đến mỗi cá nhân từ môi trường mà họ đã lớn lên. Hãy tưởng tượng đến một đứa bé, thời thơ ấu được huấn luyện trong môi trường để nghe đủ các loại âm nhạc. Đôi tai của nó có thể phân biệt tất cả các loại nhạc cụ, âm giai và những bản hoà tấu độc đáo. Dĩ nhiên khi đứa bé này lớn lên, nó mang trong người một kiến thức đặc biệt có thể phát minh những bản nhạc tuyệt vời, có khả năng thấu hiểu và giải thích những bản hoà tấu cực kỳ thâm thúy. Ngược lại, đối với những kẻ không hề có cơ hội được gần gũi với âm nhạc thì chắc chắn y sẽ không bao giờ thấu hiểu hay tán dương mặc dù có nghe qua những bản hoà tấu bất hủ trong lịch sử. Trong cuộc sống, có những cá nhân kém may mắn, không được thiên nhiên phú cho “đôi tai” để nghe âm nhạc và trong lĩnh vực tôn giáo cũng có những cá nhân hoàn toàn “điếc” đối với tiếng gọi của tôn giáo. Tuy nhiên, đối với đa số sự chấp nhận hay phủ nhận tôn giáo được định đoạt bởi môi trường mà họ đã lớn lên. Vì thế, Thiên sứ Muhammad (*saw*) đã nói: *”Mọi đứa bé đều sinh ra trong trạng thái trong trắng và nguyên vẹn (fītrah), nhưng cha mẹ của nó làm cho nó*

trở thành người Do Thái, người Thiên Chúa, hay người Zô-roas.” (Sahih al-Bukhari).

Chữ “Cha mẹ” dùng trong hadith trên được diễn giải, nói rộng ra để dùng cho: khung cảnh, môi trường, gia đình, trường học, hay xã hội... mà môi trường đó sẽ đánh dấu chiều hướng phát triển của mỗi người. Chúng ta không thể làm ngơ trước trạng thái suy vi của người Muslim gây ra từ nền tảng tôn giáo yếu ớt và những cảnh vô học trong gia đình sẽ một ngày nào đó làm cho con em trong nhà rời bỏ tôn giáo của mình. Có thể, đó là một trong những chiều hướng sẽ xảy ra trong tương lai nhưng đối với con em Muslim được gửi vào các học viện của Tây phương thì thái độ chống tôn giáo trong đầu óc của chúng nó hầu như chắc chắn sẽ thể hiện trong tương lai. Thế thì chúng ta tự hỏi: người Muslim chúng ta phải có thái độ thế nào đối với nền giáo dục hiện đại?

Chống lại nền giáo dục của Tây phương không có nghĩa là Islam hoàn toàn phủ nhận vấn đề học vấn. Thiên Kinh Qur'an lúc nào cũng khuyến khích về kiến thức “để người trở nên khôn ngoan”, “để người có thể suy nghĩ”, “để người có thể thấu hiểu”. Trong những trang đầu của Thiên Kinh Qur'an, Thượng Đế phán:

“Và Thượng Đế truyền cho A-đam tất cả các loại tên” (Q2:31)

Vì kiến thức của các “loại tên” đó, cho nên con người, trong một khía cạnh đặc biệt, còn cao quý hơn cả thiên thần. “Tên” chỉ là danh từ tượng trưng, nói đến khả năng để định nghĩa và diễn đạt ý nghĩ của mình. Đó là chính là khả năng đặc biệt mà Thượng Đế đã phú cho con người nhằm thi hành nghĩa vụ Phó vương (Khalifah) trên trái Đất.

Để thủ đắc kiến thức và phát triển khả năng của khối óc, con người bắt buộc phải học hỏi, cho nên, Thiên sứ Muhammad (*saw*) nói: "Học vấn là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người Muslim, đàn ông cũng như đàn bà." (Ibn Majah). Và "Nếu cá nhân nào lên đường tìm kiếm kiến thức, Thượng Đế sẽ làm cho con đường của y đến Thiên Đàng dễ dàng hơn" (Sahih Muslim). Và "Sự cao quý giữa một người uyên bác và một kẻ chỉ chuyên thờ phượng cũng giống như trăng rằm so với các vì sao yếu ớt trong bầu trời" (Musnad Ibn Hanbal, Jani at-Tirmidhi, Sunan Abu Đa'ud, Sunan Ibn Majah, Sunan ad-Đarimi).

Ở đây, chúng ta không cần phải đưa ra những câu kinh trong Qur'an hay lời dạy của Thiên sứ để biện luận cho việc học vấn bởi lẽ lịch sử đã chứng minh một cách hùng hồn rằng Islam và chỉ có Islam mới tạo nên những điều kiện để phát triển và nâng cao khoa học hơn tất cả các hệ thống và những tôn giáo khác trong lịch sử loài người. Nền thần học của Islam đã yểm trợ, kích thích giáo dục và khoa học đến mức đã tạo ra nhiều nền văn hóa rực rỡ trong thời Um-may-yad và Ab-bas-sid và trong những thời đại khi người Á-rập đang trị vì nước Si-ci-ly và Tây Ban Nha. Không phải tôi nêu ra những điểm này để chúng ta có thể vỗ ngực tự hào trong lúc thế giới Islam đã bỏ rơi tất cả những điều ưu tú trong quá khứ; để rồi nép mình trong ngõ hẹp của tâm linh và những cảnh vô học của ngày hôm nay. Chúng ta không có quyền, trong cảnh tiêu điều của mình ngày hôm nay để nhắc đến những vinh quang quá khứ mà phải nhận thức được rằng chính vì chúng ta đã lơ là trong nghĩa vụ của mình mới gây ra những cảnh suy vi và tan rã chứ không phải vì Islam và khiếm khuyết của nó.

Islam chưa bao giờ là một yếu tố ngăn chặn tiến bộ trong xã hội và khoa học. Nó vinh danh trí thức đến nỗi đã đặt con người ở một vị trí còn cao hơn cả thiên thần. Không

có tôn giáo nào đòi hỏi lý luận và kiến thức cao như trong tôn giáo Islam về tất cả mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Nếu người Muslim thật sự đi theo nguyên lý này thì không ai có thể viện lý do này hay lý do khác, bênh vực hay coi thường kiến thức và học vấn trong cuộc sống. Chúng ta phải có chí hướng để tìm hiểu, để tiến tới, để trở nên hiện đại trong mọi lĩnh vực khoa học và kinh tế như các nước Tây phương. Tuy nhiên, điều mà người Muslim phải tránh là không nên bắt chước lối nhìn như của Tây phương, không nên suy nghĩ như lối nghĩ của Tây phương. Người Muslim không nên bán rẻ nền văn hóa sâu sắc của Islam để đổi chác với các chủ nghĩa vật chất rỗng tuếch của Tây phương, cho dù là tư bản hay bất cứ chủ nghĩa nào khác.

Kiến thức không thuộc về Tây phương và cũng không thuộc về Đông phương. Nó thuộc về tất cả mọi người trên thế giới cũng như các dữ kiện trong thiên nhiên. Tuy nhiên, tùy theo lăng kính của mỗi văn hóa và quốc gia, dữ kiện trong thiên nhiên thường được nhận xét và trình bày theo ý kiến riêng tư của mỗi người. Cho nên, sinh vật học, vật lý học hay thực vật học không là vật chất và cũng không là tâm linh. Nó là những môn thuộc về khảo sát, sưu tầm và định nghĩa các dữ kiện, từ đó rút ra những kết luận phổ thông cho đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, con người thường đi đến kết luận từ những định kiến đã được nẩy mầm trong sự suy nghĩ của mình. Nói cách khác, từ trực giác và với tất cả các khía cạnh khác trong cuộc sống.

Kant, một triết gia nổi tiếng của nước Đức, có lần nói, “Thoạt đầu có vẻ hơi lạ lùng, nhưng lý trí của chúng ta không phải đạt kết luận từ thiên nhiên mà thật ra, chúng ta đã diễn tả kết luận cho thiên nhiên”. Nói tóm lại, chỉ có lăng kính chủ quan mới thật sự thay đổi cách nhận định của mỗi người bởi lẽ nó đã tác động trực tiếp vào

cách lập luận của chúng ta. Cho nên, khoa học là một môn phi vật chất và phi tâm linh nhưng làm cho chúng ta giải thích các hiện tượng trong vũ trụ bằng nhiều lối, muôn hình muôn vẻ không thống nhất với nhau. Sự diễn giải vũ trụ trong nhận định của chúng ta từ quan điểm tâm linh, hay từ quan điểm vật chất chính là lăng kính riêng biệt của mỗi người. Văn hóa bên Tây phương thuộc về duy lý vật chất cho nên vốn đã mang tính chống tôn giáo trong khái niệm và trong nguyên lý, bởi thế chúng ta phải hiểu rằng đây là nền tảng trong nền giáo dục của họ. Nói cách khác, không phải vì các môn học hiện đại và khoa học thực nghiệm đã tác hại đến văn hóa của Islam nhưng là tinh thần của nền văn hóa Tây phương mà người Muslim đã bắt chước trong các học viện của họ.

Thật là điều đáng buồn trong lịch sử, bởi lẽ, chỉ trong vài thế kỷ ngắn ngủi, trong lúc người Muslim đã lơ là trong bốn phận của mình đến nỗi trở thành nô lệ cho bên Tây phương và trông cậy nơi họ để cung cấp cho kiến thức và khoa học. Nếu chúng ta đề cao cảnh giác áp dụng nguyên lý căn bản của Islam, đòi hỏi mỗi người Muslim nam cũng như nữ, giới trẻ cũng như cao niên, lúc nào cũng phải cố gắng hoàn thành nghĩa vụ của mình thì chúng ta không cần phải nhìn về phương Tây để thủ đắc kiến thức giống như một người ngã quỵ trong sa mạc, quần quai vì thiếu nước nhưng lại trông vào ảo ảnh để kéo dài sự sống. Trong lúc người Muslim đang thờ ơ, bỏ lơ bốn phận của mình cuối cùng rơi vào tình trạng nghèo nàn và ngu dốt thì ngược lại Tây phương đã vượt lên đóng góp những thành quả vĩ đại cho khoa học và thế giới. Có lẽ lâu lắm phía Muslim mới có thể lấp lại hố sâu này. Bởi thế, lúc này chúng ta phải theo đuổi khoa học từ những học viện của Tây phương và nép mình mang ơn họ. Tuy nhiên, nếu có học hỏi thì chỉ nên học về khoa học và phương pháp nghiên cứu chứ không nên quan

tâm đến các lĩnh vực khác. Nói cách khác, chúng ta sẵn sàng học hỏi tất cả các ngành khoa học nhưng không nên đeo đuổi nền triết lý của họ.

Hôm nay, nhiều ngành khoa học, chẳng hạn như môn vật lý hiện đại đã tiến đến trình độ vượt ngoài khảo sát và thực nghiệm, nó ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực triết lý bởi vậy rất khó phân biệt. Nhưng ngược lại, đây chính là điểm mà Islam phải đứng lên biểu hiện vai trò của mình. Và dĩ nhiên, khi đối diện với điểm phân ly giữa khoa học và triết lý các nhà khoa học Muslim có bốn phận phải sử dụng khả năng duy lý của mình mà không cần đụng đến triết lý của Tây phương. Từ vị trí đặc thù của Islam, chúng ta sẽ đạt đến kết luận hoàn toàn khác biệt với kết luận của các nhà khoa học của họ.

Dù cho tương lai có phát triển theo chiều hướng nào đi chăng nữa, chúng ta vẫn có thể tìm hiểu và dạy khoa học trong các học viện Islam ngay tại thời điểm hôm nay mà không cần phải phục tùng giới trí thức Tây phương một cách u mê. Điều mà thế giới của Islam đang cần không phải là một nền triết lý mới mà chỉ cần khoa học và khối óc của mình.

Nếu nói về một chương trình lý tưởng cho Bộ Giáo Dục Islam dựa theo chương trình của Tây phương thì tôi phải nói, chúng ta chỉ nên theo đuổi chương trình khoa học thiên nhiên và toán học đồng thời loại bỏ triết lý Tây phương ra ngoài. Vị trí của chúng ta đối với triết lý Tây phương phải thật rõ ràng như chúng ta đã thảo luận. Còn về văn chương thì chúng ta phải cẩn thận đặt nó đúng với vị trí của triết lý và lịch sử.

Chương trình văn chương được dạy trong các nước Muslim ngày hôm nay rất là một chiều. Những giá trị và khái niệm giả tạo của nền văn minh Tây phương được

phóng đại để lôi cuốn thanh niên vào lối sống hão huyền không lường được những tai hại khác có thể xảy ra trong tương lai. Bởi thế, chiến trường không những được chuẩn bị để tán dương nền văn hóa Tây phương mà còn chuẩn bị để rập khuôn một xã hội dựa trên những giá trị giả tạo đó. Tuy nhiên, tất cả đều đối nghịch với tinh thần và giá trị của Islam. Chúng ta phải thay đổi chương trình bằng cách giới thiệu nền văn chương đa màu đa dạng của Islam để giới sinh viên làm quen với sự phong phú và dồi dào của mình. Có vậy thì chúng ta mới có thể phát huy và mở rộng một tương lai mới.

Chương trình văn chương Tây phương trong các nước Muslim hiện nay dẫn đến sự ly khai của giới trẻ với Islam. Nó chứng minh một lần nữa bộ mặt thật của Tây phương về lịch sử thế giới. Trong đó, thái độ cổ điển "La-mã chống mọi rợ" thể hiện nguyên hình. Nó chứng minh từ trong thái độ cho rằng, chỉ có dòng giống Tây phương và nền văn minh của họ là cao siêu hơn tất cả các nền văn minh đã được thiết lập trên thế giới. Quả nhiên, đây là hệ thống nhằm trang bị cho Tây phương lý do để đô hộ thế giới.

Từ thời La-mã, các quốc gia Âu châu đã quen với lối đánh giá Đông và Tây theo "tiêu chuẩn" của mình, cho nên bao giờ họ cũng nghĩ rằng nhân sinh quan của loài người chỉ có thể phát huy dựa trên văn hóa bên Âu châu mà thôi. Lối nhìn thiên cận của Tây phương đã tạo ra nhiều quan niệm sai lầm, bởi vậy khi các nhà nghiên cứu của họ vượt ra khỏi Âu châu để tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử thế giới, họ càng gặp nhiều trở ngại và khó khăn trước những nền văn hóa đa màu đa dạng của các nước khác.

Chính vì thái độ kiêu căng của Tây phương cho nên lịch sử thế giới đối với họ thật ra không có gì đặc biệt mà chỉ là một sự tích được nói rộng ra từ bên phương Tây.

Những quốc gia bên ngoài chỉ được đề cập đến nếu sự sinh tồn và phát triển của họ liên quan đến Âu châu hoặc Hoa Kỳ. Khi chúng ta mô tả lịch sử của các nước Tây phương với đầy đủ chi tiết và màu sắc, ngược lại, mô tả các nước khác một cách mù mờ thì người đọc sẽ lập tức có cảm tưởng rằng Tây phương và thành tựu của họ về mặt lý tưởng và xã hội thật là vĩ đại so với các nước khác. Lúc đó, người ta sẽ nghĩ, có lẽ thế giới được tạo ra là vì Tây phương và nền văn minh của họ còn nước khác và các nền văn minh khác chỉ là những giai đoạn chuyển tiếp cho nền vinh quang của Tây phương mà thôi. Hậu quả của các chương trình giáo dục thuộc loại đó làm cho đầu óc của giới trẻ trong các nước ngoài phương Tây sẽ đánh giá thấp về nền văn hóa, lịch sử và về tương lai của chính mình. Quả nhiên, đây là hệ thống nhồi sọ nhằm khinh miệt khả năng của mình ngoại trừ đầu hàng và chấp nhận đi theo lý tưởng bên Tây phương.

Để chống lại những tai hại gây ra bởi nền giáo dục một chiều của Tây phương, những nhà lãnh đạo trong thế giới Islam phải cố gắng hết mình để mang chương trình lịch sử của người Muslim trở lại. Dĩ nhiên, đây là công việc khó khăn đòi hỏi nghiên cứu lại toàn bộ chương trình giáo dục trước khi người Muslim có thể thủ đắc ý thức mới về lịch sử thế giới. Tuy nhiên, công việc này không phải khó khăn đến mức chúng ta không còn hy vọng nào khác để cứu vãn tình thế. Nếu không được hồi sinh, các thế hệ trẻ trong tương lai sẽ tiếp tục bị lôi cuốn vào các yếu tố vật chất của Tây phương, và trở mặt khinh bỉ chính Islam, bởi lẽ giá trị của nền văn hóa Tây phương có tác dụng làm bi quan và hạ thấp các nền văn hóa khác. Tâm trạng bị tù túng và bi quan trong nền văn hóa của mình có thể giải quyết một cách đơn giản bằng cách đầu hàng đi theo Tây phương và đi theo Tây phương có nghĩa là phải loại bỏ Islam ra khỏi cuộc sống.

Liệu, chúng ta có chuẩn bị để chấp nhận điều đó hay không?

Những biến cố xảy ra trong xã hội Tây phương hiện nay làm cho chúng ta tin rằng nền luân lý của Islam, khái niệm về xã hội và đạo đức, về nền công lý và tự do cá nhân... tất cả đều cao siêu hơn, hoàn hảo hơn tất cả mọi mặt mà nền văn minh Tây phương có thể sản sinh từ thời Hy-lạp cho đến hôm nay. Islam đã phá tận gốc nạn kỳ thị chủng tộc đồng thời đưa ra con đường để nâng cao tình đoàn kết và công bình trong xã hội. Hôm nay, Tây phương vẫn chưa vượt ra khỏi cảnh bế tắc của nạn kỳ thị chủng tộc và chủ nghĩa dân tộc. Xã hội của Islam chưa bao giờ biết đến giai cấp và sự đấu tranh giai cấp nhưng trong suốt lịch sử của Tây phương, từ thời cổ Hy-lạp và cổ La-mã cho đến ngày hôm nay mang đầy những đấu tranh chống giai cấp và thù hằn trong xã hội. Nói cho cùng, chúng ta không học hỏi được điều gì tốt đẹp từ xã hội và triết lý của Tây phương ngoại trừ khoa học, thuần túy về khoa học và các ứng dụng của nó. Tuy nhiên, công cuộc học hỏi kiến thức từ bên Tây phương không có nghĩa là chỉ có nền văn hóa Tây phương mới đáng học theo. Nếu có kẻ chấp nhận Tây phương hoàn toàn đúng hết thì chắc chắn y không có trình độ tối thiểu nào về Islam cả. Sự cao siêu của nền văn hoá này hay nền văn hóa khác không thể nào đánh giá bằng kiến thức hay thành công về khoa học (mặc dù đó là điều chúng ta cần có) nhưng là sự hơn kém về nền tảng luân lý và khả năng để giải thích và kết hợp mọi mặt trong cuộc sống một cách hòa hợp với nhau. Trên quan điểm đó, không ai có thể chối cãi, Islam ưu việt hơn tất cả các nền văn hóa khác mà lịch sử đã đi qua. Bởi vậy, chúng ta chỉ cần áp dụng lời dạy của Islam để phát huy những khả năng tiềm tàng mà con người có thể phát huy. Chúng ta không thể bắt chước giá trị văn hóa của Tây phương nếu muốn duy trì và phát huy giá trị của Islam. Cái tai hại mà nền văn

hóa Tây phương có thể tác động trên thân thể của Islam còn nguy hại hơn ngàn lần lợi ích vật chất mà chúng ta có thể thụ hưởng ngày hôm nay.

Nếu thế giới Muslim đã bị bỏ rơi trong lĩnh vực khoa học thì điều đó không có nghĩa là nhắm mắt đi theo tất cả những gì bên phương Tây. Chúng ta thà sống trong cảnh đói vỡ và nghèo nàn về mặt khoa học còn hơn là nhắm mắt đi theo nền giáo dục của Tây phương bởi lẽ nó có xu hướng đối chọi trực tiếp với Islam và một ngày nào đó sẽ đưa Islam đến diệt vong. Nếu chúng ta nhất quyết bảo vệ Islam như bảo vệ một yếu tố văn hóa thì chúng ta phải chặn đứng tất cả các giá trị vật chất rỗng tuếch bên ngoài. Nếu không thì nó sẽ ảnh hưởng vào đầu óc của mỗi cá nhân Muslim, từ từ xâm nhập và phá hủy cấu trúc xã hội của chúng ta. Còn bất chước thái độ và nếp sống của Tây phương thì một ngày nào đó chắc chắn sẽ bị rơi vào cạm bẫy của họ, bởi lẽ bất chước những thái độ bề ngoài sẽ dẫn đến sự đồng hóa một ý thức mà thái độ đó đã biểu hiện.

Chương năm

Vấn đề bắt chước

Vấn đề người Muslim bắt chước nếp sống Tây phương hoặc có tính cách cá nhân hoặc xã hội chính là mối đe dọa trầm trọng nhất đối với sự hiện tồn hoặc việc tái thiết văn hóa Islam. Căn bệnh này bắt nguồn từ lúc sự tuyệt vọng của người Muslim đối với những tiến bộ về mặt khoa học, về vật chất và về mãnh lực quân sự của Tây phương hơn nửa thế kỷ về trước. Một số không quán triệt lời dạy của Islam, trong đó có giới tự cho là 'Ulama, bắt đầu rêu rao cho rằng người Muslim không thể nào vươn lên tới Âu châu ngoại trừ phải tiếp nhận một số khái niệm về xã hội và kinh tế từ bên Tây phương. Lúc bấy giờ, xã hội của Islam đã đi đến ngõ hẹp và trên đường suy đồi. Nhiều người nghĩ, chính vì hệ thống xã hội và kinh tế của Islam không còn phù hợp với những tiến bộ của hiện đại cho nên phải được sửa đổi theo nền tảng của Tây phương thì họa may mới có thể theo kịp thế giới. Giới "giác ngộ" này không cảm thấy họ phải tìm hiểu lý do nào đã dẫn đến sự suy đồi của người Muslim và cũng không cảm thấy cần phải nghiên cứu nền thần học chân chính của Islam mà họ chỉ lên án

những điểm bất đồng của những nhà thần học đương thời rồi kết luận đó là những điều làm trở ngại cho sự tiến bộ! Thay vì trở về với nguồn căn bản của Islam, trở lại với Thiên kinh Qur'an và lời dạy trong Sunnah, họ lại vớ vẩn đi tìm giải pháp trong giáo luật (Shari'ah) và những bộ diễn giải Fiqh, nhưng lúc đó đã quá lỗi thời. Chán nản vì không tìm thấy giải pháp nào trong Shari'ah, họ dẹp nó vào trong một góc, cho rằng Shari'ah không còn ứng dụng thực tế nữa mà chỉ là bộ giáo luật trong quá khứ mà thôi. Bởi thế, phải nên bắt chước theo Tây phương và cho rằng đó là cách giải quyết lý tưởng nhất để vượt ra khỏi sự suy đồi và bế tắc của mình. Trong hai thập niên của đầu thế kỷ thứ 20, giới "giác ngộ" Muslim này tung ra những sách báo tấn công Islam không nương tay. Mặc dù không công khai hạ bệ, nhưng họ tìm cách lý luận cho độc giả thấy lý tưởng của Islam không thể nào đương đầu với xã hội và kinh tế của thế giới Tây phương. Họ cảm thấy cần phải bắt chước, chấp nhận đi theo Tây phương đồng thời dọn đường đả phá những nguyên lý căn bản nhất trong nền tảng của Islam. Trong quá trình đó, lúc nào họ cũng đội lốt dưới danh nghĩa của "sự tiến bộ" để hô hào quần chúng nhằm tạo nên những phong trào đổi mới trong các nước Islam.

Nếu chúng ta bàn luận cuộc sống này có giá trị tâm linh hay không? Chúng ta có nên mặc quần áo Tây phương hay của tổ tiên mình, chúng ta có nên giữ gìn tập quán của chúng ta hay không thì những cuộc bàn cãi ấy đều vô dụng và lạc đề. Trong chương trước chúng ta đã thấy, Islam đã ban rất nhiều đặc ân cho con người miễn là họ không vi phạm bất cứ tín điều nào. Ngoài những đối lập giữa hai nền văn hóa Tây phương và Islam, chẳng hạn như trai gái tự do cởi mở hay việc sử dụng tiền lời mà Tây phương cho là nền tảng kinh tế của họ, còn có những tác hại sâu xa hơn, chẳng hạn như bản chất của nền văn hóa Tây phương lúc nào cũng có xu hướng

chống tôn giáo. Bởi thế chỉ có những kẻ thiếu suy nghĩ lắm mới nghĩ rằng bắt chước cái bề ngoài của một văn hóa sẽ không đụng chạm gì đến tinh thần của nó. Chúng ta nên biết, một nền văn hoá không phải chỉ mang hình thức trống rỗng bên ngoài mà còn có nội dung và tinh thần bên trong. Có thể nói, văn hóa là một đơn vị sống. Khi chúng ta bắt chước làm theo hình thức thì nội dung và tinh thần của nó sẽ lập tức bám vào sự suy nghĩ, uốn nắn cách suy nghĩ của chúng ta một ngày một ít, cho đến khi tỉnh lại thì chúng ta đã bị đồng hóa mất rồi!

Bởi vậy, chúng ta phải suy ngẫm về câu hadith bất hủ của Thiên sứ Muhammad (*saw*): “Kẻ nào bắt chước người khác thì sẽ trở thành người đó.” (Musnad Ibn Hanbal, Sunan Abu Dawud). Câu nói này không những là lời dạy luân lý mà còn là sự thật về sự kiện, sự kiện người Muslim bị đồng hóa bởi nền văn hoá Tây phương mà họ đã bắt chước từ những khía cạnh bề ngoài của nó.

Về phương diện này rất khó phân biệt giữa cái “quan trọng” và “không quan trọng”. Trong bối cảnh bao quát, không có điều gì có thể cho là không quan trọng cả. Chẳng hạn như khi nói về quần áo, không có gì tai hại hơn khi cho rằng quần áo chỉ là bề ngoài chứ không có giá trị gì đối với nội tâm của con người. Thông thường, quần áo là một sản phẩm nói đến sự cần thiết và khẩu vị của một sắc dân được đúc kết qua thời gian lâu dài. Kiểu của nó phù hợp với khái niệm thẩm mỹ và tính tình của dân tộc đó. Nó được sửa qua và sửa lại qua những biến đổi thời gian và môi trường để phù hợp với cá tính và văn hóa của một dân tộc. Cho nên, quần áo của Tây phương nói lên tính tình và nền trí thức Tây phương. Bởi thế, khi bắt chước đi theo thời trang của Tây phương người Muslim đã thâm nhận trong vô thức những khẩu vị của Tây phương nhưng phải uốn nắn tính tình và nội tâm

của mình cho “vừa vặn” với bộ áo quần mới. Trong quá trình chuyển tiếp đó, y phải từ bỏ những tiềm năng phát triển nền văn hóa của y, từ bỏ những khâu vị được thừa kế trong quá khứ, những nét thẩm mỹ, những sở thích của dân tộc để đi theo nền tư duy từ văn hóa bên ngoài. Nói cách khác, nếu bắt chước theo quần áo của Tây phương người Muslim đã phản bội chỗ đứng trong nền văn hóa của y. Cho nên không thể nào nói, bắt chước đi theo nền văn hóa bên ngoài lại không ảnh hưởng đến tinh thần của nó, và không thể nào nói rằng bắt chước đi theo nền văn hóa đối chọi với nền luân lý của mình lại có thể tồn tại là một người Muslim chân chính được.

Xu hướng bắt chước tùy thuộc vào tâm trạng hạ cấp của mỗi người. Đây chính là lý do mà người Muslim đã bắt chước nền văn minh của Tây phương. Một bên thì thành công về khoa học kỹ thuật và trội hẳn về phương diện quyền lực còn một bên thì bé tắc và đau khổ. Bởi thế nhiều người đã lầm tưởng, Islam không còn lối thoát nào khác ngoại trừ đi theo lý tưởng của Tây phương. Họ lâm vào tình trạng khốn đốn, đổ thừa cho Islam vì những khiếm khuyết của mình. Cùng lắm, những kẻ tự cho là trí thức cất lên những giọng nói xoa dịu biện luận cho rằng Islam có thể hấp thụ những giá trị của Tây phương mà không bị thiệt hại gì cả.

Muốn phục hồi tinh thần của Islam thì trước tiên người Muslim phải chỉnh đốn thái độ trung kiên của mình. Chúng ta phải biết sống hãnh diện, phải nhận thức được mình là một phần tử đặc biệt hoàn toàn khác hơn so với những người trong tôn giáo khác. Chúng ta phải nỗ lực bảo vệ sự khác biệt của chúng ta như bảo vệ một phẩm chất vô cùng cao quý. Chúng ta phải đứng lên, gọi mời nhân loại đến với Islam thay vì trở nên bị quan và ảm náu trong các nền văn hóa khác. Điều này không có nghĩa là chúng ta phải lánh xa những giọng nói từ bên ngoài. Có

những văn hóa sẵn sàng đón nhận những ảnh hưởng mới mẻ và tốt lành từ xã hội bên ngoài mà không bị nền văn hóa đó đồng hóa. Minh họa về trường hợp này là thời Phục hưng (Renaissance) của Âu châu. Trong đó, chúng ta thấy Âu châu sẵn sàng tiếp thu văn hóa phía Ả-rập trong lĩnh vực học vấn, nhưng không bao giờ bắt chước cách ăn mặc bề ngoài của người Ả-rập hay hy sinh tính lý luận tự lập của họ. Họ lợi dụng nền văn hóa Ả-rập như phân bón để làm cho vùng đất được phì nhiêu thêm, cũng như Ả-rập đã lợi dụng triết học Hê-len để phát triển trước kia. Hậu quả của việc tiếp thu các ảnh hưởng tốt từ bên ngoài tạo nên các khai mở trong lĩnh vực tâm linh và một nền văn hóa mới đầy nhựa sống, tự tin và hãnh diện bắt đầu vươn lên tại bản xứ. Cho nên, không có nền văn minh nào có thể phát triển hay thành hình nếu không có niềm tự hào và mối liên quan chặt chẽ với quá khứ của nó.

Nhưng nhìn lại thế giới Islam, thái độ và xu hướng bất chước lối suy nghĩ và lý tưởng của Tây phương đã từ từ cắt đứt mối quan hệ của người Muslim với quá khứ, sau đó quay ngược trở lại xem thường giá trị văn hóa và tâm linh của mình. Đây cũng giống như tình trạng của một cây cỏ thụ, nó chỉ đứng vững khi gốc rễ của nó ăn sâu vào lòng đất. Nhưng rễ cây của Islam đang bị giòng nước lũ của nền văn hóa Tây phương đang ào ạt xói vào làm cho nó nhô lên mặt đất. Giờ đây, thân thì đang héo hon, lá thì đang rơi rụng vì thiếu chất dinh dưỡng. Có lẽ, cây cỏ thụ này sẽ bị đổ xuống một ngày gần đây.

Bởi thế bất chước theo văn hóa của Tây phương để phục hồi Islam không phải là giải pháp để chữa lành tình trạng hôn mê của người Muslim vì trong thực chất nó sẽ biến Islam từ một tôn giáo linh động từ lĩnh vực tâm linh cho đến xã hội trở thành một thứ lễ nghi bề ngoài, thiếu sức

sống và lý tưởng đạo đức bên trong. Như vậy, người Muslim phải nhìn vào đâu để tìm sự hồi sinh trong tâm linh và trí thức mà chúng ta đang mỗi mòn trông đợi?

Vấn đề này thật ra rất là đơn giản. Islam, cũng như tôi đã trình bày, không chỉ là “niềm tin trong trái tim” mà còn là một lối sống được vạch ra cho mỗi cá nhân và xã hội. Nó sẽ bị suy thoái nếu bị đồng hóa vào văn hóa với nền luân lý đối nghịch với nó. Và tương tự, Islam sẽ được khôi phục trở lại nguyên vẹn khi lời dạy của nó được tuân hành một cách nghiêm chỉnh. Nó sẽ tạo ra những giá trị và yếu tố mới cho mỗi cá nhân và xã hội phát triển trong mọi lĩnh vực.

Sống trong môi trường có nhiều bất đồng lý tưởng và những ý nghĩ khác nhau như thời đại hôm nay, Islam không thể nào quay mặt làm ngơ. Cuộc hôn mê bấy lâu phải chấm dứt, hoặc là Islam phải thức tỉnh trở lại hoặc là sẽ bị héo mòn rồi biến mất. Vấn đề mà người Muslim đang đương đầu với ngày hôm nay là vấn đề của một người du hành đang đứng giữa ngã tư đường. Y có thể đứng đó nhưng sẽ bị chết mòn vì đói khát, y có thể chọn con đường với mũi tên “Đến với Văn-hóa Tây phương”, nhưng nếu chọn con đường đó thì phải từ giã với quá khứ và không bao giờ có thể trở lại. Hoặc là y sẽ chọn đường với mũi tên “Đến với Sự-thật của Islam”. Đây mới là con đường gọi lại niềm tin nơi quá khứ và tin vào khả năng để phát triển quá khứ đó thành một tương lai sán lạn.

Chương sáu

Hadith và Sunnah

Nhiều chương trình cải tiến đã được đưa ra và các bác sĩ tâm linh đã nỗ lực chữa bệnh để bảo chế những phương thuốc công hiệu nhất cho thân thể bệnh hoạn của Islam trong vài thập niên trôi qua. Nhưng cho mãi đến bây giờ, cơn bệnh vẫn không thuyên giảm vì tất cả các ông bác sĩ nêu trên, ngay cả các vị tài ba nhất đã quên viết trên toa thuốc của họ, cùng với những liều thuốc trị liệu, những thực đơn thiên nhiên để chống với cơn bệnh đồng thời phục hồi sức khỏe nhanh chóng hơn. Trong đó có một loại thực đơn đặc biệt làm bổ ích trong tình trạng sung túc hoặc trong cơn bệnh hoạn, lúc nào cũng bồi dưỡng thân thể Islam chống lại tất cả những cơn đe dọa từ bên ngoài. Thực đơn đó chính là Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*) của chúng ta. Sunnah là cái chìa khóa để tìm hiểu nền vinh quang của Islam hơn 13 thế kỷ qua vậy thì tại sao chúng ta không sử dụng nó để tìm hiểu thăm trạng của người Muslim ngày hôm nay? Đi theo Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*) đồng nghĩa với sự phát triển và tiến bộ và bỏ rơi Sunnah có nghĩa là chuốc lấy sự suy đồi và tan rã. Sunnah chính là cái

khung sắt kiên cố của tòa nhà Islam. Bởi thế, chúng ta không nên ngạc nhiên, nếu có kẻ đến rút những khung sắt ấy ra thì ngôi Nhà của Islam sẽ bị sụp đổ như những lá bài vậy.

Điều này tuy đơn giản nhưng là sự thật được chấp nhận bởi tất cả các nhà học giả trong khắp lịch sử Islam, nhưng hơi ơ lại là vấn đề ít người quan tâm nhất. Nó cũng chính là lý do khiến cho nền văn hoá Tây phương đã vươn lên hủy hoại thế giới Islam một cách tả tơi. Đây là sự thật không thể chối cãi, cho nên chỉ có Sunnah mới có thể cứu vãn những cảnh hỗn độn, suy đồi và nhục nhã trong thời đại của chúng ta.

Chữ "Sunnah" ở đây mang ý nghĩa rất bao quát, đại khái là tất cả những tấm gương mà Thiên sứ Muhammad (*saw*) đã đặt ra cho chúng ta từ việc làm, thái độ, hành động và những lời dạy bảo của Người. Thông qua Sunnah, chúng ta mới có thể thấu hiểu những hình ảnh sống động và những lối giải thích Thiên kinh Qur'an. Bởi thế, muốn sống theo Thiên kinh Qur'an chúng ta phải học từ Thiên sứ Muhammad (*saw*), vị mà Thượng Đế đã chọn làm phương tiện để mặc khải cho con người.

Một trong những khía cạnh đặc thù của Islam khác hơn tất cả các tôn giáo khác là sự quân bình tuyệt đối giữa hai khía cạnh tâm linh và vật chất trong cuộc sống con người. Đây là một trong những lý do khiến cho Islam đã đem lại nhiều chiến thắng vẻ vang bất cứ nơi nào mà nó đã đi qua. Nó mang cho nhân loại một niềm tin mới, rằng con người không nên bỏ rơi cuộc sống trần gian để đạt lấy thiên đường vĩnh cửu. Chân lý cao đẹp đó chính là lý do tại sao vị Thiên sứ thân yêu của chúng ta trong khắp sứ mạng truyền bá Islam lúc nào cũng quan tâm đến cuộc sống hiện tại và sự phối hợp giữa tâm linh và vật chất. Bởi thế, nếu có kẻ tách rời đời sống ra thành hai khía cạnh, một bên thuần túy về tâm linh và thờ phượng,

và một bên thì thuần túy về xã hội hay đời sống hằng ngày, thì chắc chắn y là kẻ hoàn toàn mù quáng về Islam. Sự tranh luận về đời với đạo là hai dòng ly biệt không có điểm dung hòa với nhau, hay những người đã cho rằng Thiên kinh Qur'an chỉ được thiên khai cho những tên Ả-rập mù chữ ở thế kỷ thứ 6 chứ không phải cho giới trí thức ngày hôm nay đều không có cơ sở và phản Islam. Biện luận này chỉ có thể phát ra từ những kẻ thiếu hiểu biết về sứ mạng và vai trò thiêng liêng của vị Thiên sứ sinh ra tại nước Ả-rập này.

Cũng như tinh thần lãnh đạo của Thiên sứ nghiệm rõ, cuộc sống là một thực thể bao quát, tổng số của tất cả các đạo nghĩa và thực hành, của cá nhân và xã hội cho nên mỗi người Muslim phải nỗ lực duy trì và phát triển cả hai mặt tâm linh và vật chất đến mức tối đa trong cuộc sống. Đó chính là ý nghĩa sâu đậm nhất của Sunnah. Thiên kinh Qur'an phán:

"Này, quả thật! Chúng sẽ không bao giờ thủ đắc được niềm tin ngoại trừ chúng đồng ý chọn người (Muhammad) để giải quyết tất cả mọi việc bất đồng, và sau đó, không một chút nghi kỵ trong trái tim, chúng chấp nhận tất cả các điều quyết định của người với tất cả tấm lòng." (Q 4:65).

"Hãy nói (với họ, hỡi Muhammad): 'Nếu các người thật sự yêu thương Thượng Đế, thì hãy theo ta; Thượng Đế sẽ yêu thương và xóa bỏ tội lỗi của các người; bởi lẽ Thượng Đế là Đấng Hằng Xóa bỏ và Đấng Hằng Thương yêu.' Hãy nói

(với họ): 'Hãy nên lưu ý đối với Thượng Đế và Thiên sứ!'" (Q 3:31-32).

Cho nên Sunnah là nguồn giáo luật thứ hai sau Thiên kinh Qur'an. Trong thực tế, chúng ta phải coi Sunnah là nguồn kiến thức đầu tiên và chính xác nhất đã diễn giải Qur'an, là phương tiện căn bản nhất từ đó không ai có thể phát minh ra những lối giải thích và những cách thực hành bất đồng với nhau. Trong Thiên kinh Qur'an, có những câu kinh trừu tượng không rõ ràng và cũng có nhiều câu hỏi thực tế rất quan trọng nhưng lại không được nhắc đến. Tuy nhiên, nền tảng tinh thần trong Thiên kinh Qur'an lúc nào cũng thể hiện trước sau như một. Muốn khai triển tinh thần đó để áp dụng trong thực tế, đôi lúc, không phải là một vấn đề đơn giản. Cho nên, điều kết luận lo-gic nhất là Thiên kinh Qur'an không bao giờ có dụng ý để sử dụng một cách độc lập mà phải nhờ đến lối diễn giải của Thiên sứ Muhammad (*saw*) qua Sunnah của Người. Ngay cả lý luận của chúng ta cũng khẳng định, không ai có thể giải thích Thiên kinh Qur'an rõ ràng hơn là người đã nhận nó trực tiếp từ Thượng Đế cho nhân loại.

Đến đây chúng ta lại đối diện với câu nghi vấn khác liên quan đến tính xác thực của những nguồn đã chuyển lại cuộc sống và lời nói của Thiên sứ Muhammad (*saw*). Những nguồn đó là *ahadith*, được định nghĩa là những lời mà Thiên sứ Muhammad (*saw*) thường nói và những hành động mà Người thường làm được các Sahabah (bạn đạo) của Người tường thuật và truyền lại cho các thế hệ nối tiếp, sau đó, được các học giả Islam nghiên cứu rất tỉ mỉ trong các thế kỷ đầu của Islam. Nhiều người Muslim hiện đại bướng bỉnh nói, họ sẽ sẵn sàng đi theo Sunnah nếu có người thuyết phục tính xác thực của *ahadith*. Vấn đề này được mưu tính nhằm phủ nhận *ahadith* và trực tiếp phủ nhận toàn thể cấu trúc của Sunnah.

Thế thì chúng ta tự hỏi, có bằng chứng khoa học nào để yểm trợ thái độ của những người hoài nghi về sự chính xác của ahadith, phủ nhận nó là nguồn giáo luật tin cậy hay không?

Trong con nòng nôi, những kẻ đối lập chỉ hô hào thách thức, nhưng không ai có thể đưa ra bằng chứng có giá trị hàn lâm để biện luận cho lý lẽ của họ. Dĩ nhiên, đây không phải là vấn đề đơn giản, bởi lẽ những nhà sưu tập ahadith ngày xưa, đặc biệt là hai ông Bukhary và Muslim đã bỏ rất nhiều công sức để nghiên cứu và sưu tập ahadith với phương pháp nghiêm khắc nhất, nghiêm khắc hơn tất cả các phương pháp mà những nhà sử học bên Tây phương đã áp dụng để kiểm duyệt những dữ kiện trong lịch sử hiện đại.

Mục đích của cuốn sách này không cho phép chúng ta đi sâu vào chi tiết để mổ xẻ các phương pháp nghiên cứu được các *muhadithun*, là những nhà học giả ahadith đã sưu tập mà chúng ta chấp nhận các phương pháp đó là một ngành nghiên cứu khoa học đã được thiết lập để điều tra, kiểm chứng về nội dung, ý nghĩa, hình thức và về phương pháp truyền khẩu của mỗi hadith. Một trong những chi nhánh của ngành khoa học này đã thành công trong việc thiết lập hệ thống lý lịch liên quan đến nhóm người truyền khẩu ahadith. Tất cả mọi mặt trong cuộc sống và tư cách của họ đều được điều tra rất tỉ mỉ, trong đó, chỉ có một số người mang phẩm chất đặc biệt nhất mới được những nhà nghiên cứu ahadith chấp nhận. Bởi thế, nếu có ai muốn thách thức tính xác thực của hệ thống sưu tập ahadith thì vấn đề sai lầm chỉ rơi trên vai của y mà thôi. Trên quan điểm khoa học, không ai có thể thách thức phương pháp và những lời tường thuật chân thật của những nhà truyền đạt ngoại trừ y có đầy đủ bằng

chúng để chứng minh sự khiếm khuyết của phương pháp đó. Nếu không, chúng ta phải chấp nhận Sunnah là đúng và chính xác với sự thật.

Ngay cả đến hôm nay, chưa có một nhà phê phán nào có thể chứng minh được khuyết điểm của những bộ ahādith do các nhà học giả ngày xưa đã sưu tập. Bởi thế, gạt bỏ Sunnah, hoặc chỉ là một phần hoặc là toàn bộ là vấn đề thuộc về tình cảm mà thôi.

Sự hỗn độn trong nội bộ người Muslim trong thời đại chúng ta có thể tìm thấy nguyên nhân của nó một cách dễ dàng. Đó là sự thất bại của cộng đồng Muslim không thể đem tinh thần cao đẹp của Islam phản ánh từ Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*) để áp dụng vào cuộc sống. Để biện luận cho sự khiếm khuyết và môi trường mà họ đang sống những kẻ này dựa vào tâm lý của quần chúng để bài bác sự cần thiết của Sunnah. Nếu thành công trong việc phủ nhận Sunnah, họ có thể diễn giải Thiên kinh Qur'an bất cứ lối nào cảm thấy thích hợp, tốt hay xấu tùy theo khả năng và khát vọng của mỗi người. Chỉ có cách đó, vị trí đặc thù của Islam trên nền tảng luân lý, một lối sống chân thật và một quy luật về xã hội mới có thể bị phá hủy toàn bộ.

Ngày hôm nay, ảnh hưởng của nền văn hóa Tây phương ngày càng tác động lớn mạnh trong các quốc gia Islam, gây ra nhiều tai hại trong đầu óc của những kẻ tự cho là giới trí thức Muslim. Thật ra, không ai có thể sống thật theo Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*) và ôm cả nếp sống bên Tây phương cùng một lúc. Nhưng điều đáng tiếc là, hiện nay, nhiều người Muslim đã sẵn sàng đón nhận đi theo bất cứ những giá trị nào mang đến từ Tây phương, tôn thờ nền văn hóa đó bởi lẽ nó hấp dẫn, nó ngự trị quyền uy và thành công về vật chất. Tính Tây phương hóa này chính là lý do đã làm cho thể hệ Muslim

tương lai ngày càng xa rời con đường của Thiên sứ và làm cho cả hệ thống Sunnah trở nên suy thoái trong thời đại của chúng ta. Bởi lẽ Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*) lúc nào cũng toát lên tinh thần chống lại giá trị và khái niệm vật chất của nền văn hóa Tây phương, còn những người Muslim bị xã hội Tây phương mê hoặc thì lại tìm cách chống đối, gán cho Sunnah là lỗi thời. Sau khi tách rời Sunnah ra khỏi Qur'an, thì vấn đề lợi dụng, bóp méo lời dạy trong Thiên kinh Qur'an cho phù hợp với tinh thần của Tây phương càng trở nên dễ dàng hơn.

Chúng ta phải tự hào và có quyền tự hào về Islam vì nó là một tôn giáo không phải dựa trên những tín điều thần bí mà lúc nào mở rộng cánh cửa phê phán và lý luận. Bởi thế, người Muslim không những có trách nhiệm đi theo con đường của Thiên sứ mà còn có trách nhiệm tìm hiểu ý nghĩa sâu xa về lý do tại sao chúng ta phải đi theo con đường của Người.

Islam dạy con người kết hợp tất cả mọi mặt trong đời sống một cách quân bình. Là một phương tiện cho mục đích đó, Islam trình bày một con đường bao quát và toàn bộ, cho nên không có gì có thể đưa vào và không có gì có thể lấy ra. Nửa đúng hoặc nửa sai hoàn toàn không có chỗ đứng trong Islam. Vì vậy, bất cứ những điều chỉ dạy nào được tìm thấy trong Thiên kinh Qur'an, khẳng định qua Sunnah của Thiên sứ thì chúng ta phải chấp nhận đi theo với tất cả tâm lòng nếu không thì nó sẽ bị mất giá trị. Tuy nhiên, đi theo Sunnah với tất cả tâm lòng của mình không có nghĩa là chúng ta gạt bỏ lý luận qua một bên. Lý luận, trên quan điểm của tôn giáo mang tính cách kiểm soát. Mục đích của nó để xem có điều gì vượt ngoài sự hiểu biết của con người hay không? Đại khái là một bộ máy giúp chúng ta khẳng định "có" hoặc

"không". Nhưng hôm nay, với sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật, con người lạm dụng lý lẽ đến nỗi nó đã vượt qua cả tầm kiểm soát của mình. Đầu óc của con người vốn không có khả năng thấu hiểu sự bao quát mà chỉ thấu hiểu những sự kiện chung quanh một cách từng phần. Chúng ta hoàn toàn không hiểu khái niệm "vô tận" hay "vĩnh cửu"; ngay cả sự sống chúng ta cũng không biết nó là gì. Bởi vậy, trong hệ thống dựa trên nền tảng thiêng liêng như tôn giáo, chúng ta cần có người để dẫn đường, những người có khả năng duy lý cao siêu hơn nhưng gần gũi với chúng ta. Chúng ta cần những người thoát tục, nói cách khác, chúng ta cần có những vị Thiên sứ để dìu dắt chúng ta đi trên con đường thiện ngã. Nếu chúng ta tin, Thiên kinh Qur'an là Lời Phán của Thượng Đế và Muhammad (*saw*) là Thiên sứ của Ngài thì chẳng những chúng ta chấp nhận đi theo con đường của Người trong tâm hồn mà còn phải chấp nhận trong lý luận nữa. Chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa và mục đích mà Thiên sứ Muhammad (*saw*) đã dạy chúng ta. Bất cứ trường hợp nào, hiểu hay không hiểu, chúng ta phải tuân mệnh. Tôi muốn trình bày ví dụ của một người lính được cấp trên ra lệnh phải đánh chiếm một vị trí chiến lược. Một người lính trung thành sẽ lập tức thi hành mệnh lệnh của cấp trên mà không cần phải thắc mắc dài dòng. Trong lúc thi hành nghĩa vụ, nếu y có thể hiểu thấu mục đích mà cấp trên đã phác họa thì càng tốt. Tuy nhiên, nếu không hiểu thì không có nghĩa là y phải rời bỏ hàng ngũ nhưng phải làm tròn nhiệm vụ của mình để đạt đến mục đích chung. Là người Muslim, chúng ta tin tưởng tuyệt đối vào tài lãnh đạo của Thiên sứ Muhammad (*saw*) thân yêu của chúng ta. Chúng ta hiểu, chỉ có Người mới quán triệt hết những yếu tố tinh thần và xã hội trong Islam hơn tất cả những người đương thời và trong thời đại hôm nay. Khi ra lệnh làm điều này hay tránh điều kia, lúc nào Thiên sứ cũng đều có mục đích "chiến lược" mà Người đã tính trước cả rồi. Chúng ta tìm hiểu lời dạy của Người, đôi

lúc, ý nghĩa của nó hiện ra rõ rệt, đôi lúc thậm chí đối với những kẻ thiếu suy nghĩ. Đôi lúc nó hiện ra mập mờ, đôi lúc chỉ thấy được trước mắt. Dù bất cứ tình huống nào đi chăng nữa, chúng ta được lệnh phải thi hành mệnh lệnh của Người, nếu tính xác thực và nội dung của hadith đó hoàn toàn có cơ sở, ngoài ra không có điều gì đáng lo ngại cả. Dĩ nhiên trong những mệnh lệnh đó, có những điều tối quan trọng không thể lơ là và có những điều kém quan trọng hơn. Cho nên, chúng ta thi hành những mệnh lệnh quan trọng trước và kém quan trọng hơn sau. Tuy nhiên, không bao giờ bỏ qua vì những mệnh lệnh đó có vẻ "không cần thiết". Thượng Đế phán trong Thiên kinh Qur'an về Thiên sứ Muhammad (*saw*) như sau:

"Y không nói từ tâm lòng của y" (Q53:3)

Nghĩa là Người chỉ nói khi nào cần thiết mà thôi. Khi đó, Thượng Đế sẽ thần giao cách cảm cho Người nói. Bởi thế, chúng ta bắt buộc phải theo Sunnah của Thiên sứ Muhammad (*saw*) từ nội dung cho đến hình thức thì mới chứng tỏ là một người Muslim chân chính.

Chúng ta không thể nói rằng đây chỉ là một trong những lý tưởng trên thế giới mà phải nói, đây chính là Sự Thật. Và vị đã mang lý tưởng này đến cho chúng ta không phải là một trong các vị danh nhân đã đến và đã qua trong quá khứ mà Người chính là vị đã mang Sự Thật đến. Đi theo tất cả mệnh lệnh của Người chính là đi theo Islam và bác bỏ Sunnah của Người chính là bác bỏ sự thật của Islam.

Chương bảy

kết luận

Trong các chương trước, tôi cố gắng trình bày tính toàn bộ của Islam. Islam không thể tồn tại và phát triển bằng cách tiếp thu các giá trị từ nền văn minh bên Tây-phương. Nhưng ngược lại, thế giới Muslim ngày hôm nay đã trở nên quá yếu ớt, không còn sức để chống cự với ảnh hưởng từ bên ngoài. Những tàn dư của một thời vàng son nay đang bị áp lực của văn hóa và nếp sống Tây-phương phá hủy một cách mãnh liệt, chắc chắn không thể nào tránh khỏi thoái hóa mà thoái hóa từ quan điểm của quốc gia và văn hóa chỉ có nghĩa là đón lấy cái chết.

Tại sao Islam lại trở nên nông nổi này? Phải chăng áp lực của kẻ thù và tính cầu bại làm cho chúng ta nghĩ, Islam chỉ là một động lực “chuyển tiếp” thật sao? Phải chăng Islam không còn ứng dụng trong thực tế nữa vì đã cung cấp tất cả cho thế giới rồi?

Lịch sử dạy, văn hóa và văn minh là những thực thể sống động. Quá trình sinh trưởng của nó sẽ trải qua tất

cả các giai đoạn của một sinh vật. Nó được sinh ra, trưởng thành, già nua, suy thoái và trở thành cát bụi cũng như cỏ cây vậy. Đến thời điểm nào đó, văn hóa cũ sẽ qua đời nhường chỗ cho nền văn hóa mới chớm nở.

Có phải đây là trường hợp sẽ xảy ra với Islam hay không? Thoạt đầu khi mới trông qua có vẻ là vậy, bởi lẽ Islam cũng đã có thời rạng rỡ và lớn mạnh, nó mang lý tưởng mới cho nhân loại, đã từng thay đổi nhiều quốc gia và bộ mặt thế giới. Một thời gian sau, im lìm rồi suy đồi, sau đó chỉ còn tiếng nói vô vọng, cho đến hôm nay chúng ta đang chứng kiến cảnh phân rã của nó. Có phải đây là điểm kết thúc thật sao?

Nếu chúng ta tin, Islam không phải là một trong các nền văn hóa khác, không phải là đúc kết của khối óc và nỗ lực của con người nhưng là một động lực phát triển văn hóa, là Qui-luật do Thượng Đế ban cấp cho nhân loại ở mọi nơi và mọi thời đại thì lúc đó cục diện của vấn đề sẽ thay đổi hoàn toàn. Nếu chúng ta đi theo văn hóa Islam một cách miễn cưỡng thì cũng giống như số mạng của tất cả các nền văn hóa khác đã đi qua và bị lãng quên trong lịch sử. Trong thực tế, sự suy đồi của Islam phản ánh từ cái chết và trống vắng trong trái tim của chúng ta. Tâm hồn của chúng ta đã quá cũ mòn, quá chai đá cho nên đã không còn nghe thấy tiếng gọi của thế giới bên kia. Từ ngày ra đời cho đến hôm nay, chưa có một dấu hiệu nào xuất hiện trong quá khứ hay tương lai lại có thể đánh ngã Islam. Không có hệ thống nào có thể sản xuất một xã hội với nền luân lý như của Islam, không có cộng đồng nào có thể nâng cao tinh thần đại đoàn kết như Islam đã đề ra trong khái niệm đại đồng *Ummah*, và chưa có chủ nghĩa nào đã thiết lập một xã hội, trong đó sự bất hòa giữa các cá nhân được giảm thấp đến mức tối thiểu như của Islam. Đó là chưa nói đến nhân phẩm của con người, tình yêu, vị tha và sự an bình...

So sánh với các yếu tố nêu trên, tất cả các chế độ thành công nhất trong thời đại ngày hôm nay vẫn thua hệ thống xã hội của Islam rất xa. Thế thì câu nói “Islam đã lỗi thời” đã đến từ đâu? Có phải vì nền tảng của nó được xây dựng trên cơ sở tôn giáo và tôn giáo đã lỗi thời trong thế kỷ thứ 20 này chăng? Nhưng, nếu một hệ thống dựa trên nền tảng tôn giáo lại có thể sản xuất một cấu trúc cho cuộc sống hoàn hảo hơn, đảm bảo hơn và mang tính chất như tâm lý của con người, nó cao siêu hơn cả tất cả các cuộc cách mạng hiện kim, các cuộc cải cách xã hội thì không phải biện luận này thiên hẳn cho xã hội dựa trên nền tảng tôn giáo hay sao?

Islam thúc đẩy sự thành tựu của xã hội bởi lẽ nó phác họa và trình bày con đường để phát triển tiềm năng của mỗi cá nhân trước khi đầu óc con người có thể phát hiện. Tương tự, nó dạy con người đề phòng những khiếm khuyết, lỗi lầm và những sự đổ vỡ trước khi quá muộn màng. Ngoài mặt tâm linh còn có những khía cạnh hoàn toàn thuộc về khả năng duy lý, nhưng phải được suy diễn trong cấu trúc của Islam. Nêu biện luận văn hóa và văn minh của Islam trên cơ sở này, chúng ta sẽ đi đến kết luận, cuộc phục hưng của Islam chắc chắn sẽ xảy ra. Chúng ta không cần phải “cải tiến” Islam như nhiều người đã đề nghị bởi lẽ Islam đã hoàn hảo trong chính nó. Ngược lại, chúng ta phải cải tiến bản thân của mình, phải sửa đổi tính lười nhác, tính ương ngạnh, tính thiếu cần, nói cách khác, mỗi người Muslim phải sửa đổi những khiếm khuyết của mình chứ không phải những cái cho là khuyết điểm của Islam.

Để thiết kế lại cuộc phục hưng mới, chúng ta không cần phải tìm kiếm những lý tưởng mới từ bên ngoài mà chỉ cần áp dụng những nguyên lý hiện có nhưng đã bị chôn vùi trong quá khứ. Có thể, chúng ta sẽ cần đến những

thúc đẩy của các nền văn hóa khác, nhưng không thể nào đổi chác cấu trúc toàn diện của Islam với những giá trị rỗng tuếch từ bên ngoài, cho là Tây-phương hoặc Đông-phương. Là một hệ thống tự hữu về tâm linh và xã hội, Islam không thể đem ra để cải đổi được. Từ quan điểm này, bất cứ thay đổi nào về khái niệm hoặc về xã hội mang ảnh hưởng từ văn hóa bên ngoài chỉ làm cho Islam bị suy thoái và tan rã chứ không phải mang lợi ích như nhiều người đã lầm tưởng. Bởi thế, sự thay đổi phải xảy ra từ trong lòng của chúng ta, theo thiết kế của Islam.

Với đề nghị cải tiến nêu trên, chúng ta cũng nên đánh giá tình trạng thế giới Islam một cách chân thật. Với tầm nhìn khách quan, thế giới Islam hiện nay hầu như đã quên mất vị trí của nó là một nền văn hóa tự hữu và độc lập. Điều này nói ra không phải để biện luận cho tình hình chính trị yếu ớt của Islam bởi lẽ phần lớn sự suy vi của thế giới người Muslim hiện nay, thật ra, thể hiện từ mặt trí thức và xã hội, sự thoái hóa về niềm tin và tính sáng tạo và quan trọng hơn hết là sự phân rã của xã hội chúng ta. Trạng thái hỗn độn này cho chúng ta thấy năng lực một thời đã đưa thế giới Islam đến thời vàng son nay đã cạn mất. Giờ đây, chúng ta đang trôi nổi trong định mệnh vô hình, không biết số mạng của mình sẽ trôi dạt về đâu. Không còn can đảm trí thức nào tồn tại, không còn sức lực để chống đỡ hay lèo lái dòng nước lũ của nền văn hóa bên ngoài xoay đi chỗ khác. Chúng ta đã đánh mất lời dạy tốt đẹp nhất mà thế giới đã từng biết. Hiện tại, chúng ta thì miễn cưỡng che giấu tôn giáo của mình mà khi xưa là một động lực sống động đối với các Sahabah, những vị bạn-đạo của Thiên sứ Muhammad (*saw*), những người đã đi tiên phong trong việc truyền bá Islam. Chúng ta thì xấu hổ, họ thì hãnh diện; chúng ta ương ngạnh và ích kỷ, họ thì rộng lượng mở cửa đón chào thế giới; chúng ta thì thiếu thốn, họ thì đầy đủ.

Lời oán than đau đớn này không còn lạ gì nhất là đối với những người Muslim biết suy nghĩ. Nó đã lập đi lập lại quá nhiều lần rồi. Vậy thì lập lại một lần nữa có lợi gì hay không? Tôi nghĩ rằng, có. Bởi lẽ chúng ta không còn lối thoát nào khác ngoại trừ một con đường duy nhất: chúng ta phải ôm lấy sự đau đớn này, khóc với nó, cười với nó ngày này qua tháng nọ, chúng ta phải nếm lấy mùi cay đắng này cho đến khi nào nguyên nhân của nó được giải thoát mới thôi. Ngoài ra, giấu diếm sự thật và nghĩ rằng thế giới Islam vẫn đang trên đà lớn mạnh, những tổ chức truyền giáo của Islam vẫn đang hoạt động trên bốn (4) lục địa, và Âu-châu hiện đang khám phá vẻ đẹp của Islam thì thật ra chỉ là ảo vọng. Quay mặt đi chỗ khác hay sử dụng những qui kế để che lấp sự nhục nhã của chúng ta cũng chẳng giúp ích được gì bởi lẽ chúng ta đang lâm vào tình trạng bế tắc và vô phương cứu chữa.

Nhưng, chẳng lẽ lại kết thúc tại đây? - Không thể được!

Hiện nay, ước mơ trở về với Islam đang dấy lên trong lòng hàng triệu người Muslim trên thế giới. Nhiều tia hy vọng lóe lên ở chân trời cho biết chiến trường vẫn chưa kết thúc và giải pháp phục hưng vẫn còn nằm đó cho những ai có mắt để quan sát.

Trước tiên, chúng ta phải ngưng tiếng nói bi quan của những kẻ cầu bại. Nó chỉ gây những nỗi hoài nghi trong nội bộ của chúng ta. Giai đoạn kế tiếp là ý thức về Sunnah. Bởi lẽ Sunnah chính là những lời chỉ dạy của Islam được áp dụng trong thực tế. Khi đem nó ra thực hành trong đời sống hàng ngày thì chúng ta mới có thể phát hiện được ảnh hưởng từ bên ngoài, cái nào tốt hay cái nào xấu để có thể tiếp thu hoặc ngăn ngừa. *Thay vì đánh giá Islam bằng tiêu chuẩn của xã hội bên ngoài,*

chúng ta phải đem Islam làm thành tiêu chuẩn để đánh giá tất cả các vấn đề khác trên thế giới.

Quả thật, có những sai lầm không đúng với tinh thần của Islam nhưng một số Muslim thiếu hiểu biết lại đem nó áp dụng trong đời sống bởi vì họ không có khả năng để so sánh với những nguồn kiến thức nguyên thủy cho nên vô tình đã tạo nên một bức hình lệch lạc về Islam. Còn những lời chỉ dạy do phái “chính thống” hiện đang duy trì, thật ra, không có gì mới lạ mà chỉ là những bộ diễn giải cổ điển được ứng dụng trong thế kỷ thứ 2 và thứ 3 trong niên lịch của Islam. Ngoài ra, những người Muslim được giáo dục trong các học viện của Tây-phương, hoàn toàn không quen biết với những bộ *Fiqh* phức tạp và cũng không biết ngôn ngữ Ả-rập thì lại cho rằng đó chính là những khái niệm xác thực nhất mà Giáo-luật Islam có thể cung ứng. Bởi thế, muốn khai triển Islam thành một động lực sáng tạo mới trong cuộc sống của người Muslim hiện nay, tất cả những bộ *Fiqh* phải được đem ra nghiên cứu và thiết kế với sự hiểu biết hiện đại dựa trên hai nguồn kiến thức căn bản của Islam. Kết quả của nỗ lực mới mẻ này có thể tạo nên một bộ *Fiqh* hiện đại, hoàn toàn phù hợp với Qur'an và Sunnah, nhằm cung ứng cho thế hệ mới cũng như ngày xưa các nhà học giả Muslim đã nỗ lực đúc kết những bộ *Fiqh* cổ điển để đối đầu với ảnh hưởng của triết lý Aristôtê và hậu Platônê đang thịnh hành trong đời sống thời bấy giờ.

Chỉ khi nào thủ đắc được niềm tự tin, thì lúc bấy giờ chúng ta mới có thể tiến tới được. Và, chúng ta sẽ không bao giờ tiến tới nếu cấu trúc xã hội của chúng ta bị phá hủy thành bình địa, rồi phải bắt chước cấu trúc của nền văn hóa bên ngoài. Chúng ta chỉ đi theo Thiên sứ Muhammad (*saw*) như Thượng Đế đã phán trong Thiên-kinh Qur'an:

“Quả thật, trong Thiên sứ có nhiều tấm gương đẹp cho các người đi theo, nếu kẻ nào muốn trở về với Thượng Đế và Ngày Cuối-cùng.” (Q 33:21)

Phụ Lục

Bối Cảnh thế giới và sự xuất hiện của Islam

Nền văn minh thế giới đã trải qua bao nhiêu thăng trầm từ thuở bình minh lịch sử của nhân loại cho đến ngày hôm nay. Từ nền văn minh Trung Hoa đến văn minh Ai-cập, từ Hy-lạp cho đến La-mã, rồi đến Islam..., tất cả đã qua đời nhưng vẫn vương vấn một thời vàng son. Chẳng những lịch sử đã cho chúng ta thấy những câu chuyện văn minh của thế giới mà các kinh sách lớn trên thế giới cũng đã ghi lại những nổi thăng trầm của từng thời đại như một bài học cho nhân loại. Nó gợi cho chúng ta một bức hình tương quan giữa tôn giáo và chính trị, rằng nền văn minh không những tiến hóa từ những đổi thay của xã hội và chính trị mà còn mang nhiều ảnh hưởng tâm linh sâu xa của tôn giáo. Thật vậy, hầu như tất cả các nền văn minh trên thế giới đều được xây dựng trên cơ sở tôn giáo và điều đó cũng không ngoại lệ đối với Islam. Islam bắt đầu đâm chồi nảy mầm từ môi trường xung khắc giữa hai cường quốc La-mã và Ba-tư vào thế kỷ thứ 7 sau Công-nguyên, cho nên có thể tìm hiểu bối cảnh lịch sử và sự xuất hiện của Islam vào thời điểm đó.

Vào khoảng 330 năm trước Công-nguyên, Hoàng Đế Alexandre vĩ đại của Hy-lạp có ý đồ thống trị thế giới, nhưng chẳng may mất sớm nên sự nghiệp không thành tựu, chỉ bành trướng Hy-lạp từ Âu-châu đến vương quốc Ba-tur. Một thời gian sau, La-mã nổi lên đánh chiếm Đế Quốc bao la của ông Alexandre. Hậu quả về sự bành trướng của Hy-lạp đã mang ảnh hưởng của triết lý Hê-len, những câu chuyện thần thoại giữa tiên giới và con người đến tận trung thổ Á Châu, Trung Đông và Bắc Phi.

Vào năm thứ 10 sau Dương Lịch, dân Ba-tur bắt đầu nổi lên chống lại ảnh hưởng của Hê-len, sau đó đi đến sự hình thành triều đại Arsacid. Lúc ấy, Ba-tur giáp với La-mã từ Biển Đen xuống Euphrate, vùng Mesopotamia của nước Irắc ngày hôm nay. Khi La-mã bắt đầu dời thủ đô từ Rome đến Constantinople, Ba-tur và La-mã càng có nhiều xung đột hơn trước. Tuy nhiên, bán đảo Ả-rập chưa bao giờ bị La-mã hoặc Ba-tur chiếm đóng mặc dù đã có nhiều đợt chiến tranh qua lại giữa hai bên rất nhiều lần. Ả-rập vẫn còn là một bán đảo biệt lập cho đến khi Islam xuất hiện, lúc bấy giờ mới bắt đầu tham gia vào hoạt động chính trị trên thế giới.

Một Đế Quốc khác nằm tại phía đông của Phi-châu là Abyssinia đóng vai trò không kém quan trọng trong mối quan hệ giữa La-mã và Ba-tur. Nhiều trận đụng độ kinh khiếp giữa Ba-tur và Đế Quốc Abyssinia (ngày hôm nay là Ethiopia) thường xảy ra tại Yemen, một vương quốc nhỏ nằm tại mé phía nam của bán đảo Ả-rập. Cũng nên nói là Abyssinia và Ả-rập đã cùng san sẻ một nền văn hóa và chính trị trong nhiều thế kỷ về trước. Trước khi Thiên sứ Muhammad (*saw*) ra đời, Abyssinia xâm chiếm Ả-rập từ ngưỡng cửa Yemen và cai trị tại đó một thời gian. Vì thần dân của Abyssinia theo Thiên-chúa giáo cho nên Đế Quốc Abyssinia và Byzantine (lãnh thổ tàn

du của Đế Quốc La-mã kể từ ngày dời thủ đô về Constantinople) đã có nhiều cảm tình với nhau. Thống đốc Abraha, một con cò do Abyssinia dựng lên để cai trị Yemen, nẩy tham vọng muốn thống trị luôn cả bán đảo Ả-rập, cho nên y đã điều binh khiển tướng, tiến đánh ngôi đền Ka'bah tại Mecca. Tuy nhiên, ý đồ đen tối của y đã bị thất bại ê chề và lịch sử của nó vẫn còn được nhắc nhở trong Thiên-kinh Qur'an (Surah 105). Năm đó đánh dấu năm ra đời của Thiên sứ Muhammad (*saw*) mà nhiều nhà học giả cho là năm 570 Dương Lịch. Sau đó, Ba-tur kéo đến xâm chiếm Yemen và ở đó cho đến năm 628, khi Yemen đi theo Islam thoát ra khỏi ách thống trị của Ba-tur.

Thế kỷ thứ 6 đánh dấu bằng những cuộc chiến tranh đầy máu lửa giữa La-mã và Ba-tur. Hoàng Đế Ba-tur, ông Anaushirvan (531-579), đổ quân xâm chiếm nước Syria, tiêu diệt thành Antioch của người Thiên-chúa vào năm 540-541. Thấy tình hình suy sụp, Hoàng Đế của La-mã là ông Justinian (527-565) bắt tay với Đế Quốc Abyssinia chống với Ba-tur tại Yemen. Bởi thế, khi nhìn trên bình diện quốc tế, Ả-rập đang bị ảnh hưởng của các cường quốc trên thế giới hăm he bốn bề. Không những Islam đã cứu nguy Ả-rập mà còn tiêu diệt luôn cả hai Đế Quốc, La-mã ở phía tây và Ba-tur ở phía đông.

Vào thế kỷ thứ 7, chiến tranh giữa La-mã và Ba-tur trở nên sâu đậm đến nỗi trở thành quốc hận. Năm 611, Ba-tur đánh chiếm thành Aleppo, Antioch và lấy luôn cả Damascus, thành phố nổi tiếng nhất của người Thiên-chúa lúc bấy giờ. Quân Ba-tur đốt nhà cướp của, giết người vô tội, lấy "Cây Thánh Giá" cho là cây đã treo Đức Giê-su mang về nước. Khi tin chiến thắng về đến Ba-tur, các giáo sĩ Ba-tur rầm rộ ăn mừng cho rằng tôn giáo của mình ưu việt hơn của Thiên-chúa. Trong lúc thế

giới đang nghĩ, có lẽ La-mã sẽ bị Ba-tur tiêu diệt thì Thiên sứ Muhammad (*saw*) được Thượng Đế thiên khai cho biết, sự thối lui của La-mã chỉ là tạm thời (Surah 60). Trong vài năm nữa, La-mã sẽ đánh trả Ba-tur một cú tử thương. Cho nên, từ quan điểm của tôn giáo, sự đánh giết qua lại giữa Ba-tur và La-mã chỉ là công cụ mà Thượng Đế đã phát họa nhằm tạo điều kiện cho Islam lớn mạnh đến khi trở nên thế lực chính trên thế giới.

Thừa thắng xông lên, Ba-tur tiến chiếm Ai-cập và nuốt luôn cả bắc Phi. Trong lúc tuyệt vọng trong tình trạng suy thoái, Hoàng Đế Heraclius nghĩ ra một tuyệt kế, bắt đầu động binh phản công. Ông biết quân Ba-tur không rành về thủy chiến, cho nên muốn dùng thủy binh của ông đánh từ ngõ sau. Năm 622 (cũng chính là năm Thiên sứ Muhammad (*saw*) di cư từ thành Mecca đến Mêđina, bắt đầu cuộc hành trình *Hijra* nổi tiếng trong niên lịch Islam) La-mã bắt đầu dùng chiến thuyền, chuyển binh đến miền bắc Trung Đông qua Biển Đen, bắt thành linh xuất binh, đánh cắt quân Ba-tur ra làm hai. Ba-tur thua trận ngõ ngang, rút quân về phòng thủ. Năm 623, 624 và 625 La-mã đánh thêm 3 đợt nữa chĩa mũi dùi thẳng vào lòng Ba-tur. Năm 628, Ba-tur xin đình chiến. Hoàng Đế Heraclius của La-mã dẫn bộ binh đến Jerusalem để nhận lấy "Cây Thánh Giá" do Ba-tur đem trả như một thành ý đình chiến. Có lẽ vào nơi đó Hoàng Đế Heraclius đã nhận được thư của Thiên sứ Muhammad (*saw*) mời ông đến với Islam. Hoàng Đế Heraclius nhận lá thư với lòng thành nhưng có lẽ vì quyền thế uy nghi và Đế Quốc quá rộng lớn cho nên không bận tâm suy nghĩ về lá thư và tôn giáo sau này làm rung động cả thế giới.

Mối quan hệ giữa Islam và Ba-tur kết thúc mau chóng hơn. Khi nhận được thư của Thiên sứ Muhammad (*saw*) kêu gọi ông đến với Islam, Hoàng Đế Chosroes II nổi giận, xé lá thư của Người thành từng mảnh. "*Rồi Thượng*

Đế sẽ xé nát vương quốc của y”, Thiên sứ Muhammad (saw) thờ dài khi Người nhận được tin. Quả nhiên, vài năm sau, các Thái Tử trong vương quốc cầu xé lẫn nhau giành giựt ngôi vương làm cho Ba-tur trở nên lũng củng trong nội bộ. Islam và Ba-tur bắt đầu đụng độ với nhau tại biên giới nước I-rắc. Vào năm 637, người Muslim tiêu diệt hùng binh của Ba-tur tại chiến trường Madain rồi tiến tới chiếm trọn Ba-tur, kết thúc một Đế Quốc và một thời giông gió trên thế giới.

Từ đó, La-mã cũng bắt đầu suy sụp. Islam thâm nhập La-mã đến tận Âu Châu, còn phía Đông, tiến đến biên giới Trung Hoa. Năm 1453, thành Constantinople, thủ đô của Byzantine rơi vào tay của người Musim xóa tên La-mã trên bản đồ thế giới.

Islam đã tham gia trên chiến trường chính trị và quân sự trên thế giới từ năm 633 cho đến 1924, kết thúc với sự sụp đổ của Đế Quốc Ottoman tại Thổ-nhĩ-kỳ, tổng cộng tất cả gần 1400 năm.

Tài liệu tham khảo:

1. Thiên Kinh Qur'an - Do nhà học giả Yusuf Ali dịch thuật.
2. Bộ Bách Khoa - Encyclopedia Britanica, 1989
3. Sự Suy Đồi và Sụp Đổ của Đế Quốc La-mã. (Decline and Fall of The Roman Empire) của nhà sử học Edward Gibbon.

4. Hoàng Đế Heraclius (l'Empereur Heraclius), Paris, 1869.

5. Sahih al-Bukhary của nhà học giả al-Bukhary do ông Muhammad Asad dịch thuật.

Thánh chiến Thập-tự-quân

Thánh chiến Thập-tự-quân là các cuộc vận động quân sự của người Thiên Chúa tại Âu-châu nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Islam. Một phần, các vị Giáo Hoàng muốn bành trướng thế lực chính trị và tôn giáo của mình, cho nên có thể nói, Thánh chiến Thập-tự-quân là chính sách quân sự do khối Nhà-thờ phát động nhằm ngăn chặn thế lực của người Muslim. Còn các vị vua chúa và những tên quý tộc ở Âu-châu thì lợi dụng thánh chiến như một phương tiện để bành trướng thế lực và đất đai của mình.

Thánh chiến Thập-tự-quân kéo dài từ thế kỷ thứ 11 cho đến thế kỷ thứ 15, nhưng giới học giả Tây Phương chỉ đánh dấu bằng 8 đợt mặc dù đã xảy ra nhiều hơn thế nữa. Lịch sử của nó có thể tóm lược như sau:

Vào thế kỷ thứ 11, thành Constantinople, thủ đô của Đế Quốc Byzantine bị áp lực của người Muslim Thổ-nhĩ-kỳ đe dọa. Hoàng Đế Alexius Đệ Nhất của Byzantine quay lại cầu cứu với các vua chúa tại Âu-châu, đặc biệt với Đức Giáo Hoàng La-mã.

Khôi Thiên Chúa mở cuộc họp thượng đỉnh tại Clermont, nước Pháp, vào năm 1095. Sau đó, Đức Giáo Hoàng Urban II gọi một đoàn quân Thiên Chúa gồm các kỵ sỹ trung thành với Nhà-thờ và những đội quân hỗn tạp do các vua chúa ở Âu-châu vận động để giúp Hoàng Đế Alexius Đệ Nhất đánh chiếm Jerusalem. Năm 1098, Thập-tự-quân tiến đến Antioch, và ngày 15 tháng 7 năm 1099, Jerusalem bị lọt vào tay của Thập-tự-quân. Lịch sử còn ghi nhận, sau khi Thập-tự-quân chiếm lấy thành Jerusalem, họ đã tàn sát toàn bộ người Do Thái và Muslim vô tội trong thành một cách nhẫn tâm. Trong thập niên kế tiếp, Thập-tự-quân đánh chiếm các vùng duyên hải tại Palestine và chia các vùng đất đã xâm chiếm ra làm thành ba quận: Tripoli, Antioch và Edessa. Ba quận này được chia cho các vua chúa tại Âu-châu cai trị như là lợi tức mà họ đã ký kết với nhau.

Năm 1144, người Muslim phản công, lấy lại quận Edessa. Khi tin đó đến Âu-châu, Đức Giáo Hoàng Eugenius Đệ Tam liền vận động cuộc thánh chiến thứ hai. Năm 1148, Hoàng Đế Conrad Đệ Tam của nước Đức và Vua Louis Đệ Thất của nước Pháp dẫn một đoàn quân gồm 50.000 người bao vây thành Damascus nhưng bị lực lượng Muslim đánh bật trở lại. Lúc bấy giờ, nền Khalifah (nền lãnh đạo) của phía Muslim đang chuyển sang Thổ-nhĩ-kỳ, cho nên đang trải qua những biến chuyển đep loạn trong nội bộ. Năm 1154, Sultan Nureddin bành trướng uy thế, thu nạp Damascus. Ông Saladdin, cháu của Sultan Nureddin thu nạp Ai-cập vào năm 1169.

Năm 1183, ông Saladdin bao vây các vùng đất do Thập-tự-quân đang chiếm đóng tại Jerusalem. Bốn năm sau, trong trận đánh đẫm máu tại chiến trường Hattin, gần bờ biển Galilee tại Palestine, ông Saladdin tiêu diệt hầu hết các đoàn Thập-tự-quân. Ngày 2 tháng 10 năm 1187,

người Muslim giải phóng Jerusalem và các thành trì khác ra khỏi Âu-châu và Thập tự-quân.

Tin Jerusalem bị mất làm chấn động cả Âu-châu. Đức Giáo Hoàng Gregory VIII, lập tức vận động cuộc thánh chiến thứ ba. Ông kêu gọi dân Âu Châu khắp mọi tầng lớp, từ thanh niên cho đến bô lão, gia nhập đoàn Thập-tự-quân để giải phóng Jerusalem ra khỏi ngục tù của tội "dị giáo". Lần này, cả Âu-châu rầm rộ tham gia tạo nên lực lượng lớn nhất trong lịch sử của Thập-tự-quân dưới sự lãnh đạo của Hoàng Đế Fredrerick Barbarossa vào năm 1189. Nhưng chẳng may, Hoàng Đế Fredrerick bị chết trên đường ra trận khiến cho Thập-tự-quân bị tan rã.

Đợt thánh chiến thứ tư do Đức Giáo Hoàng Innocent Đệ Tam cổ động vào năm 1198 nhằm đánh chiếm Ai-cập nhưng kết thúc một cách hi hữu. Nguyên, Thập-tự-quân không đủ tài chánh để trả tiền quân phục và chiến thuyền cho nước Venice, cho nên trở mặt giúp Venice đánh Hungary (Hun-gia-lợi), sau đó bao vây thành Constantinople của Đế Quốc Byzantine. Thành Constantinople bị rơi vào tay của Thập-tự-quân vào ngày 13 tháng 4 năm 1204, đánh dấu sự rạn nứt giữa Đế Quốc Byzantine và khối Nhà-thờ tại Âu-châu. Hậu quả của vết rạn nứt đó đã đưa Đế Quốc Byzantine đi đến diệt vong sau này.

Năm 1215, Đức Giáo Hoàng Innocent Đệ Tam hô hào đợt thánh chiến thứ năm để trả thù. Lần này, đa số lính Thập-tự-quân là những người từ nước Pháp và Đức nhưng khi đoàn quân ồ ạt tiến đến Ai-cập thì bị thua trận. Cuối cùng, trở về với hiệp ước 8 năm ngưng chiến giữa người Muslim và Thập-tự-quân. Đó là cuộc thánh chiến cuối cùng do khối Nhà-thờ đã hô hào và cổ động.

Cuộc thánh chiến thứ sáu do Hoàng Đế Fredrerick Đệ Nhị của nước Đức đứng lên lãnh đạo nhưng cũng bị thất bại. Sau đó, vua Louis IX của Pháp kêu gọi cuộc thánh chiến thứ bảy vào năm 1248. Khi vua Louis dẫn đoàn Thập-tự-quân bắt đầu tấn công Cai-rô, thủ đô của Ai-cập, thì bị phía Muslim mở cửa đập tại sông Nile, dìm toàn bộ lực lượng Thập-tự-quân trong dòng nước lũ. Vua Louis bị bắt bỏ tù, sau đó được thả về. 22 năm sau, năm 1270, vua Louis lại dẫn một đoàn Thập-tự-quân khác để trả thù, nhưng sau khi đổ bộ tại Tunis thì Louis đã bị bệnh mà chết, Thập-tự-quân bị tan rã.

Mặc dầu các cuộc thánh chiến còn kéo dài lê tẽ đến thế kỷ thứ 15 nhưng giới học giả Tây phương cho năm 1270 thì xem như đã chấm dứt.

Thập-tự-quân đã nỗ lực tấn công thế giới Islam từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 13 nhưng không để lại thành tích nào đáng kể tại Trung Đông, ngoại trừ một vài lâu đài cô đơn, những nhà thờ trống vắng và những thành trì đổ nát. Tuy nhiên, ảnh hưởng của nó tại Âu-châu lại rất sâu đậm. Nó đã tạo nên những bùng nổ trong việc phát triển kinh tế tại nước Ý, nước Đức và nước Pháp. Còn việc gây ngân quỹ để tài trợ cho các cuộc thánh chiến đã đưa đến việc thiết lập hệ thống thuế má trong các nước Âu-châu. Mặc dù Thập-tự-quân đã thất bại, nhưng Âu-châu lúc nào cũng nuôi mộng đánh chiếm Jerusalem, ngay cả trong các trang sử hiện đại, từ thời Chủ Nghĩa Thực Dân cho đến ngày hôm nay.

(Trích từ Bộ Bách Khoa - Encyclopedia Britannica, xuất bản năm 1989, quyển 3, trg 764.)

Thuật-ngữ

Abassiđ

Đế Quốc Islam dưới triều đại Abassad từ năm 750 đến 1250 Dương Lịch.

Abu Đa-ud (817 - 888)

Nhà học giả Muslim chuyên nghiên cứu và sưu tập hành động và lời nói của Thiên sứ Muhammad (*saw*) gọi là hadith. Ông sưu tập vào khoảng 500.000 hadith, nhưng sau khi nghiên cứu, ông chỉ chọn lấy 48.000 trong cuốn Sunan, công trình này tốn hết 20 năm trời trong cuộc đời sự nghiệp của ông.

A-đam

Trong kinh sách của Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo và Islam, Adam là tên gọi của vị đàn ông, tổ tiên của loài người.

Ahadith

Số nhiều của chữ hadith, là những hành động và lời nói của Thiên sứ Muhammad (*saw*).

Bukhary (810 - 870)

Nhà học giả Muslim chuyên về hadith. Người Ba-tur, sanh ra trong gia đình Muslim tại làng Bukhara vào năm 810. Ông là người hiếu học và mộ đạo, thu thập kiến thức từ nhiều học giả nổi tiếng đương thời. Trong công trình nghiên cứu hadith, ông đã sưu tập được 600.000 hadith nhưng chỉ chọn lấy 7.275 trong cuốn Sahih al-Bukhary, một trong các Bộ Toàn Thư hadith nổi tiếng nhất của người Muslim.

Đarimi (797 - 868)

Nhà học giả Muslim về hadith. Ông đã sưu tập vào khoảng 3.550 hadith trong cuốn Sunan của ông.

Dark Age (400 - 900)

Thời Tăm Tối. Thời này trải dài từ thế kỷ thứ 5 cho đến thế kỷ thứ 10 Dương Lịch. “Tăm Tối” bởi vì trong giai đoạn này, không có một thành tích văn hóa, giáo dục hay khoa học nào đã được ghi nhận trong lịch sử thế giới. Con người hoàn toàn chìm đắm trong u tối đến khi Islam và nền văn minh của nó xuất hiện, lúc đó nền văn minh của nhân loại mới được nối tiếp trở lại.

Đế Quốc Byzantine

Trong cơn hấp hối, Hoàng Đế La-mã, Theodosius I, chia Đế Quốc La-mã ra thành hai mảnh cho hai đứa con trai. Một mảnh với thủ đô tại Rome cai trị tây Âu và mảnh thứ hai với thủ đô tại Constantinople (tại Thổ Nhĩ Kỳ) cai trị đông Âu và bắc Phi. Năm 476, Rome lọt vào tay của người Goth, tây Âu sụp đổ. Phía Đông, thành Constantinople trở nên thủ đô mới của Đế Quốc mà các nhà học giả gọi là Đế Quốc Byzantine. Năm 1453, Constantinople rơi vào tay của người Muslim, chấm dứt ảnh hưởng của La-mã ở mọi nơi khác.

Fiqh (Fi-qoh)

Những bộ diễn giải Shari'ah (Giáo Luật Islam) thành chi tiết nhằm áp dụng trong đời sống hằng ngày. Nổi tiếng nhất là các bộ diễn giải của 4 vị: Malik, Hanafi, Hanbal, Shafyi.

Hadith

Lời nói và hành động của Thiên sứ Muhammad (*saw*).

Hajj

Cuộc Hành Hương của người Muslim tại Ả-rập Sau-di.

Ha-wa (Eva)

Trong kinh sách của Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo và Islam, Ha-wa là tên gọi của người đàn bà, tổ tiên của loài người.

He-len

Một trong những nền triết học của Hy-lạp liên quan đến thần thánh hay tiên giới.

Hijaz

Vùng Mêđina và Mecca của nước Ả-rập Sau-đi.

Ibn Hanbal (780 - 855)

Nhà học giả Muslim chuyên về Hadith. Ông là người Ả-rập, sanh tại thành Baghdad nước I-rắc vào năm 780. Sau khi tốt nghiệp từ các nhà học giả hadith đương thời, ông đã phiêu lưu rất nhiều nơi để sưu tập hadith. Ông sống rất thanh đạm, mộ đạo và yêu chính nghĩa. Chẳng những ông đã sưu tập, nghiên cứu các hadith để tạo thành bộ Musnad ngang hàng với các bộ Bách Khoa Sahih al-Bukhary và Sahih Muslim, mà còn nổi tiếng về phương pháp diễn giải Fiqh sau này mang tên của ông.

Ibn Majah (824 - 886)

Nhà học giả Muslim về hadith. Ông đã sưu tập vào khoảng 4.000 hadith, chia ra thành 1.500 chương trong 32 cuốn Bách Khoa.

Islam

Nghĩa chữ là An-bình. Là tôn giáo nói lên sự qui phục cho Ý Chí của Thượng Đế.

Jami at-Tirmidhi

Tên của Bộ Bách Khoa hadith của nhà học giả Tirmidhi. Trong đó gồm có Luật Lệ, tín điều và bối cảnh lịch sử của các hadith.

Jinn

Cũng giống như loài người nhưng Jinn là loài ẩn hình, mắt người không thấy được.

Ka'bah

Ngôi Đền Thiêng Liêng của người Muslim tại thành phố Mecca, Ả-rập Sau-đi, nơi mỗi người Muslim đều hướng về để hành lễ một ngày 5 lần.

Khalifah

Vị lãnh đạo tinh thần cai trị lãnh thổ của người Muslim trên thế giới, theo tinh thần lãnh đạo của Thiên sứ Muhammad (*saw*).

Mah-đi

Trong truyền thuyết của người Muslim, Mah-đi là vị anh hùng của Islam sẽ xuất hiện gần Ngày Tận-thế.

Mecca (Makkah)

Thành phố thiêng liêng nhất của người Muslim tại Ả-rập Sau-đi.

Mêdina (Madina)

Thành phố thiêng liêng của người Muslim, đứng hàng thứ hai sau Mecca, tại Ả-rập Sau-đi.

Middle Age (1000 - 1300)

Thời Trung Cổ của Âu Châu, trải dài từ thế kỷ thứ 11 cho đến thế kỷ thứ 14 Dương Lịch. Giai đoạn này đánh dấu bằng các cuộc cầu xé, dành dân lẫn đất của các vị vua chúa tại Âu Châu. Trong đó có cả những vụ xung đột giữa khối Nhà Thờ ở phía tây và Đế Quốc Byzantine ở phía đông của Âu Châu.

Muhaddithun

Những nhà học giả, nghiên cứu lời nói và hành động của Thiên sứ Muhammad (*saw*).

Muslim

Một cá nhân tự nguyện dâng ý chí của mình cho Thượng Đế.

Musnad

Những Bộ Bách Khoa sưu tập lời nói và hành động của Thiên sứ Muhammad (*saw*) trong đó có ghi cả những người đã truyền đạt nó.

Musnad Ibn Hanbal

Musnad của ông Ibn Hanbal, vị học giả hadith và cũng là vị đã nghiên cứu lãnh vực Fiqh sau này mang tên ông.

Nabi

Vị có nền đạo đức và tác phong siêu phàm được Thượng Đế chọn làm Thiên sứ cho Ngài.

Người Avar

Một trong những giống người sống tại Âu châu cổ. Người Avar gây chiến với các dân tộc khác, xây dựng lãnh thổ và đền đài vào thế kỷ thứ 6 cho đến thế kỷ thứ 9. Sau này nhập vào lãnh thổ của người Frank dưới thời của Hoàng Đế Charlemagne.

Người Frank

Một trong những giống người nói tiếng Đức cổ, sống tại Âu châu. Họ nổi lên chống La-mã vào thế kỷ thứ 5, sau đó xâm chiếm toàn lãnh thổ phía tây của Đế Quốc La-mã vào thế kỷ thứ 9. Con cháu của họ hiện nay đang sống rải rác tại các vùng bắc nước Pháp, nước Bỉ và Tây Đức. Tên nước Pháp, France, là bắt nguồn từ người Frank.

Người Goth

Cũng thuộc về một bộ lạc khác nói tiếng Đức cổ. Người Goth chiếm Rome, thủ đô phía tây của Đế Quốc La-mã. Họ thường biết đến bằng những miếng khiên tròn để che thân, cây gươm ngắn và tính trung thành với lãnh tụ của họ.

Người Hun

Một trong những bộ lạc du mục sống tại Âu Châu cổ, tham chiến với các bộ lạc khác chống La-mã. Người Hun nổi tiếng về tài bắn cung và cỡi ngựa.

Ottoman Empire

Đế quốc Islam dưới triều đại Ottoman từ năm 1251 đến năm 1924 Dương Lịch.

Qur'an

Thiên Kinh của người Muslim.

Reformation

Thời Cải Tiến - Thời này được đánh dấu bằng các cuộc cánh mạng tôn giáo xảy ra vào thế kỷ thứ 16 tại Âu Châu. Trong đó có hai vị cải cách nổi tiếng nhất là Martin Luther và John Cavin. Cuộc cải tiến này đã dẫn đường đến sự thành lập Tin Lành, một trong ba nhánh chính của Thiên Chúa Giáo.

Renaissance

Renaissance có nghĩa là “hồi sinh” hay “phục hưng”. Đây là giai đoạn hồi sinh của nền văn minh Âu Châu xảy ra trong thế kỷ 15 và 16 sau nhiều thế kỷ u ám của Thời Trung Cổ.

Sahih

Các thành quả ưu tú.

Sahih al-Bukhary

Tên của một trong hai Bộ Bách Khoa hadith danh bất hư truyền của người Muslim ghi lại lời nói và hành động của Thiên sứ Muhammad (saw) do nhà học giả Bukhary nghiên cứu và sưu tập.

Sahih Muslim

Cũng như Sahih al-Bukhary, Sahih Muslim là Bộ Bách Khoa hadith ưu tú ghi lại lời nói và hành động của Thiên

sứ Muhammad (saw) do nhà học giả Muslim nghiên cứu và sưu tập.

Shari'ah

Giáo Luật Islam

Sahabah (Bạn Đạo)

Là những người đã theo Thiên sứ Muhammad (saw) và đã ở kề cận bên Người để học đạo trong suốt sự nghiệp truyền bá Islam. Những vị Sahabah có học trò gọi là Tabi'un và học trò của Tabi'un được gọi là Tabi' at-Tabi'in. Những vị Tabi' at-Tabi'in sống vào thế kỷ thứ 2 và thứ 3 trong niên lịch Islam (vào năm 700 - 900 Dương Lịch). Thời của các vị Tabi' at-Tabi'in chính là giai đoạn các hadith được sưu tập, nghiên cứu và đúc kết thành những bộ Bách Khoa hadith khác nhau.

Salat

Lễ nguyện của người Muslim, được thực hiện một ngày 5 lần.

Sa-tan

Quỷ-vương.

Sultan

Danh hiệu của vị thống trị lãnh thổ Islam. Danh xưng này tương đương với danh xưng Khalifah nhưng được người Muslim ở triều đại Ottoman ở Thổ-nhĩ-kỳ sử dụng.

Sunan

Bộ Bách Khoa ghi lại lời nói và hành động của Thiên sứ Muhammad (saw) đặc biệt liên quan đến Luật trong đời sống hằng ngày mà thôi.

Sunan Abu Dawud

Sunan của nhà học giả Abu Đa-ud nghiên cứu và sưu tập.

Sunan Ibn Majah

Sunan của nhà học giả Ibn Majah nghiên cứu và sưu tập.

Sunan ad-Đarimi

Sunan của nhà học giả Đarimi nghiên cứu và sưu tập.

Sunnah

Những hành động và việc làm của Thiên sứ Muhammad (saw) liên quan đến tất cả mọi mặt trong đời sống từ nghi thức hành lễ cho đến cách thức xã giao, từ tâm linh cho đến luật lệ trong xã hội.

Surah

Các chương mục trong Thiên-kinh Qur'an.

Tawaf

Nghi lễ đi vòng quanh đền Ka'bah tại thành phố Mecca, Ả-rập Sau-đi.

Thời Cải Tiến (Cải-cách)

Xem Reformation

Thời Phục Hưng

Xem Renaissance

Thời Tăm Tối

Xem Dark Age.

Thời Trung Cổ

Xem Middle Age.

Tirmidhi (821 - 892)

Nhà học giả Muslim về hadith. Ông sanh tại Mecca vào năm 821. Giống như nhà học giả Abu Da'ud, ông Tirmidhi có bộ óc nhạy bén vô cùng. Ông đã sưu tập và nghiên cứu hadith làm thành bộ Jami, ngang hàng với các bộ Bách Khoa hadith bất khả hư truyền trong lịch sử Islam.

Trinity

Chúa-ba-ngôi trong Thiên Chúa Giáo.

Ummayyāḍ

Đế Quốc Islam dưới triều đại Ummayyāḍ, từ năm 661 đến 749 Dương Lịch.

U'lama

Những nhà học giả Muslim.

Vùng Cận Đông

Trước thời đệ nhất thế chiến, vùng Cận Đông gồm có các nước như: Serbia, Bosnia và Croatia... Nói chung là các nước ở mé phía đông của Địa-trung-hải. “Cận Đông” hay “Trung Đông” là các tên gọi lấy Âu Châu làm tâm điểm.

Vùng Trung Đông

Gồm có các nước trải dài từ Ai-cập cho đến I-rắc. Những người trong vùng này đều nói tiếng Ả-rập.

Ummah

Cộng đồng người Muslim bất kể màu da hay chủng tộc.

Zakat

Tiền định thuế xã hội của người Muslim. Nó gắn liền với sự thờ phượng trong cấu trúc Islam.

